

Truyện ngắn của Ngọc Giao

CẬU BÉ ĐÁNH GIẶC CỜ ĐEN



CẬU BÉ ĐÁNH GIẶC CỜ ĐEN

Tác giả: **Ngọc Giao**

Thể loại: **Truyện ngắn**

Đóng gói: *nguyenthanh-cuibap*

Text: Waka

CẬU BÉ ĐÁNH GIẶC CỜ ĐEN

Giữa một khu rừng thẳm, ngày nọ bỗng có vết chân người lần tới. Về hoang vu từ đáy đồi phần ghê rợn, sớm chiều những đụn khói trắng vẫn lên làm bớt cái lạnh của rừng già và khí đá nghìn năm u uất.

Tiếng lão sơn nhân hú quái gở như tiếng ma quỷ; bóng lão chạy vun vút trên sườn non, khe suối, leo trèo như con hươu, con sóc ở các ngọn cây, vách đá cheo leo. Sau chân lão, một đứa trẻ chừng mười hai tuổi, mắt sáng, da đen bóng, chân tay cứng cáp, vác dao bám theo bố. Lũ ác thú thoát đâu còn hân hê toan hại cha con lão, nhưng rồi vật vớ với người cũng quen hơi, coi nhau như bạn. Với hai cha con thì lá cây là màn, cỏ hoa là chiếu. Ngày ngày, bố vác nỏ săn chim, dẫn củi, con thì nhớn nhoe đùa với bầy hươu nai ngoan ngoãn, với đàn hổ báo xinh xinh đang bú mẹ. Tiếng hú của lão hoá hoàn mới cất lên chỉ để báo hiệu cho con biết rằng vừa có một vài con thú lạ ở rừng xa mới lạc về. Hai cha con lập tức ra sức chinh phục ngay bầy thú dữ kia. Một là chúng chết để lại thịt da cho lão, hai là bị tổng ra khỏi vùng sơn lâm mà hiện cha con lão đang làm chúa.

Đứa trẻ tên là Quả. Mẹ nó chết vì bị một con giải nuốt khi đang tắm bên bờ vực. Hôm ấy lão đã lao ngay xuống vực nước sâu đánh nhau với con giải, trả thù cho người vợ. Cuối cùng, làn nước đỏ ngòm lên vì máu của con giải sống đã thành tinh và cả máu của ông lão gan dạ.

Xác con giải nổi lềnh bềnh, mấy chục cái vôi nhầy nhụa rớt rãi độc trôi dập dềnh trên mặt nước. Lão chỉ đủ sức lội được lên bờ thì gục xuống dưới chân thằng Quả ngày ấy mới chập chững, nó bò đến ôm lấy bố. Người cha hiền lâu tỉnh dậy, cúi rửa con dao máu, rồi cõng con về. Lão ốm hơn ba tháng vì nước độc và rớt độc ngấm vào những vết thương. Trong

suốt ba tháng lão bị ốm, hươu nai đem quả rừng, nước suối đến nuôi lão và nuôi Quải.

Ngày hai cha con đem nhau đến ở khu rừng hoang vu này, bầy hươu nai ân nghĩa đó cũng theo đi. Chúng ở cùng hang với cha con lão, canh gác cửa hang mỗi khi lão đi đâu vắng và vui đùa với thằng bé như anh em ruột thịt vậy.

Thằng Quải như trên đã nói, là một đứa trẻ khỏe như thần, lại tinh khôn nữa. Chỉ cần đánh hơi đâu gió cũng biết giống ác thú gì, dù con ác thú ở cách nó rất xa. Quải nghe con hoẵng “giác” (kêu) ban đêm mà biết trời sắp sáng - nếu tiếng kêu ở trên cao; và trời sẽ mưa to - nếu tiếng kêu ở dưới thấp; con diều hâu rít lưỡi trong không là sắp giờ trời mưa lạnh.

Một ngày giông bão kia, nó một mình leo lên đỉnh núi, ngửa mặt nghe gió lửa vi vút dưới chân và nhìn những tảng mây khổng lồ đen xăm chuyển trên nền trời u tối. Một con đại bàng bị gió bão đuổi ngang mây, đôi cánh mỏi đã khiến nó lao đao, chúi xuống như chiếc lá khô sắp rụng. Quải lo sợ cho tính mệnh con chim, nhưng không có cách nào cứu nổi.

Giữa lúc ấy thì mạng sống của lão sơn nhân cũng bị đe dọa như con chim nọ. Một toán quân mã ở tít đằng xa theo đà gió bão, lạch lững đến khu rừng hoang kia. Đó là lũ giặc Cờ Đen bên xứ Tàu, chúng kéo sang nước ta những nhiều, hành hạ con dân nước Việt bấy lâu nay khiến dân chúng cực khổ không sao kể xiết. Bọn người và ngựa, hung dữ như một đoàn âm binh hiện lên đột ngột đến nỗi lão vừa gánh bó củi về tới cửa hang thì bị vó ngựa của chúng xô ngã và gươm giáo của chúng chĩa tua tủa lên mình lão. Một tên tướng sai quân ném lão lên yên ngựa, rồi cả bọn lại phóng như gió lốc theo một ngọn cờ đen rất lớn. Toán giặc sẽ qua rặng núi Diều hâu. Quải từ nãy vẫn đứng trên ngọn núi, thoảng nghe vó ngựa khua rầm rập đằng xa,

nó lấy làm lạ chạy xuống xem. Mới đến nửa chừng núi thì toán quân ập tới. Giữa đám gươm đao, nó thấy bố bị trói còng trên ngựa, do một tên giặc chốt mắt cỡi.

Hoảng sợ, Quải toan bắn theo tên giặc đó nhưng sờ lên vai mới biết mình không mang nỏ, nó đành bám chạy theo nhưng len lỏi khéo cho giặc khỏi trông thấy. Vốn đã luyện được tài leo chạy, nó đuổi sau đoàn ngựa rất dễ dàng. Tuy phải chạy qua biết bao rừng rậm núi sâu nhưng Quải vẫn bám theo được chúng. Cuối cùng bọn giặc hạ trại giữa một vùng thung lũng, chung quanh có những vách núi cao dựng đứng, vây kín như thành, chỉ độc có một lối vào là dòng suối sâu.

Nó đứng lại, nấp vào một khe đá, ôm đầu nghĩ kế. Một kế lạ chợt lóe trong óc nó như tia chớp. Nó bèn len lỏi lui xa khỏi chỗ giặc đóng, rồi cầm đầu chạy về quan ải báo quan quân biết sào huyệt giặc.

Quan tri ều đình mừng lắm, ban cho Quải một con ngựa thập nhất, để theo đi dẫn lối. Đương đêm, bất chấp cơn bão mỗi lúc một mạnh, thằng bé vẫn cỡi ngựa phi như gió, dẫn đầu một đội binh tri ều đình dũng mãnh, gươm tuốt sáng loà.

Quải quắc mắt, tay cần cương, tay lăm lăm con dao rừng, bấp thịch nổi cuồn cuộn, lòng sôi lên vì muốn báo thù cứu bố. Đoàn quân sau lưng cũng hăng hái không kém, trong đêm thâu những vệt trắng di chuyển vun vút, vì mỗi người phải bịt một tấm khăn vải trắng cho dễ nhận ra nhau.

Gần đến canh năm thì đến sào huyệt giặc. Ngựa bịt mõm sẵn cho khỏi hí, thả ở xa. Quân lính do Quải dẫn đường rón rén tiến về phía thung lũng.

Trời sáng dần. Giặc thức dậy sửa soạn lễ tế cờ: Một con trâu cạo trắng hếu nằm trên một đồng cành khô chắt cao, đã sẵn sàng mồi lửa. Lão sơn nhân bị chúng buộc ghì vào chiếc cột treo lá cờ đen, gần ngay tên đao phủ. Chúng sắp dùng lão làm vật tế cờ cùng với con trâu nọ. Bọn giặc Tầu tuốt gươm, đứng thành hai hàng. Tên chủ tướng mặt mũi hung tợn bước đến dưới cờ làm lễ.

Viên tướng triều đình thành linh vung kiếm ra lệnh cho năm trăm quân bắn một loạt súng hỏa mai và tên nổ xuống dưới lòng thung lũng. Quả giương nổ, nhằm đúng mắt thằng đao phủ, buông tên. Mũi tên vừa buông thì thằng giặc ngã lăn dưới chân bố nó. Sau loạt tên đạn thứ nhì, giặc ngã như ngã rạ, xác chông chắt đè lên nhau. Một lát sau, sự hỗn độn của lũ giặc Cờ Đen bị dẹp hẳn bởi loạt tên thứ ba. Tiếng rên la tắt dần đi dưới từng nhát kiếm của toán lính tiên phong vung xuống cổ những tên còn lại. Đáy thung lũng trở nên một nấm mồ khổng lồ chôn ngót ngàn thân giặc cỏ bao lâu nay tung hoành quấy nhiễu trên đất nước ta. Quân triều đình, theo lệnh chủ tướng, buông dây leo tụt xuống, lột lấy khí giới, thu phần toàn thắng. Quả là người ném dây leo xuống trước, cũng như đêm qua đã phi ngựa dẫn đầu năm trăm quân của triều đình. Quả cởi trói cho bố. Hai cha con mừng rỡ đến ứa nước mắt. Quan Tiều phủ sứ nắm tay nó, khen ngợi là thiếu niên dũng sĩ, là người con hiếu và mưu trí khác thường.

Sau đó, quan Tiều phủ sứ ngỏ ý tiến dẫn bố con Quả, cho vào đội quân đi dẹp nốt giặc Cờ Đen còn sót ở các vùng biên giới. Lão sơn nhân từ chối, xin ở lại rừng xanh vui với nghề tiều phu, đoạn lão giục con lên ngựa theo quân triều đình đi tiêu trừ bọn giặc phỉ Tầu.

Ngọc Giao

Truyện Bá, số 63, năm 1943

QUẬN HẺO, QUẬN HẺ

I

Trời nổi giông bão và mưa mù mịt từ đầu buổi chiều. Rừng núi như điên cuồng gào thét dưới sức tàn phá của gió mưa. Sấm chớp như xé trời vạch núi. Chim chóc, thú rừng lẫn cả vào hang sâu, tổ kín. Khi bóng tối đang bảng lảng buông xuống thì mưa gió cũng dần dần tạnh. Bỗng từ phương nam, có hai bóng người phi ngựa tới. Cả hai cùng vận võ phục. Người to béo, râu quai nón thả lỏng dây cương, quay lại nói với người mặt vuông, lông mày xéch ngược, da đen như mực:

- Quái, hấn dẫn đội ta ở Tháp Ma này, sao không thấy?

Người kia dừng ngựa lại đáp:

- Không lẽ nó dám sai lời. Há nó lại không biết kiếm ta sắc lăm hay sao!

Mấy tiếng vượn hú trên một ngọn núi cao. Một con chim lìa tổ bay ra kêu ba tiếng như ma hờn quỷ khóc. Tự nhiên, một tảng đá từ trên sườn núi gần đấy lăn xuống, reo lên một tiếng vang động cả rừng chiều. Hai kỵ sĩ giật cương, ngựa chồm lách ra xa. Đôi kiếm cùng rút ra lóe sáng. Bỗng một gã đàn ông mặc toàn đồ đen ở một bụi rậm nhảy ra trước đội ngựa chiến, cúi đầu, vòng tay nói:

- Dám bầm hai vị tướng công, chúng tôi chờ phục mệnh ở đây đã từ lâu.

Viên tướng râu quai nón tra kiếm vào vỏ, gật đầu, rồi xuống yên, giao cương ngựa cho tên quân kia. Viên tướng mặt đen cao lớn cũng làm như vậy.

Đôi ngựa được đem giấu giữa một lùm cây bên bờ suối. Đoàn tên quân thân cận đó vạch cỏ lấy thưởng cuộc cất giấu sẵn từ chập tối, bước sau hai người chủ. Đi được chừng nửa dặm, tên quân trở một cái mã dưới gốc ngô đồng:

- Bẩm hai tướng công, chính thị đây là mã mẹ Phạm Đình Trọng.

Viên tướng râu quai nón hỏi:

- Có đích thực không. Mày nhớ sai, tao chém.

Tên quân quả quyết:

- Bẩm đúng. Chính con đã khiêng linh cữu mẹ Phạm Đình Trọng đem chôn. Ngày ấy Phạm Đình Trọng còn là một anh đồ kiết, làm ma mẹ mà không có lấy nổi một con gà cúng. Ông ta phải nói khó với mấy anh em con khiêng giúp, vì chúng con ở cùng một làng, một xóm với ông ta.

Dứt lời, hắn đập đá lấy lửa châm một ngọn đuốc thông cắm trên một cành cây cạnh ngôi mã, rồi giờ cuộc khai quật nấm mồ vô tội. Những nhát cuộc giờ lên hạ xuống tới tấp và tàn nhẫn. Thịnh thoảng những tia chớp sáng lòe trong rừng đêm soi rõ nét mặt hung ác và đôi cánh tay bắp thịt của kẻ đào mã khốn nạn kia. Hai chủ tướng của nó đứng sát bên ngôi mã, kiếm tuốt trần sẵn sàng như chỉ chờ kẻ nào đến ngăn cản việc khai quật mã là chúng giết. Có tiếng cánh chim động trên tổ khiến chúng ngẩng mặt, quắc mắt nhìn; tiếng hươu nai sột soạt cũng làm chúng lắng tai nghe, hăm hở vùng gươm chờ đón.

Một lát, ván quan tài bật ra. Tên quân thù lười cuốc xuống, xúc ném lên mặt đất những xương xẩu còn dính thịt lầy nhầy chưa tiêu hết. Viên tướng râu quai nón đập giày lên cái đầu lâu cười ha hả, nói với người bạn mặt đen sì:

- Đại huynh ơi, đầu mẹ thằng Trọng oan nghiệt đang đối địch với chúng ta đó. Nghe nói có một lão thầy địa lý Tàu qua đây, khen vị thế ngôi mả này tất sinh con làm khanh tướng, hiển hách suốt ba đời. Có lẽ như thế thật. Chúng ta chống cự với nó hơn ba năm nay, hao quân tổn tướng đã nhiều mà chưa trận nào thắng nó. Võ dũng của đại huynh, mưu trí của ngu đệ đây nào có kém gì ai, thế mà cứ thua nó mãi, đệ e rằng quân tướng coi thường mà lòng người cũng không còn muốn theo phò ta nữa. Tên Trọng cần hơn ba vạn quân của triều đình, nếu cứ thắng mãi ta, đệ lo sẽ không còn đất mà lùi nữa. Chi bằng ta thử vứt xương mẹ nó đi, xem cơ sự có thay đổi khác chăng. Làm việc thất đức này, đệ biết không phải là trượng phu nhưng tình thế lúc này bắt ta phải nhẫn tâm như thế.

Viên tướng mặt đen sì, giọng lè nhè như say rượu:

- Đại huynh nói phải. Trong lúc binh đao, ta dùng được kế gì đánh bại được kẻ thù thì cứ dùng, chứ nói gì tiểu nhân quân tử. Ta không hại nó, nó cũng hại ta.

Hắn cúi nhặt cái đầu lâu lên, đôi mắt đã xéch ngược càng xéch ngược thêm, cất tiếng cười như hùm rống:

- Nào, ta xem đầu mẹ nặng nhẹ thế nào nào, rồi mai ta sẽ cần đầu con mi như thế này, ném cho quân lính để chúng bằm nhỏ ra cho chó nhá.

Viên tướng râu quai nón cũng cười khoái chí:

- Bây giờ ta hãy ném xương mẹ thằng Trọng cho loài lang sói trong rừng ăn đã.

Dứt lời, chúng vung vứt xương ra từ phía r ễ cười ha hả, ra khỏi cửa rừng. Tên quân cúi đầu dâng cương cho chủ tướng. Tám vó ngựa phi như gió, biến vào bóng tối trùng điệp của đêm trường. Tên khốn nạn vừa đào mả trộm kia cũng lủi vào đêm tối như con chuột nhắt chui vào miệng cống. Rừng khuya tắt tiếng ngựa phi, lại hoàn toàn yên tĩnh và bí mật.

II

Viên tướng râu quai nón đỏ tên là Nguyễn Hữu C ầu, tục gọi là Quận He, người Hải Dương, trước đi ăn cướp, sau theo Nguyễn Cừ làm giặc.

Đến khi Nguyễn Cừ bị đại tướng tri ều đình là Hoàng Nghĩa Bá phá được đ ền giết đi r ễ, thì Nguyễn Hữu C ầu tức Quận He vội đem đ ồ đảng về giữ núi Đ ồ Sơn và đất Vân Đ ền.

Năm Quý Hợi (1743) Quận He giết được quan Thủy đạo đốc binh là Trịnh Bảng, r ễ tự xưng làm “Đông đạo thống quốc Bảo dân Đại tướng quân” thanh thế lừng lẫy ở mạn ấy. Sau bị Hoàng Ngũ Phúc đem đại binh đến vây ở núi Đ ồ Sơn, Quận He li ều chết phá vây, về đánh lấy thành Kinh Bắc. Quan trấn thủ là Trần Đình Cầm và quan Đốc đ ồng là Võ Phương Đ ề bị đánh thua ở Thị C ầu phải bỏ ấn tín mà chạy trốn. Ở kinh sư, chúa Trịnh Doanh (em Trịnh Giang) được tin ấy náo động cả lên.

Trịnh Doanh bèn truyền cho đại tướng Hoàng Ngũ Phúc đem binh về, nhưng thanh thế Quận He vẫn mạnh, phá quân của Trương Khuông ở làng Ngọc Lâm (thuộc huyện Yên Dũng), đuổi quân của quan thống lĩnh Đình

Văn Giai ở Xương Giang (thuộc huyện Bảo Lộc) rồi lại về vây dinh Thị Cầu.

Trịnh Doanh tức giận, bèn sai danh tướng Phạm Đình Trọng cùng Hoàng Ngũ Phúc cất đại quân đi đánh Quận He ở Xương Giang. Trận ấy, Phạm Đình Trọng chém chết một đại tướng của Quận He tên là Thông, thu được ngựa, lương thực và khí giới nhiều vô kể.

Quận He là một tướng văn võ kiêm toàn, mưu sâu kế lạ, quân triều đình đều sợ, coi là một tướng giặc giỏi vào bậc nhất kể trong bọn giặc nổi lên như ong thời bấy giờ. Ấy là những giặc to đáng kể như giặc Ngân Già năm Canh thân (1740). Trong khi đất Hải Dương, làng Ninh Xá có bọn Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ làm loạn thì đất Sơn Nam, làng Ngân Già có bọn Vũ Đình Dung, Đoàn Danh Chân, Tú Cao cướp phá dân gian rất dữ, giết cả quan Đốc lĩnh là Hoàng Kim Qua. Thế giặc mạnh lắm, đến nỗi Trịnh Doanh vừa được cử lên làm chúa đã phải tự làm tướng đem binh đi đánh, bắt sống được hổ tướng Vũ Đình Dung đem chém, và đổi tên Ngân Già làm Lai Cách (nay là Gia Hòa).

Kể đến giặc Ninh Xá. Thời bấy giờ Trịnh Giang vì ham mê tửu sắc, làm lắm điều tàn bạo nên giặc mượn cơ diệt trừ họ Trịnh dấy lên không ngớt. Trịnh Doanh vừa dẹp xong giặc ở Ngân Già, lại phải lo tiêu trừ giặc chạy sang Ninh Xá tức vẫn là bọn Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ, Vũ Trách Oánh, và Nguyễn Diên. Chúng dấy binh từ năm Kỷ Mùi (1739), làm loạn ở Hải Dương trước hết rồi vấy vùng ở đất Từ Sơn, Thuận Thành, Nam Sách và Hồng Châu. Nguyễn Cừ thì giữ đất Đỗ Lâm ở Gia Phúc, Nguyễn Tuyển thì giữ núi Phao Sơn ở Chí Linh, làm đồn xây lũy, liên lạc với nhau, quân kể có hàng mấy vạn người, quan quân đi đánh nhiều phen bị hại.

Năm Tân Sửu (1741) quan Thống lĩnh Hải Dương là Hoàng Nghĩa Bá phá được các đồn điền của giặc ở Phao Sơn, Ninh Xá và Gia Phúc. Nguyễn Tuyển thua chạy rồi chết. Vũ Trác Oánh không biết đi đâu mất. Còn Nguyễn Cừ thì chạy lên Lạng Sơn được mấy tháng lại về Đông Tri châu, nhưng vì hết lương phải nấp ở núi Ngọa Vân Sơn, bị quan Hiệp Đổng là ông Phạm Đình Trọng bắt được đóng cũi đem về kinh làm tội. Từ đó, giặc Cừ và giặc Tuyển mới tan. Tiếp đến giặc Hoàng Công Chất. Chất cùng với bọn Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ nổi lên một lúc. Trước phá phách ở đất Sơn Nam về hạt Khoái Châu và Xuân Trường. Đến năm Ất Sửu (1743), Chất lại bắt được và giết quan trấn thủ Sơn Nam là Hoàng Công Kỳ, sau bị quan quân đuổi đánh, Chất chạy vào Thanh Hóa rồi ra Hưng Hóa cùng với tên Thành làm loạn ở vùng ấy. Sau tên Thành bị quan quân bắt được, tên Chất chạy lên giữ động Mạnh Thiên phía bắc Hưng Hóa rồi chiếm giữ cả mấy châu gần đấy, đồ đảng đông dần lên hàng vạn. Từ đó, Chất cứ cướp phá ở đất Hưng Hóa và đất Thanh Hóa. Mãi đến sau, Đoàn Nguyễn Thục đem quân Sơn Tây lên đánh động Mạnh Thiên. Khi quan quân lên đến nơi thì Chất đã chết rồi. Con là Toàn chống giữ không nổi, phải bỏ chạy sang Vân Nam. Đồ đảng tan mất cả.

Ấy là ta kể qua về những giặc nổi lên vì những việc làm tàn bạo của Trịnh Giang, và như thế ta mới được biết rằng Trịnh Doanh là chúa kế nghiệp, phải bỏ ra bao năm đánh đông, dẹp bắc để giữ yên đất nước. Cũng chỉ vì việc đánh dẹp lâu năm như vậy nên Trịnh Doanh không rảnh rỗi mà làm được việc gì ích lợi, đến nỗi dân nghèo, nước yếu, chính trị điêu tàn, bởi vậy chẳng bao lâu họ Trịnh đổ, nhà Lê mất.

Ở trên ta đã kể sơ lược về những giặc cỏ cùng nổi lên một thời với Nguyễn Hữu Cầu, tức Quận He. Kể như thế để ta so sánh cái tài, cái trí của

Quận He trước khi ta được biết cả cái tài cái trí của người bạn uy dũng của Quận He là Quận Hẻo.

Quận He mới chừng ba mươi lăm tuổi. Thuở nhỏ, Cầu là con một nhà phú hộ. Cha Cầu giàu có mà keo kiệt tàn ác. Cầu đánh mất trâu, phải trốn lẫn trong một cái miếu hoang ba bốn đêm ngày. Có một đứa trẻ mục đờng cùng xóm về mách bố Cầu. Nhà phú hộ lập tức đi tìm con. Cầu trông thấy bèn trèo lên núi trốn. Sau đó một lúc, bố Cầu không thấy con về, Cầu bèn tìm thằng bé đã mách tin mình đánh mất trâu kia, đâm nó một quả chết tươi. Vì việc giết người này, Cầu mò mẫm ra đi. Cầu lạc lên Lạng Sơn, sang ải Nam Quan, lạc đến Long Châu, xin vào ở với một chú khách tiều phu trong rừng. Cầu được chú dạy võ nghệ trong sáu năm giời. Cầu bỏ chú, trốn về nước. Gặp thời Nguyễn Cừ nổi loạn ở Hải Dương, Cầu xin theo làm lính. Lập được nhiều công lạ, Nguyễn Cừ cất Cầu lên làm tướng. Từ đó, Cầu nổi danh là một hổ tướng lúc nào cũng ngưỡn ngang đầu ngựa với Cừ.

Sau khi Cừ chết rồi, Cầu thề với ba quân phải báo thù. mấy trận đầu chống nhau với quan quân, Quận He luôn luôn thắng, thế mạnh như chẻ tre. Nhưng rồi gặp phải đại tướng Phạm Đình Trọng, Quận He bao phen táng đờm không những vì lưỡi đao nặng trăm cân của Phạm tướng quân, còn khiếp vía vì chiến lược xuất quỷ nhập thần của vị danh tướng triều đình này nữa.

Quận He cũng được quan quân chịu là tài cán phi thường. Có khi bị vây mấy vòng mà chỉ một mình một ngựa, múa tít ngọn sà mâu phá vây ra như bốn. Quận He to lớn, râu quai nón, mày rậm, mắt to, tiếng hét như sấm, mình vận đồ đen, mỗi khi ra trận xông pha, Quận He cởi bỏ áo ném cho quân giữ, rồi tay vung sà mâu, quay cuồn đôi cánh tay rắn khỏe đầy lông

lá, sức mạnh thực như thần. Quan quân đều có ý khiếp sợ Quận He, thường gọi là Trương Phi đời Tam Quốc.

Nhiều phen thất trận, Quận He bỏ chạy về vùng khác, tướng chết, quân tan. Nhưng chỉ trong vòng có mấy ngày, lại có hàng ngàn quân tướng đi theo. Vì rằng ngày thường cướp được thóc gạo của các thuyền buôn ngoài biển, Quận He lại phân phát hết cho dân nghèo, cho nên đi đến đâu cũng có người theo, muốn lấy bao nhiêu quân lương cũng có. Các tướng sĩ, hề nghe chúa cử đi dẹp loạn Nguyễn Hữu Cầu, đều lo ngại. Duy có Phạm Đình Trọng là coi Quận He như một con hổ đói, mưu dũng của ông có thể dùng bắt Cầu không khó nhọc gì.

Bởi vậy, chúa Trịnh Doanh chỉ còn trông vào sức Phạm tướng quân để giữ yên bờ cõi cho xã tắc.

Trong khi ấy thì, năm Canh thân (1740) tên Tể và tên Bồng làm loạn ở đất Sơn Tây. Đại tướng quân Võ Tá Lý đánh bắt được cả hai đứa ở huyện An Lạc (thuộc phủ Vĩnh Tường).

Bấy giờ một tướng giỏi của Tể là Nguyễn Danh Phương, tục gọi là Quận Hèo, thề báo thù cho chủ, bèn chiêu gọi dư đảng về giữ núi Tam Đảo. Một mặt thì mộ quân trữ lương, và một mặt thì cho người về nói dối xin hàng.

Khi đó, ở phía đông nam, Quận He đang tung hoành chống chọi với quan quân, cho nên Trịnh Doanh cũng bằng lòng tạm cho Quận Hèo hàng. Nhưng kỳ thực, nhân cơ hội ấy, Quận Hèo tìm cách liên lạc được với Quận He. Hai con hổ chiếm giữ một vùng biển để luyện chiến thuyền, lại chiếm một khu rừng rộng để luyện quân đánh thành, phá lũy.

Một hôm, Quận Hẻo, Quận He ngồi uống rượu trên một tảng đá bên sườn núi, bàn mưu kế bắt Phạm Đình Trọng. Quận Hẻo có ý lo phiền, Quận He cũng vậy. Quân lính lúc bấy giờ cũng có lòng nao núng sau mấy trận bị Phạm tướng quân dùng mưu đánh phá, xác và máu ngập lụt cả một cánh đồng gianh dưới chân núi Cước Sơn.

Bỗng một tên lính hầu rượu, dâng hai cái thủ lợn lên.

Rượu ngà ngà, hai con hổ dữ vén tay áo, mỗi người cần một cái thủ lợn, đưa lên gặm nhồm nhoàm, rồi ném xương xuống đất. Nhìn những mảnh xương, tên lính hầu mặt choắt, mắt chuột kia, sức nẩy ra quý kế. Nó quỳ xuống tâu rằng:

- Bẩm hai tướng quân, kẻ hèn mọn này đã nghe thầy địa lý nói rằng Phạm Đình Trọng sở dĩ được chúa Trịnh Doanh quý trọng, ấy là do ngôi mã bà mẹ ông ta ở chân núi Trường Sa trong rừng Mật phía tây nam. Nay xin hai tướng quân sai đào mã mẹ ông ta lên, vất xương đi, tức khắc Phạm Đình Trọng nếu không bị chết dưới lưỡi kiếm thần dũng của hai tướng quân, cũng bị gian thần trong triều ghen ghét. Ta hãy nhờ người xúc xiêm chúa Trịnh Doanh, khiến ông ta bị hại. Hai tướng quân nghĩ thế nào?

Đôi mãnh hổ vùng ném hai chén rượu xuống đất, ngửa mặt cười vang cả núi:

- Ủ được đấy! Ta cho kế của người là giỏi. Xong việc này ta thưởng cho vàng bạc và phong chức đội trưởng, trông coi cả đám quân thị vệ của bọn ta. Kế ấy phải tức khắc thi hành ngay tối nay. Mau đóng yên cương sẵn, và sửa soạn thuồng cuốc, chỉ một mình mi làm việc ấy, nghe!

Tên quân hầu rượu, cúi rạp đầu xuống lạy, rồi khúm núm lui ra.

Thế là, giữa buổi tối giông bão và mưa mù mịt ấy, hai kỵ sĩ dừng cương ở Tháp Ma ven rừng thông, trong bóng tối một bóng đèn nháy vụt ra đỡ dây cương, rồi bó đuốc thông bốc sáng, những nhát cuốc hạ tới tấp và tàn nhẫn xuống năm mồ vô tội. Những mảnh xương bị ném lên trời trong tiếng cười sắc súa hơi men của Quận He, Quận Hẻo.

III

Phạm Đình Trọng được tin báo rằng mẹ mình đã bị Quận Hẻo, Quận He đào xới, vất xương đi, ông uất lên hét to một tiếng rồi ngất lịm. Tỉnh dậy, ông rút kiếm vạch trời thì phải giết hai tên giặc đó, quyết không cùng chúng sống ở đời.

Mấy trận sau, Trọng cất quân đánh quân Cầu và Phương tan nát, nhưng bắt hụt kẻ thù. Hai tên bị ông chém rơi khăn, rách áo, thoát chết trận ấy, đầu lo sợ lắm. Cũng vì lẽ ấy, Quận Hẻo tạm xa Quận He, để chạy sang giữ làng Thanh Linh (huyện Bình Xuyên, đất Thái Nguyên). Từ đó, Quận Hẻo mộ thêm quân, tích thêm lương, lập lại đồn ở núi Ngọc Bội (giáp huyện Bình Xuyên và huyện Tam Dương), lập đồn trong ở đất Hương Canh, lập đồn ngoài ở đất Ước Kỳ, rồi nhân khi Phạm Đình Trọng bỏ lỏng, Quận Hẻo ngang nhiên tự xưng là “Thuận thiên khởi vận đại nhân” làm cung điện, thu các thứ thuế ở đất Tuyên Quang, thanh thế lừng lẫy trong ngót mười năm trời, thành ra một nước riêng trong nước Việt vậy.

Trong khi ấy, năm Bính Dần (1746) Quận He bị Phạm Đình Trọng đánh riết quá, sinh sợ hãi, và quân lính thấy bị thua luôn, rủ nhau bỏ trốn rất nhiều. Hễ nghe có binh tướng quân Phạm Đình Trọng sắp giết Nguyễn Hữu Cầu để báo mối thù đào mồ là chúng tán loạn xô nhau trốn, không lòng nào chống cự nữa.

Thấy thế nguy, Quận He bèn cho người đem vàng bạc, gấm vóc, ngựa voi, sừng tê giác về đút lót cho Đỗ Thế Giai là một viên quan hầu cận xiêm ninh của Trịnh Doanh và quan nội giám là Nguyễn Phương Đình để xin hàng.

Giai và Đình được của tối mắt, liền hết sức nói với chúa Doanh. Trịnh Doanh thấy đã mỗi một vì việc dẹp giặc, nhất là giặc Nguyễn Hữu Cầu, bèn ưng thuận cho hàng và phong cho làm Hương Nghĩa Hầu, lại sai quan Thiêm Tri là Nguyễn Phi Sàng đem tờ dụ ra bảo ông Phạm Đình Trọng đừng đánh Nguyễn Hữu Cầu nữa.

Hôm ấy, Phạm Đình Trọng đang ngồi trên mình ngựa luyện binh trên bãi cỏ gianh ven rừng, thấy sứ giả đến đọc dụ, ông vội xuống yên. Nghe xong dụ Chúa, ông quắc mắt nhìn lên trời, tay nắm chắc thanh long đao, cất tiếng sang sảng nói rằng:

- Những người làm tướng ở ngoài dầu có mệnh vua, cũng có điếu không chịu. Ông vâng mệnh vua đi gọi giặc về hàng. Tôi vâng mệnh vua đi đánh giặc, thì tôi cứ đánh.

Nói đoạn, ông phất cờ, gọi lính truyền cất quân đi ngay. Phạm Đình Trọng cho thả hạ tin cần các huyện Thanh Hòa, Tứ Kỳ, Vĩnh Lại, Thượng Hồng hợp nhất lại, đặt làm bốn cơ rồi giao cho họ cai quản.

Ở Phủ Liêu, bọn nghịch tuấn Đỗ Thế Giai Nguyễn Phương Đình, vốn không ưa Trọng, bèn nhân lấy cơ ấy mà dèm với chúa Trịnh Doanh rằng Trọng có ý mộ thêm quân mưu phản. Nhưng Trịnh Doanh vốn biết Trọng là người trung thành, nên không nói gì đến việc ấy, lại làm một bài thơ sai người đưa ra cho ông để ông được yên lòng.

Nguyễn Hữu Cầu tuy đã xin về hàng, nhưng vẫn cứ cướp phá các nơi, sau lại về phá ở đất Sơn Nam. Phạm Đình Trọng cất binh đánh Quận He ở đất Cẩm Giàng (gần Hải Dương), Quận He lại thua chạy suýt chết. Quận He bàn với quân tướng rằng:

- Ta vừa mới thua, ắt có tin về kinh, chắc không ai phòng bị, nay ta lên về đánh có lẽ được.

Nói đoạn, ngay đêm hôm ấy, Quận He kéo quân về bến Bồ Đề. Đến nơi thì trời gần sáng. Nhận được tin cấp báo, Trịnh Doanh tự đem quân ra giữ ở bến Nam Tân, Phạm Đình Trọng được tin ấy lập tức đem quân ập đánh mặt sau, Quận He lại thua to bỏ chạy. Từ khi thua trận Bồ Đề, Hữu Cầu về cùng với Hoàng Công Chất cướp ở huyện Thần Khê và Thanh Quan.

Phạm Đình Trọng lại đem binh đánh đuổi.

Hoàng Công Chất chạy vào Thanh Hóa.

Quận He chạy vào Nghệ An, hợp với tên Diên.

Phạm Đình Trọng đem quân vào đánh phá trại giặc, đuổi Quận He ra đến làng Hoàng Mai. Thế cùng, lực tận, Quận He chạy vào một hàng thịt chó, cởi vội quần áo, ném tiền ra xin mượn anh hàng thịt bộ quần áo rách, rồi nhân lúc anh đồ tể đang mổ chó, viên tướng thất trận cũng ngẫ xuống làm với anh đồ tể.

Phạm Đình Trọng biết địch giặc trốn lẫn trong làng, bèn dàn mấy nghìn quân vây kín chung quanh. Rồi đó, ông một mình một ngựa, cưỡi kiếm đi khắp làng, sai lính hô hỏi ai chứa giặc hay trông thấy giặc mà không báo thì cả nhà chết chém.

Bấy giờ, Nguyễn Hữu Cầu trông thấy vợ chồng anh giết chó run cầm cập thì không đành lòng, vả tự nghĩ mình là một người chọc trời khuấy nước bấy lâu, tiếng tăm lừng lẫy, không lẽ lại sợ chết để lụy cho người, bèn xách kiếm nhảy lên mái nhà đứng nhìn ra hàng quân vây trùng trùng điệp điệp, gươm đao tua tủa, chiêng trống dậy trời, chuyển đất.

Khí tiết anh hùng bốc ngút lên, Quận He cởi phăng áo như mỗi khi ra trận, ném đi, rồi chờ ngựa Phạm Đình Trọng vừa đi tới, Quận He nhanh nhẹn như con chim liệng vút xuống. Lưỡi kiếm sáng lóe như tia chớp, Phạm Đình Trọng né mình tránh khỏi, lưỡi kiếm phạt ngang đầu ngựa. Con tuấn mã chồm lên rồi khụy xuống, mất hẳn nửa đầu.

Hai hổ mạnh gặp nhau! Mặt đối mặt, trên một bãi chiến hẹp, quân lính đứng xa cả ở bên ngoài. Thanh long đao và ngọn bát xà mâu vung lên, thép thiêng và thép sắc lòe lửa sáng. Đường đánh của hai dũng tướng vô cùng tinh xảo, bong hai người quay tròn nom tựa những cánh hoa bay theo gió lốc. Những bước tiến lui, những cánh tay vút lên cao và là xuống tựa như lá liệng, chim sa. Cứ như thế, cuộc đấu kéo dài và kết thúc sau một tiếng quát to, rồi một cái mình bắn ra xa, rơi vào hồ nước.

Quận He thất trận. Máu ở đùi thấm ra lênh láng. Bại tướng vùng đứng dậy, nhưng lại ngã lịnh. Vết thương nặng quá. Tức thì một cái cúi do bốn tên lính đẩy đến, ném Quận He vào nằm trong đó. Hắn nằm yên, mắt nhắm nghiến. Phạm Đình Trọng truyền cho mười viên tướng, năm trăm quân lập tức lên đường, giải Quận He về triều nộp chúa Trịnh.

IV

Bấy giờ Nguyễn Danh Phương tức Quận Hẻo lập đại đồn trên núi Ngọc Bội, đang ngỗ uống rượu trên sơn trại, bỗng thấy quân do thám

chạy lên báo tin Nguyễn Hữu Cầu bị bắt rồi. Quận Hẻo giật nảy mình, chén rượu trên tay rơi xuống đất.

Hôm sau, Phương lại được tin quan quân bắt đầu giải Cầu về triều nộp chúa Trịnh. Phương bèn nảy mưu cướp tù xa. Ngay hôm ấy, Quận Hẻo dẫn một nghìn quân lên tắt đường núi đón đầu bọn quân chúa Trịnh giải tù. Chúng ẩn nấp vào một cánh rừng chờ đợi. Quả nhiên bọn quân tướng của Phạm Đình Trọng đã rầm rộ tới kia, đi quanh một cái tù xa lớn, gươm giáo dựng lên tua tủa.

Quận Hẻo nhảy lên mình ngựa, phát cờ ra hiệu, vẫy quân nhảy xổ ra xếp hàng chữ nhất. Quận Hẻo vác giáo xông vào bọn tướng của Phạm Đình Trọng đánh toí bời. Bọn tướng tuy đông nhưng sao đủ tài cự địch với Phương, sức khỏe không kém gì Cầu. Cho nên bọn quan quân bị chết gần hết chỉ trong chớp mắt. Trong khi hỗn chiến, Quận He vẫn đi âm thầm vỗ đùi cười ha hả. Bọn tàn binh bỏ cả tù xa mà chạy. Thế là Quận He thoát nạn. Và hổ lại cùng với hổ về rừng. Lâu la trên núi Ngọc Bội được lệnh hai chủ tướng mổ trâu để khao mừng, đủ ba ngày đêm. Và nhân thể đợi ngày thứ tư thì chúng kéo đại binh xuống núi đi bắt Phạm Đình Trọng, trừ bỏ Trịnh Doanh để chia giang sơn mà làm vua nước Việt. Trên sơn trại đèn treo lá kết, trâu bò của dân do chúng cướp mang lên bị đem ra mổ rất nhiều. Tiếng khóc ở các làng quanh đấy bị át đi giữa tiếng reo hò của lũ giặc say.

Lại nói mấy tên quan quân giải tù xa sống sót chạy ngày đêm về báo tin Quận Hẻo đánh phá cứu Quận He. Phạm Đình Trọng được tin bèn ngay đêm ấy, người ngựa ngậm tăm, thẳng tiến về núi Ngọc Bội, sơn trại giặc. Lúc giặc đang đắc trí không ngờ, Phạm Đình Trọng vác đại đao, dẫn ba nghìn quân lên lên phóng lửa đốt trại giặc. Lâu la hoảng hốt, kêu rầm rĩ.

Phạm tướng quân múa đao đi trước, xông vào vòng khói lửa ngút trời. Bấy giờ Quận Hẻo, Quận He đang ngà ngà rượu, thấy lâu la nhốn nháo, vội vác khí giới nhảy ra.

Quận He gặp ngay Phạm Đình Trọng. Hắn gào lên múa kích đâm liên, đại đao của Phạm tướng quân cũng múa tít quấn lấy ngọn kích của Quận He, đôi bên đánh nhau rất lâu trong khi Quận Hẻo cuống quýt gạt tên lửa bay lên tới tấp do quan quân bắn ra, giữa khi bối rối lại gặp phải đại tướng của Trịnh Doanh là Nguyễn Phan sấn vào vùng kiếm chém. Quan quân đánh rất hăng, bọn lâu la phần vì no thịt say rượu, phần vì hoảng hốt nên chết rất nhiều, xác ngổn ngang khắp sườn núi đá đầy gai nhọn và cỏ sắc. Quận Hẻo biết không thắng được bèn nhảy ra xa, hò lâu la chạy trốn.

Quận He càng đánh càng hăng. Nhưng hùm thiêng gặp lúc sa cơ, hắn bị vướng một tảng đá trong khi lùi tránh lưỡi đao lợi hại của Phạm tướng quân vừa hạ xuống, không may bị ngã. Vết thương cũ ở đùi bị rách ra, Quận He đành ngã sóng soài dưới gót giày Trọng giơ ra đạp xuống. Tức thì quân sĩ trối ngay Quận He lại, lôi xuống núi. Chính lúc ấy, Phạm tướng công bất ngờ bị một mũi tên tẩm độc của bọn lâu la nấp đâu đó bắn trúng cánh tay. Phạm tướng quân vẫn nghiến răng chịu đau, lệnh cho quân sĩ phóng lửa đốt trại giặc, chờ lửa cháy ngút trời, mới thu quân xuống núi, giải Quận He về.

Quận Hẻo thu tàn quân chạy đến một cánh rừng phía tây. Hẻo quyết trả thù. Đêm ngày, Hẻo sai người đi mộ thêm quân, và cướp bóc nhân dân lấy lương thực phòng thủ. Hẻo còn sai lính đúc đạn, chế súng, luyện thêm một đội quân bắn nỏ rất tài. Không bao lâu, Hẻo lại có binh hùng, tướng mạnh, và thừa thế ấy, Hẻo càng tung hoành cướp bóc, giết người, có khi đốt cả một làng. Dân chúng, chỉ nghe đến tên Quận Hẻo là hết hồn hết vía.

Phạm Đình Trọng từ hôm bị thương ở cánh tay vì mũi tên thuốc độc, bệnh tình ngày một nặng. Một hôm nằm trong trướng, nghe tin giặc Hèo quấy nhiễu, tàn sát lương dân, ông tức giận vùng đứng dậy, sai đóng yên ngựa, vác đao đi giết giặc Hèo, nhưng vết thương lại vỡ ra, thuốc độc còn trong thịt trong máu, ông ngất lịm đi bất tỉnh.

Chúa Trịnh Doanh ở trong triều được tin Phạm Đình Trọng bị thương, bèn vội vàng cất binh ra tiếp ứng. Đường đi những non cùng núi, lại gặp kỳ mưa ngập trời ngập đất nên mất nhiều ngày mà chưa đến nơi. Lại thêm, trời ra tai, binh lính bị bệnh tả sốt rét rừng, chết ở dọc đường rất nhiều. Một buổi chiều, chúa Trịnh nhân lúc cho quân nghỉ ngơi cơm giữa một cánh rừng, ngài buồn bực, cầm gương lững thững dạo chơi bên bờ suối. Bỗng một người con gái xách giỏ lá thuốc tiến đến gần, khép nép quỳ lạy chúa. Khi cô gái ngẩng lên, chúa Trịnh thất giật mình vì nhan sắc thần tiên của cô. Cô khẽ nói:

- Thiếp là một kẻ bấy lâu nương nấu ở rừng xanh. Nghe đồn Phạm tướng quân là một dũng tướng của chúa công vừa bị mũi tên tẩm độc, vì vậy mà giặc Phương được thể tung hoành cướp bóc dân lành. Thiếp nghĩ một ngày Phạm tướng quân còn mang bệnh, lương dân còn thêm một ngày khốn đốn. Nghe nói đại binh chúa qua đây, nên vội đi hái lá thuốc, chờ theo đến đồn Phạm tướng quân, chữa cho người được an bình.

Giọng nói êm như chim hót. Chúa Trịnh Doanh chờ đợi, suýt quên mình là chúa. Bấy lâu mãi việc binh đao, đánh đông dẹp bắc, giặc nổi lên những nhiều bốn phương chưa biết khi nào mới dẹp xong, vị chúa trẻ tuổi ấy chưa lúc nào an hưởng rượu trà ca hát và nhan sắc. Nay vẻ đẹp tuyệt trần của cô gái rừng xanh vụt hiện ra như thần tiên giáng thế, lẽ nào vị chúa trẻ

tuổi khỏi xiêu lòng. Chúa Trịnh bèn mời cô gái về trướng, sai quân dâng rượu mời cô.

Chúa nói:

- Bấy nay không được nghe đàn ca, thiếu nữ khá vì ta mà ca hát cho quân ta tạm quên nỗi vất vả đường trường.

Cô gái cúi đầu vâng lệnh. Sẵn trong giỏ thuốc một chiếc đàn xinh nhỏ, cô gái lên dây, nắn phím. Tiếng đàn huyền ảo, mê ly, xen lẫn lời ca muôn phần tình tứ, chúa Doanh say đắm ngất ngây. Năm ngàn quân tướng cũng ngẩn ngơ lòng, im tiếng thở. Đêm ấy trăng vàng vặc sáng. Lá cây rừng xào xác rụng xuống dòng suối trong veo chạy vào lòng rừng thẳm. Bỗng cô gái buông đàn:

- Chết nỗi, trong lúc binh đao, lẽ ra thiếp phải bắt chước Ngu Cơ múa kiếm hiển vui chúa công mới phải, sao lại gảy chi khúc đàn thảm não này để làm nguội lòng chinh chiến của ba quân, tội thiếp thật là to lắm - Đoạn, cô gái xếp đàn vào giỏ - Giờ đã khuya rồi, xin cho thiếp tạm lui, sớm mai sẽ xin trở lại theo chúa công lên đường.

Trịnh Doanh chưa kịp ép nài, cô gái đã cúi đầu lạy, rồi gót sen thoăn thoắt, bóng người áo trắng đã mờ biến vào ánh trăng. Chúa Trịnh giật mình kinh sợ, tưởng chừng loài hồ tinh hiển hiện để trêu mình. Nhưng mờ sáng hôm sau, ba quân vừa gươm giáo sắp lên đường, chúa Doanh sửa soạn lên yên đã thấy thiếu nữ cưỡi con ngựa trắng ở rừng xa phi đến, bên cổ ngựa buộc giỏ thuốc lá và cây đàn.

Đại binh rầm rộ lên Thái Nguyên.

Chúa Trịnh cùng thiếu nữ vào xem ngay vết thương cho Phạm Đình Trọng, lúc bấy giờ đang mê sảng. Thiếu nữ từ tốn lấy lá dít vào vết thương đau. Một lát, nhọt độc vỡ ra, Phạm tướng quân ng ồi dậy, lại tỉnh táo như thường. Không chờ Phạm Đình Trọng hỏi han, cô gái rừng xanh đã vội cúi lạy chúa Trịnh và Phạm tướng quân, rồi ra khỏi trướng nhảy lên yên ngựa phi về rừng núi. Chúa Trịnh bao nỗi tiếc nhớ, ngậm ngùi. Nhưng chiêm trống đã vang lòng, quân sĩ được lệnh tiến binh hò reo dậy đất. Phạm Đình Trọng lên yên ngựa, vác đại đao nguyên phen này phải trừ xong giặc Hèo.

Đại binh tiến thẳng đến Úc Kỳ.

Giặc bắn đạn, tên nổ ra như mưa. Quan quân không tiến lên được. Thấy vậy, Trịnh Doanh thân đánh trống, giục quân cứ tiến. Phạm Đình Trọng cùng Nguyễn Phan xuống ngựa, cởi áo giáp, hô trước quân lính rằng:

- Quân sĩ đâu có tên trong sổ sách, nếu phạm tội gì sẽ chiếu theo quân pháp mà xử. Hôm nay là ngày chúng ta đã bỏ mình giúp nước, cũng là ngày các người đền chúa. Vậy ai có cha già con dại thì cho lui, số còn lại hãy cùng ta liều một trận sống chết, dẹp cho xong bọn giặc hại dân hại nước này!

Quân không ai chịu lui, đâu xin xông vào. Trận đánh vô cùng kinh khủng. Quan quân bị đạn đề lên nhau mà chết. Chúa Trịnh vẫn khua trống tiến binh. Thanh đại đao của Phạm Đình Trọng cùng ngọn giáo của Nguyễn Phan múa tít, xông vào sào huyết giặc như đi giữa chốn không người.

Giặc vỡ chạy, chết không biết bao nhiêu mà kể.

Quận Hẻo một mình một ngựa chạy vào núi Độc Tôn. Quan quân đuổi đến làng Tĩnh Luyện ở huyện Lập Thạch thì bắt được Hẻo. Chúa Trịnh Doanh vui mừng, bèn sai quân mở tiệc lớn. Trăng vàng vặc sáng. Đèn đuốc sáng rực một phương trời. Chúa Trịnh ngồi giữa, hai bên là Phạm Đình Trọng và Nguyễn Phan. Hôm sau, quan quan lên đường trở lại kinh sư.

Quận Hẻo, Quận He tung hoành ngang dọc bấy lâu, giờ đành chịu quỳ giữa pháp trường, rồi chiêm trống ba hồi, hai cái đầu rụng dưới cánh tay đao phủ thủ trong một buổi sớm trời đất đầy sương mù, gió bắc.

Ngọc Giao

Truyện Bá, số 187, năm 1945

HANG THUÔNG LƯƠNG

CÀ RỪNG ẬP RẦN

Ở khu rừng Bản Lạng có một lão thầy mo người Thổ, chuyên nghề đi cúng cấp hay chữa bệnh cho những kẻ bị ma hành.

Tên lão là Trô Ún. Lão thấp, gầy, da mặt nát nhàu như miếng da trâu cũ, được cái đôi mắt lão sắc lạ lùng, lão đi trong đêm, nhìn mọi vật gần rõ như ban ngày vậy. Có kẻ gọi lão là “lão mắt mèo”. Đôi chân khăng kheo của lão bước rất nhanh, trai khỏe mạnh không sao theo kịp. Cũng vì vậy, có kẻ lại gọi lão là “lão thỏ”. Hai cái tên lạ cũng đủ khiến lão thành một tay quan trọng trong rừng Bản Lạng, hướng chi lão lại có sức khỏe khác thường, những đêm bão rừng, một mình xách chiếc nỏ rất lớn và đeo một túi tên, lão lủi vào các hốc cây, dòng suối để bắn hươu, nai, hoẵng; nếu cần thì lão rất bình tĩnh chơi nhau cả với hổ, lợn lòi, trăn gió... Đôi cánh tay khô như cành củi, vậy mà mỗi khi trâu nhà ai sống thừng hành hung, nhờ lão đuổi, lão chỉ việc ấn đầu trâu xuống bẻ gãy hai sừng. Còn hổ báo, lão đã trải lắm phen cầm cự hàng giờ, rút cục phần thắng phải về phần lão. Nhưng cũng vì vậy mà mặt mũi và khắp mình lão đầy vết sẹo, có chỗ mất hẳn miếng thịt gầy hở cả xương do móng vuốt loài ác thú.

Phải nói đến tài dùng nỏ, dùng tên của lão già Trô Ún. Chiếc nỏ cứng nặng vô cùng, lão đã thách các tay có tiếng là khỏe mạnh, gan góc thử giương, nhưng chưa một kẻ nào giương nổi. Đến lượt lão, lão dương nhẹ nhàng như dương một cái cung dâu. Thứ tên lão dùng là một vật giết ác thú trong chớp mắt, dù mũi tên chỉ mới lướt qua trên da thịt.

Một buổi trời sầu đất thảm kia, lão thầy mo đã tìm ra một thứ cây độc nhất trong các thứ cây độc ở khu rừng Ma Chạo. Cái cây đó ở một tảng đá nhô lên, thân gầy mà cành lá vươn lên ngạo nghễ bốn mùa, mây che khuất

ngọn. Có một giống chim “cô hời, cô hời” sớm và chiều bay đến cây này đậu, kêu thảm thiết như là ma quỷ. Khám phá được cây đó, lão Trô Ún suýt thì mất mạng. Chính vào cái buổi trời sầm đất thảm ấy, đang đuổi một con hươu qua chân núi bỗng lão dừng chân. Lão vô tình vịn tay vào một thân cây. Bàn tay lão vừa bị một cành gai cứa phải. Một chút nhựa cây dính vào vết gai đâm, khiến lão lao đao gục xuống. Vốn gan góc, và tinh nhanh, lão biết mình đã mớ vào một cây nhựa độc, lão cố gượng dậy đi tìm lá nhứt. Phúc cho lão, lão tìm được ngay lá giải độc gần ngay chỗ đó. Đắp lá rữa, lão già tỉnh hẳn.

Một ý nghĩ độc ác thoáng qua đôi mắt mèo lấp lánh, lão bèn rút dao lưng khứa vỏ cây. Một thứ nhựa đỏ như máu rỉ ra. Lão quệt nhựa vào đầu chiếc tên, lấp vào nỏ, giương lên bắn thử một con trâu không biết của nhà ai đang ăn cỏ. Mũi tên cắm ngập đùi, con vật chỉ kịp chạy đủ ba bước thì nhựa độc ngấm rất nhanh, nó lăn ra chết. Lão thấy mo đặc trí cười rú lên mấy tiếng, lấy đầy nhựa vào ống tre rữa đi về.

Từ đấy, lão già Trô Ún không cần đấu sức cùng hổ, lợn lòi, trăn gió nữa. Chỉ một mũi tên là hạ xong địch thủ. Ấc thú không bao giờ chạy được quá ba bước trước khi lăn cổ chết. Mà tài nỏ của “lão mắt mèo”, đêm cũng như ngày, chẳng bao giờ làm phí một mũi tên bôi nhựa độc.

Thứ nhựa ấy rữa cũng có kẻ tìm ra sau lão nhưng ít kẻ có gan dùng, vì lúc chặt vỏ cây, không khéo tay, nhựa bắn sang thịt da một chút, ắt chết liền. Đến nỗi người ta đâm sợ nó và đặt tên cho nó là “đoạn trường thảo”. Về sau, muốn phòng cho những tìêu phu vô phúc chạm vào cái cây ma quái ấy, người ta bần đốt nó đi. Họ đã chắt củi, chắt nhựa thông quanh gốc cây và châm lửa vào một chiều gió lộng. Gió mang lửa lên ngàn ngọn, nhưng cái cây nọ vẫn không sao cháy được. Hết lớp củi này đến lớp củi

khác, bọn sơn thôn reo hò vang động cả núi rừng vậy mà “đoạn trường thảo” vẫn cứ đứng trơ trơ như cột đá giữa trời. Bọn dân sợ hãi, đã có kẻ bỏ chạy ra về. Chúng yên trí là cây ma quái linh thiêng nên chỉ nhìn nhau không dám reo hò nữa.

Bỗng mây đen kéo đen kịt một gấm trời. Gió đã mạnh càng mạnh hơn. Cây rừng rú lên gớm ghiếc. Nhất là cái cây ma quái, theo sức gió rú lên từng hồi, nghe như tiếng gió từ cửa địa ngục lùa lên. Từng chiếc lá đỏ rụng tả tả như những giọt máu, lá rơi xuống chỗ nào, cỏ úa đi chỗ ấy. Rồi thì trời đổ mưa. Sấm chớp ầm ầm. Một tiếng sét chuyển núi rừng đánh đúng vào cái cây. Một tiếng reo vang động, cả một tảng đá tung lên, thân cây ngã xuống, cháy xém đi một nửa. Hôm sau, bọn dân lại kéo nhau ra, giết bò làm lễ ở gốc cây, rồi vòng tay nhau nhảy múa. Nhảy múa xong, chúng lại chắt củi và tẩm nhựa thông để đốt. Lần này thì lửa bén ngay vào thân cây. Lửa càng cháy, một mùi tanh tởm như mùi thịt xương người cháy càng bốc lên. Bọn dân kẻ thì lao đao ngã xuống ngất đi, kẻ thì mau chân chạy thoát. Lửa cháy âm ỉ ba đêm ngày liên. Dân vùng ấy bèn kéo nhau chạy về các nẻo rừng xa để tạm lánh hơi nhựa giết người. Đến ngày thứ tư lửa tắt, có kẻ mò về, thấy muông thú chết ngổn ngang ở nơi đốt lửa. Thì ra thú rừng đã ra và đã dẫm hay liếm phải đồng tro kia.

Cây ma quái đã bị sét đánh rồi, nhưng lão thầy mo Trô Ún vẫn còn một ống tre đầy nhựa “đoạn trường thảo” cất giấu ở trong buồng. Lão không dùng nhựa ấy để giết người. Tuy lão có sức khỏe phi thường và mặt mũi hung ác, song lão rất hiền với người, chỉ ác cùng mãnh thú. Bởi thế mà một bọn trai đã đến làm đệ tử lão. Lão ngẩn ngai mãi rồi mới chịu thu học trò. Trong sân nhà lão, bọn học trò khi việc làm nương, dọn củi đã xong, thường tụ họp để tập bắn cung nỏ và đánh võ. Lão Trô Ún rất giỏi võ, cũng do một người Tàu ngày xưa đã vượt qua cửa ải Nam Quan vùng Lạng Sơn

sang đây tìm đất chôn vàng hay để mà gì đó, rồi gặp ngay Trô Ún. Người Tàu nọ đã tận tình truyền bảo võ nghệ cho Trô Ún, rồi lại đi giang hồ.

Trô Ún ngay từ ngày còn trẻ đã nổi danh ở vùng chợ Chu (Thái Nguyên - Bắc Kạn). Trô Ún nổi danh hào hiệp, có hấn nên hồi đó giặc cỏ không dám nổi lên.

*

Trên đây là chuyện ngọt năm mươi năm về trước. Ngày nay người anh hùng có tài tên nỏ ấy đã già rồi. Tuy già mà đôi mắt mèo của lão vẫn rọi sáng được bóng đêm, đôi tay lão vẫn bẻ gãy sừng trâu, vẫn bóp ngạt hổ báo.

Bây giờ ta hãy kể đến truyện gà rừng ấp rấn.

Lão Trô Ún một hôm đi cúng cho một cô ả bị ma làm ở một làng kia xa lắm. Mọi bận mỗi khi đi xa thì lão thường cưỡi ngựa, lần này lão đi bộ. Lão vẫn bảo đi ngựa xuyên núi rừng rất chậm, đôi chân lão còn khỏe hơn ngựa nhieu.

Lão đã chữa thuốc và cúng cấp xong, cô ả bị ma làm đã ngẩng dậy được, và lúc này lão đang say rượu chệnh choáng ra về, có lẽ cô ả đã vào tuổi bóc vỏ măng rồi. Lão say tợn, có bao giờ lão lại say đến thế này đâu! À, tại chủ nhà đãi lão cái thứ rượu hầm ngon quá, lại nhắm với thịt lợn bao tử ướp men rượu nếp, thành ra lão mềm môi không biết say là gì nữa.

Mặt trời sắp lặn. Một mình lão đi giữa rừng hoang. Lão lắng nghe chim hót và nhìn mây trùm trên ngọn cây đỉnh núi, bước cao bước thấp. Say quá, thấy buồn ngủ, lão khẽ bên bờ suối ngáy khì.

Mặt trời lặn hẳn. Bóng tối trùm xuống bao la như tấm lưới không cùng. Tối khi lão mở mắt ra thì nhận thấy ánh trăng rọi mờn man trên bàn tay khô của lão. Vừa toan nhấc bàn tay lên, bỗng lão thấy cái gì là lạ, tròn và trắng, lấp lánh trong lòng bàn tay. Lão giơ lên mắt: đó là hai quả trứng, to như trứng vịt.

Lão kinh ngạc ng ỡi nhóm dậy, chú ý nhìn quanh và nhận ra một vạch dài in lõm xuống đất, như hình một con trăn, con rắn, hay con vật gì mình dài lắm vừa từ chỗ bàn tay lão bò xuống xuôi. Nỗi kinh ngạc diễn ra không lâu vì chẳng có gì khiến lão phải để tâm lo lắng, trái lại lão cho là một việc vui thích nữa. Lão mỉm cười bỏ hai quả trứng vào túi, r ỡi đứng lên đi. Tỉnh hẳn rượu, lão đi vun vút, không mấy lúc đã tới nhà.

Lão có một người vợ già, không con cái. Chẳng thềm lên tiếng cho vợ biết, lão lẳng lặng vào chu ồng gà, bỏ hai quả trứng vào trong ổ mà con gà mái rừng mới bắt đầu nằm ấp.

Ấp được gần hai mươi hôm thì trứng gà nở hết. Hai quả trứng nở sau cùng. Nhưng trứng không nở ra gà, mà nở ra hai sợi chỉ đỏ thoát đầu cuộn tròn lại, sau đó một lúc thì ngo nguậy r ỡi duỗi dài ra ước chừng một tấc. Lão Trô Ún cho là cái quái quỷ gì, nên cứ mặc nó ở ổ cỏ khô, chẳng buồn để tâm đến. Hai sợi chỉ đỏ lớn lên từng phút, từng giờ. Mới có ba đêm ngày mà chúng đã to bằng chiếc đũa. Con gà mái rừng sợ không dám vào trong ổ, phải nấp vào một xó chu ồng. Chúng đuổi theo, quẩn chặt lấy con gà khôn nạn. Con gà lẩn ra dẫy đành đập r ỡi chết cứng. Đàn gà con mới nở cũng chết luôn trong đêm ấy. R ỡi cứ thế, đàn gà của mẹ vợ lão thày mo mấy ngày sau, không thấy con nào ra khỏi chu ồng ăn thóc nữa.

Vợ ch ồng lão Trô Ún bấy giờ mới thấy làm lạ cùng mở cửa chu ồng xem. Trong đó ngổn ngang những xác gà. Mà hai cái quái quỷ kia thì đã lớn

bằng ngón tay, đỏ như máu, cuộn mình nằm một xó. Lão Trô lấy một con gà chết ra coi, thấy cổ có một vết cắn thủng rất sâu. Lão xem những con khác, thì con nào cũng có vết thương ở cổ. Bây giờ lão mới biết đó là hai con thuồng luồng, vì cái giống này hay ăn máu súc vật.

Vợ lão có ý sợ, bảo giết đi. Nhưng lão Trô, như ta đã rõ, có biết sợ là gì. Lão lại cho là thú vị, cười khà khà, rồi thò cái gậy đầu bịt sắt - cái gậy lão vẫn dùng làm khí giới đi rừng - vào trong chuồng. Miệng lão chúm lại, lão gọi líu díu thế nào mà hai con thuồng luồng cùng bò ra, quấn vào chiếc gậy. Ấy, lão vẫn có cái tài gọi chim, gọi rắn bằng cách đó, mỗi khi lão chán hươu nai, thấy thèm đánh chén thịt rắn, thịt chim.

Hai con thuồng luồng đã quấn chặt vào đầu gậy. Chúng ngóc đầu lên, miệng há rộng ra nhìn lão. Lão lại cười khà khà, cần nhớ rằng lúc ấy lão đã say chén choáng.

- Chúng mày ời, ta hiếm hoi thì lấy chúng mày làm con vậy. Ồ, ta đang nằm ngủ, sao tỉnh dậy lại thấy hai quả trứng ở bàn tay. Có lẽ ta có duyên nợ gì với mẹ chúng mày. Hay là kiếp trước, ta là thuồng luồng đó? Nếu quả thế thì hai con ở lại đây với ta. Ta là cha hai con, ta nuôi nấng, phải kính trọng ta. Mẹ các con kia, con cũng phải kính trọng mẹ như ta vậy.

Thuồng luồng có lẽ thuộc về giống linh vật, ngóc đầu lên rồi cúi xuống, làm như vậy ba lần. Lão Trô Ún đặc trí cất tiếng cười vang, rồi lão cúi bóp một con lợn nhỏ ở trong chuồng, lão thọc hai ngón tay sắt vào cổ nó. Máu vọt ra, lão cho hai con thuồng luồng cuốn vào cổ con vật khốn nạn đang giãy giụa. Thuồng luồng quấn quai trong vũng tiết nóng hổi, hút no nê. Hút hết tiết, chúng to phình ra, to trông thấy, vừa bằng đôi rắn cạp nong. Mình chúng mọng những máu, trông có vẻ trong mát như chiếc vòng hồ phách. Lão thầy mo lấy làm thích lắm, cứ mân mê chúng cả ngày.

CUỘC PHIÊU LƯU CỦA THUỜNG LỪNG VÀ TRÔ ÚN

Từ khi có đôi thuờng lừung làm bạn, lão thầy mo lại sinh tính thích đi đây đi đó. Được cái bệnh nhân mỗi ngày một lảm, người ta mời lão đi luôn. Với một cái ống trúc đựng rượu đeo vai, một con dao nhọn dắt ở bên sườn, một chiếc gậy bịt sắt, trên đầu gậy đôi thuờng lừung quấn tròn như sợi giây thừng lớn, lão đi qua rừng này, núi nọ, qua động này, bản khác. Đói thì ăn quả rừng, khát thì tu rượu ở ống trúc. Hết rượu, lão lại tìm vào làng mua, bảo là mua, nhưng có ai dám lấy tiền của lão. Ai cũng biết danh lão, cho nên thấy bóng lão là người ta đã giết gà đãi. Hễ nghe thấy tiếng gà kêu là lão đã oang oang dặn chủ nhân phải để cho lão tiết tươi. Chủ nhân vừa đưa bát tiết, lão gõ vào đầu gậy, đôi thuờng lừung nghe hiệu liền bò xuống ăn. Chủ nhân tỏ ý sợ thì lão vội an ủi ngay. Thuờng lừung ăn xong, tức thì chia nhau bò lên mái nhà thò đầu xuống để chầu bố nuôi chúng ngửi đánh chén với chủ nhân, khi bố nuôi chúng say lả ra ngủ thì chúng làm như thế canh giấc ngủ cho bố chúng.

Chờ đêm khuya mọi người ngủ cả, thuờng lừung ta mới bò xuống mò vào chỗ nhốt gà. Chúng thít từng con một; không con gà nào kêu nổi một tiếng, vì thuờng lừung khôn khéo quấn nghiêng cổ gà, rồi rất nhanh chúng cắn ngay vào cổ mà hút máu. Thuờng lừung chỉ hút trong chớp mắt là con gà chết cứng khô. No nê, đôi thuờng lừung lại bò lên mái, canh giấc ngủ cho lão bố nuôi đang ngáy khò khò.

Sớm sau, thấy hai cậu con quý bụng căng tròn, lão thầy mo biết ngay đêm qua chúng đã đi sát hại vịt gà, lão lẳng lẳng chống gậy xin đi tức khắc. Chủ nhân còn tiễn lão một ống rượu đầy. Và lão lại gõ chiếc gậy bịt sắt kêu lạch cạch trên đường đá dọc đường, nghếch cái mõm dài lên, vung vẩy tay

áo rộng thùng thình, trông lão như gã Chư Bát Giới đi sang Tây Trúc cầu kinh vậy.

Lão lảm lì và vốn không hay hát, nhưng một khi lão say mà hát thì chỉ rặt những câu thần chú hô ma hô quỷ. Tiếng lão the thé vọng vào rừng sâu nghe rất là ghê sợ.

Một hôm, lão qua cái động của người Mán sơn đầu.

Chúa động là một thằng què. Đầu hấn sần bóng như đầu bọn đồ đệ, hấn cời trăn trùng trọc, da xám mốc như con trăn gió. Hôm ấy sắp đến ngày dân động làm lễ tế Thần Rừng. Họ tổ chức cuộc săn đêm bắt lấy vài con vật để hôm sau tế. Bấy giờ đã tối. Lão thầy mo đang say túy lúy, lúc nào mà lão chẳng say. Sương xuống mù trời, gió núi kêu vun vút. Mới vào tiết mùa đông, lão Trô Ún chỉ mặc chiếc áo phong phanh lại thêm men rượu làm mềm đầu gối, lão trèo lên một ngọn cây nhìn xem đâu có lửa thì lần tới.

Xa xa, có ánh lửa và tiếng hát văng vẳng. Tin là có chỗ nghỉ chân, lão lại nâng chiếc ống trúc tu một hớp rượu nữa rồi lao đao bước. Gió lạnh làm bạt hơi, lão thở phì phò như con rắn hổ mang phun nọc. Đuốc lửa lấp lóe chỗ này, chỗ khác. Tiếng reo hò của bọn dân địa phương đuổi thú vang dậy cả khu rừng già. Mặc chúng, lão Trô Ún vẫn đi ngược cơn gió lạnh, bước mà không cần nhìn, không cần nghe gì cả. Bỗng rắc một tiếng, cả người lão và cái gậy thuồng luồng rơi xuống hố. Thì ra là cái bẫy hổ. Mặc! Lão đang cần ngủ. Càng tốt, lão và hai con lão ngủ đêm nay dưới hố chơi, càng ấm áp chứ sao. Lão ngả lưng vào thành hố, duỗi dài chân ra, ngáp rồi nhắm mắt lại, miệng lẩm nhẩm:

- Quân chó đều nào đào hố bẫy hổ, ai ngờ hổ không thấy, lại chỉ thấy lão ngủ ngon lành, kể thì chúng cũng có lòng tử tế.

Đầu lão ngheo một bên, những tiếng lầu nhầu nhỏ đi dần, tiếp đến tiếng ngáy khò khò như tiếng ngáy của con hùm xám sau lúc no mồi. Đôi thuồng luồng nhoai cả lên miệng hố. Một tấm phen mây, sau khi lão thầy mo gieo mình xuống, đã từ một cành cây rơi theo đây miệng hố lại, kín như một cái chuồng bằng sắt. Lũ thuồng luồng hình như biết rằng gặp nạn, chúng lại bò tới canh giấc ngủ cho lão cha nuôi.

Bỗng nửa đêm, những bó đuốc sáng rực kéo đến miệng bẫy. Bọn người thiếu số reo lên mừng rỡ, chúng tưởng một con ác thú đang nằm gọn dưới đó rồi. Cùng lúc mấy chục bó đuốc soi xuống hố, một đám tàn lửa rơi vào đầu Trô Ún khiến lão bừng mở mắt. Ngẩng lên, thấy những khuôn mặt dữ tợn đang ngơ ngác nhìn mình, lão thầy mo bèn gọi đôi thuồng luồng bảo chúng quấn vào đầu gậy, đoạn lão vỗ đùi nhảy vọt lên miệng hố, nhẹ như một cánh chim bay.

Bọn Mán sơn đầu kinh ngạc lùi cả lại, chúng rút phất dao ra. Trô Ún cũng rút dao, điềnh nhiên đứng đợi. Chợt có tiếng chiêng từ nẻo xa vọng tới gần. Nghe tiếng chiêng, bọn này dừng tay dạt sang hai bên, đầu cúi xuống. Một tên Mán cao lớn bước lại, tay cầm chiếc nỏ khá to. Đó là chúa động. Một tên trình cho chúa biết việc lão thầy mo ở dưới hố, và lão đã nhảy lên thế nào. Tên chúa động quắc mắt nhìn Trô Ún. Lão Trô Ún ưỡn ngực, vênh mặt lên nhìn lại. Đôi thuồng luồng ở đầu gậy cũng ngóc lên như khiêu khích.

Lão Trô xưng ngay tên, vì lão tin rằng nếu chúng biết lão tất chúng phải kính nể oai danh của lão. Quả nhiên từ chúa đến quân, nghe tên lão xong đều tỏ ra kinh ngạc, đứng yên lặng nhìn nhau. Một lát, viên chúa cất

tiếng oang oang, thách rằng nếu đúng thật là Trô Ún thì thử dương cái nỏ của hấn xem có nổi không.

Lão thầy mo phì cười, đỡ chiếc nỏ, và không cần lấy sức, lão vừa duỗi thẳng cánh tay ra thì chiếc nỏ gãy làm đôi.

Viên chúa Mán hoảng sợ, hấn vẫn khoe chỉ mình hấn mới dùng nổi chiếc nỏ lớn này, vậy mà không ngờ lão già lẻo khẻo kia lại bẻ nó như một cành cây mục. Hấn vội cúi chào tỏ ý bái phục lão Trô, rồi mời lão về chơi động. Lão không từ chối. Đến động, lão ngồi ngang với viên chúa Mán, uống rượu đựng trong cái sọ người, và ăn xâu thịt hươu nai nướng xiên bằng chiếc xương đẽo nhọn. Chúa Mán xin lão diễn võ Tàu, lão nể mà diễn chơi vài ngón. Chúng la hò bái phục. Lão ở luôn trong động ba ngày, rồi từ biệt chúa Mán lão lại chống gậy ra đi.

CON XUỐNG AO CON Ở, BỒ SAY RƯỢU BỒ VỀ

Thấm thoát nửa năm trôi qua. Lão thầy mo độ này không còn đi đây đi đó nhiều như trước nữa. Đôi thuồng luồng đã lớn bằng cây tre. Ban ngày chúng cứ cuộn vào hai cái cột, hễ màn đêm vừa buông là chúng bò xuống lặn vào làng hút máu gà vịt nhà người ta. Dân các bản nhao nhao không hiểu sao gà vịt nhà nào cũng cứ ban đêm thì lặn ra chết, mà lạ một đi đâu con nào cũng có vết thủng ở cổ, rất sâu và nhỏ. Lão Trô Ún tuy biết người ta kêu la, nhưng không thể ngăn ngừa hai "cậu con nuôi" được. Chẳng lẽ lão để cho chúng đói. Mà đói quá ắt chúng phải giết gà vịt của nhà.

Dân bản vẫn kêu la không ngớt vì số gà vịt chết nhiều quá. Người ta đã rình mò, nhưng sáng sớm chỉ thấy mặt đất trước cửa chuồng gà bị lõm thành vệt dài mà thôi. Sau đó, gà vịt trong làng vừa hết sạch thì đến lượt lợn lặn ra chết, mà cổ con nào cũng thủng. Hết lợn, tới lượt trâu bò. Riêng trâu bò thì thủng ở lưng. Dân bản đâm ra lo sợ, cho là tai ương do trời giáng xuống. Đôi thuồng luồng hút mãi máu lợn, trâu, bò trở nên to lớn gớm ghê. Cái gậy bịt sắt của lão thầy mo trở nên vô dụng: chúng không thể quấn vào được nữa. Bây giờ bệto và bệdài của chúng quấn hết hai cái cột nhà, đầu chúng ở trên mái còn đuôi buông vừa chấm đất.

Vợ lão Trô không biết tính sao, một hôm bàn với lão đành thả đôi thuồng luồng vào suối hay thả chúng xuống cái ao lớn phía sau nhà. Lão Trô suy nghĩ mãi. Thả vào suối thì không đành, sau cùng lão nghĩ chỉ còn cách nuôi chúng ở ao nhà, vì dù sao cũng là tình nghĩa "cha con".

Buổi trưa hôm đó lão bắt được con lợn lòi, chộc tiết đãi đôi thuồng luồng. Còn thịt thì lão đốt lửa nướng để nhắm rượu. Đó là bữa tiệc tiến hai

cậu con xuống nước. Lão ng ồi giữa, đôi thu ồng lu ồng cuộn khúc nằm ch ầu hai bên. Lão ngà ngà say, kh ẽ gõ cái gậy vào đ ầu chúng, nói:

- Ta già r ồi, không muốn đi nhi ều nữa. Từ nay không đi cúng, tất ta nghèo lắm, chỉ còn trông cậy vào cái ao cá sau nhà kia thôi. Vậy hôm nay ta cho hai con ở dưới ao, giữ cá cho ta. H ễ kẻ nào gian tham xuống trộm cá thì ta cho phép hai con qu ản chết mà hút máu. Khi nào ta muốn xuống bắt vài con cá làm đ ồ nh ắm thì các con phải nhớ rằng ta sẽ lấy đ ầu gậy gõ ba cái vào tảng đá trên bờ đ ể ra hiệu cho hai con biết.

Thu ồng lu ồng nghe lão nói đ ầu cúi đ ầu có vẻ buồn r ầu. Xong bữa rượu, lão đứng lên đi trước. Đôi thu ồng lu ồng theo sau. Đến bờ ao, chúng nh ồi xuống nước. Mặt ao đang phẳng lặng bỗng nổi sóng lên gi ào gi ạt và bọt nước tung trắng xóa mỗi khi chúng uốn khúc v ẩy vùng. Từ đ ấy, đôi thu ồng lu ồng ở h ắn dưới nước. Cách một hai ngày, lão thầy mo lại xách nỏ vào rừng, và khi v ề lão lại ra bờ ao gõ ba cái vào hòn đá. Gõ vừa dứt thì sóng cu ền cuộn nổi, đôi thu ồng lu ồng như vui mừng nh ờ nửa mình lên nhìn lão g ật đ ầu ba cái. Lão vuốt râu cười vang r ồi ném xuống cho hai "cậu con" một vật gì vừa bắt được.

Tình thân mật và sự sống của thu ồng lu ồng và Trô Ún đ ầu đ ầu như vậy đã g ần trọn một năm. Cho đến một ngày kia thì... lão chết. Than ôi, lão thầy mo đã hiến máu mình cho cặp thu ồng lu ồng mà lão hai năm trời nuôi nấng như con đẻ. Nguyên do hôm đó được mời đi cúng ở trong làng, lão đã uống nhi ều rượu hơn mọi khi, và lão say đến phát điên phát dại.

Từ biệt nhà chủ ra v ề, lão đi một mình giữa rừng, trèo qua ba đ ợt núi cheo leo, lão nhảy lò cò một chân mà hát. Lão đứng trên đỉnh ngọn núi cao chót vót, xòe bàn tay bắt mây mà nguy ền rửa. Lão xoa tóc, đọc th ần chú, bắt quyết làm đủ mọi phép đ ể sai Thiên lôi đánh đ ỡ ngọn núi lão đang

đứng, nhưng Thiên lôi không chịu nghe lời lão, lão tức mình hét vang cả trời. Hét to quá, và gió thổi mạnh quá khiến thân mình gầy choắt của lão lão đảo, lão ngã dầm cổ xuống... Ấy thế mà chẳng hề hấn gì, xương thịt lão cứng như sắt nên chỉ bị thương xoàng. Đứng được lên, lão càng nguy hiểm rửa Thiên lôi và cười sảng sặc.

Lần mò mãi rồi lão cũng về được tới nhà, đã toan đi ngủ nhưng vì nóng bức quá, lão lừ lừ ra ao. Lão say mèm nên quên gờ ba cái như mọi khi để báo cho hai cậu con nuôi biết, lão cứ lừ lừ lội xuống. Nước mát rờ rọi, lão xoay mình ra bơi. Bỗng sóng nổi lên ầm ầm. Lão chìm ngấm, chỉ kêu được một tiếng rồi im lặng. Xác lão đã chìm ngấm dưới lòng ao. Máu lão đã vào bụng đôi thuồng luồng đang đói, đợi bố mang về như mọi bận thì có kẻ dám xuống ao trộm cá, chúng chờ gì mà không thịt bởi bố chúng đã cho phép làm thế.

Hút máu xong đôi thuồng luồng nói khúc thân ra cho cái xác nổi lên. Bấy giờ chúng mới biết rằng chúng vừa hút máu bố nuôi. Trời tối. Dưới ánh trăng mờ mờ, chúng cuộn mình nằm bên xác lão thầy mo, đầu rũ xuống như kẻ khóc.

Mụ vợ lão Trô Ún ít lâu nay bị đau mắt mà gần như bị mù. Mụ chỉ ngửi một xó trên nhà sàn, không đi đâu hết. Mụ già yếu lắm rồi, lại hỏng mắt, thành ra con người vô dụng, đành sống nhờ chồng lúc ốm đau.

Tối đó mụ đang dờ dẫm bốc nắm cơm thì nghe tiếng động, mụ lên tiếng hỏi. Đôi thuồng luồng đặt xác lão Trô vào lòng mụ. Như mọi lần thấy lão say ở đâu về, mụ lại cúi xuống ngửi xem chồng có thở không. Lần này nghe lâu lắm mà không thấy lão thở, mụ khóc nức lên, bảo thuồng luồng:

- Bố chúng mày hẳn là say rượu bị gió cảm chết mất rồi. Ta mù lòa, yếu đuối, biết làm sao được, thôi thì các con chôn bố các con đi.

Nói rồi cụ già gục xuống ôm lấy xác chùng mà khóc.

Đêm hôm ấy, trăng sao bỗng bị mây che kín, mưa sầm gió thảm rất hãi hùng. Mưa to gió mạnh đến nỗi cây cối trong rừng đổ ầm ầm, và suối thác reo như ma kêu quỷ khóc. Một sự lạ là trong cơn giông bão ghê gớm đó, các nhà trong bản có cái cuốc cái thuổng nào đâu bị biến đi đâu hết. Và trên căn nhà sàn của cụ già mù, cái xác chùng cụ được dân bản vừa khiêng xuống khỏi cầu thang thì nó bỗng đứng phất dậy, đi vun vút trong bóng tối. Cái xác qua rừng, qua suối, qua núi, qua đẽ, đi đến đâu cảnh không lá mục kêu xào xạc. Hươu, nai, hổ, báo đều tránh vết đi của cái xác. Chỉ duy nhất có một con cú bay theo xác chết kêu ai oán như để tiễn biệt. Giông bão vẫn không hề ngớt. Những tiếng sấm chuyển rừng, và những tiếng sét tưởng như xé núi.

Trong cơn giông bão, ở một dạng đẽ cao có tiếng thuổng cuốc xoáy vào lòng đất. Lòng đất rung động dưới gió mưa sấm sét cho tới khi lũ gà rừng cất tiếng gáy rạng đông thì suốt dạng đẽ kia đã thành ra một chiếc quan tài vĩ đại, trong đó chôn xác lão thầy mo.

Đôi thuổng luổng đã táng xác lão già Trô Ún để đền ơn nuôi dưỡng, và chúng ở luôn trong ấy để canh giấc ngủ ngàn năm của lão như khi lão còn sống vậy.

*

Đến ngày nay, ai đi qua con đường Bắc Kạn - Thái Nguyên nếu lưu ý dò xem, ắt thấy cái hang thuổng luổng nọ vẫn còn nguyên dấu vết. Nước

từ trong lòng hang chảy xối mãi ra ngoài, làm thành một vũng khá sâu.
Vũng nước trong vắn vắt, sáng như một tấm gương thiên cổ.

Ngọc Giao

Truyền Bá, số 123, năm 1944

LỬA RỪNG

ĐUỐC NGUY HIỂM ĐẦU TIÊN CỦA CẬU BÉ RỪNG XANH

Rừng sâu lặng lẽ ủ kín những bí mật kinh hoàng của nó. Thỉnh thoảng một cơn gió đầu thu ào qua, hoa lá rừng mình xào xạc rồi lại rơi vào cô tịch. Chờn cáo đi đâu vắng, cả một bóng chim, cánh bướm cũng không. Có lẽ trận bão đêm qua đã làm chúng hải hùng ẩn vào hang hốc. Cái im lặng ghê rợn ấy khiến Phi, một cậu bé người Thổ, phải ngó nhìn tứ phía. Chưa bao giờ Phi thấy rừng lại u uất thế này. Mặt trời tuy đã lên cao nhưng không một tia nắng nào lọt qua được vòm lá rậm, những con vắt bò ngổn ngang trên nền rêu ẩm, bám cả vào ống chân cậu. Đang nằm bên gốc cây to, Phi ngời nhóm dây, gấp quyển sách đọc dở, bỏ vào túi áo. Quyển sách viết về võ thuật Tàu, cậu ham đọc đêm ngày.

Tuy sinh ra ở rừng xanh, nhưng Phi may mắn đã được ông Quản Hài, hiện giữ chức kiểm lâm khắp vùng sơn cước này dạy học. Cậu ngoan ngoãn, thông minh, khỏe mạnh, lại vô cùng can đảm nên được ông Quản Hài yêu quý như con đẻ, bởi lúc này ông đã năm mươi tuổi, lại góa vợ, không được đưa con nào. Bố Phi chết sớm vì bị cộp vờ mẹ cậu trước kia làm bà Then (như cô đồng, thầy bói ta) nhưng bây giờ ốm yếu luôn, lại thêm nổi bị lòai hai mắt, đành chỉ ngời một xó. Ông Quản Hài thương hại, nuôi cả hai mẹ con cậu. Ngày ngày Phi theo lệnh ông Quản, đem một đàn bò sữa đi chăn ngoài chân núi. Ông Quản Hài là người trung thực, khí khái, giúp đỡ hết mọi người lương thiện, và rất can đảm. Ông tỏ ra nóng nảy đối với bọn gian phi hung tợn thường xuống chợ mua bán, đổi chác hàng hóa mà lại ra cách bắt nạt, ăn hiếp người Kinh. Ông lấy thế làm bất bình, trừng trị chúng thẳng tay. Có một bọn ông luôn phải chống chọi ráo riết, ấy là bọn Thổ, Mán vẫn hay lừa ban đêm dẫn trộm cây gỗ quý ; bọn

xuyên núi lọt sang tận biên giới Tàu để tải thuốc phiện và các hàng hóa lậu. Ty nhà đoan biết tài ông, đã nhờ ông giúp sức họ truy nã bọn gian này, và cũng do vậy ông Hầu đã mang mấy vết sẹo vì dao, đạn của kẻ thù. Bọn người đem lòng oán thù ấy lúc nào cũng rình mò, lần quất trong rừng núi chờ dịp hại ông. Còn ông Quản cũng sẵn lòng đương đầu với chúng bất cứ khi nào. Thỉnh thoảng Phi được theo ông trong những cuộc săn tìm bọn gian, cậu đã được ông dạy cả cách dùng súng, cách bày mưu mẹo vây đón, hoặc theo dò dấu vết của chúng. Qua nhiều phen thử thách, ông Quản rất bằng lòng về tính can đảm gan góc và ham mạo hiểm của cậu. Lại thêm được học bằng sách vở do ông truyền bảo, cậu bé Thổ thông minh ấy hiện giờ không khác chi một cậu học trò ta thấy ngoài trường tỉnh.

Vốn được chôn nhau cắt rốn nơi rừng núi, Phi không thích ra tỉnh chút nào, cậu chỉ yêu đễ yêu suối, bè bạn với đàn bò sữa của ông Quản Hầu. Và lại cậu rất hiếu nghĩa, không dám bỏ mẹ già đi đâu xa.

Mặt trời đang hạ xuống rặng núi xa. Sương mùa thu bay vẩn vơ và ủ trong những chòm cây, hốc đá, tiết ra khí lạnh thấm vào da thịt. Nghe tiếng bò kêu ngoài rừng, Phi gấp sách bỏ vào túi áo, đứng lên:

- Chết nỗi, mãi với sách quá, quên cả tối. Mình cho bò về muộn thế này chắc ông quản không bằng lòng.

Cậu vừa lẩm bầm vậy thì chợt có tiếng sột soạt đâu đây, bụi cây rạp xuống, một con chó lớn lông loang lổ xám và vàng, dữ tợn như con báo nhảy chồm ra. Cậu cười khanh khách gọi:

- Mô! Mô!

Con chó rúc vào chân cậu.

Phi xoa đầu nó bảo:

- Sắp tối rồi. Mô ra để thu bò họp thành đàn, đi mau!

Con chó khôn ngoan, tinh quái vô cùng. Nó sai khiến được cả đàn bò. Tiếng sữa của nó thay tiếng còi của chủ vang ở bìa rừng, chân núi những buổi chiều tà khi nó xua đàn vật to lớn kia về trại. Đàn bò đã quen với tiếng sữa ấy, răm rắp tuân theo như một đàn quân tuân lệnh chủ tướng. Đôi khi có con bò mới nhập đàn, chưa chịu theo lệnh nó, tức thì nó nhảy chồm lên sữa cắn ra oai mãnh liệt như con hổ khiến con bò ấy phải quy phục ngay tức khắc. Nhờ vậy, cậu chỉ nằm ở bìa rừng đọc sách, mặc đàn bò ăn cỏ ngoài chân núi, có Mô cai quản thì không sợ thất lạc bao giờ. Ngoài việc trông bò, Mô còn tỏ ra rất giỏi trong những đêm theo ông Quản Hài vào rừng, đuổi bắt bọn đăn trộm gỗ và tải hàng lậu qua biên thùy. Nhiều phen giữa rừng, ông Quản phải đánh nhau với bọn gian bô nhọ mặt. Mô đã giúp ông hạ được chúng bằng miếng đòn rất độc, nó lùi lại lấy đà rồi nhảy vút lên cắn cuống họng kẻ thù. Miếng đòn nhanh đến nỗi không kẻ nào tránh được, và vết thương ở cổ tóe máu, kẻ địch chỉ còn cách kêu rú lên mà bỏ chạy cho toàn mạng.

- Ra để họp đàn bò lại một chỗ. Mô!

Phi vừa dứt lời bỗng Mô hướng về về một bụi cây, sữa ần ỉ. Cậu biết ngay có kẻ rình mò trong đó bèn quát to một tiếng rồi tiến lại bụi cây. Con chó cũng chạy theo.

Một cái đầu nhô lên. Đó là một tên Thổ mặt đầy sẹo dao chém, cởi trần trùng trọc, đầu quấn mảnh khăn trùm. Nó nhảy ra khỏi bụi, rút con dao quai vẫn dùng để đi rừng giờ lên cao, nhe hàm răng vàng khè cười gằn một cách ghê rợn. Nó nói ngọng nghịu tiếng Kinh.

- Cậu em đấy à? Bây giờ mà chưa cho bò về ông kiếm lâm lại cùng với sọ cậu em đấy. Thôi về đi, mau.

Phi tức giận:

- Anh có quyền gì mà bảo ta về? Nói cho anh biết, ông Quản sẽ báo với ông Châu ra lệnh đuổi anh khỏi khu rừng này đó, vì anh là một kẻ không lương thiện. Anh nên giữ gìn cẩn thận cái cổ có vết sẹo lớn kia. Tại sao có vết sẹo ấy, chắc anh còn nhớ con Mô này. Ông Quản không thèm đối địch với anh, đã có chó của ông...

Tên Thổ rút lên:

- Im đi thằng nhãi, tao giết chết bây giờ. Nếu muốn sống, muốn nguyên vẹn cả đàn bò thì chó có mở miệng mách với ông Quản là đã gặp ta. Mày không giữ được kín, mai ta sẽ đợi mày chỗ này.

Phi quắc mắt, dần từng tiếng:

- Ta không sợ sự dọa nạt hèn nhát của mày - Phi ưỡn ngực ra thách - Đây, có gan thì giết ta đi. Ta không bỏ mớ vào cổ mày cho bẩn tay, đã có con Mô, nó sẽ quật mày như quật một con mèo.

Phi đập tay, sụýt một tiếng, tức thì Mô gằn gừ từ ban nãy, chồm ngay lên sủa mấy tiếng vang cả núi rừng. Tên Thổ có vẻ gờm con chó lắm, nó lùi lại nấp sau một gốc cây to, chìa mũi dao ra để giữ miếng. Cậu bé cất tiếng cười chế nhạo:

- Ta tưởng mày tài giỏi mãi! Xéo đi đằng nào thì xéo. Ta hứa sẽ không nói với ông Quản rằng đã gặp mày. Nhưng liệu hèn đó, đừng có làm ăn bất

lượng như thế mãi. Trời Phật không bao giờ dung túng kẻ gian phi. Ông Quán không bao giờ chịu để bọn mày ăn cắp gỗ và buôn lậu như vậy.

Phi cười khinh bỉ, rồi vẫy Mô ra khỏi rừng. Sau lưng, cậu còn nghe thấy tiếng lầu nhầu ồn ã của tên giặc Thổ và tiếng dao đâm phàn phập vào thân cây. Cậu mỉm cười, lau mồ hôi ướt đẫm trên trán, nghĩ bụng: "Mình phải lấy hết can đảm làm già với nó, thế mà nó sợ. Gian bao giờ chẳng phải sợ ngay. Kể ra thì mình địch sao được nó. "Nhưng lòng ngay thẳng và can đảm lúc nào cũng thắng được mọi việc bất chính và nguy hiểm ở đời".

Nhớ đến lời răn dạy ấy của ông Quán, cậu tự hèn mình phải luôn luôn lấy câu đó làm sức mạnh, làm khí giới.

NGÔI NHÀ MA

Phi cỡi trên lưng một con bò, ngửa mặt nhìn mây bay, vui vẻ hát. Đàn bò chen chúc theo sau, con chó khi chạy trước, lúc lui lại sau, dáng bộ đắc thắng như một viên tướng vừa hạ được quân thù. Bụi cát vẫn trên con đường núi quanh co, tiếng chim hót riu rít trong màn sương mù đang loăng dăng, đâu đây có tiếng suối chảy róc rách trong cánh rừng tịch mịch.

Phi và đàn bò về đến trại. Ông Quản đang ngồi đánh cờ với một bạn già ngoài vườn. Ông ngược nhìn Phi, đôi mắt sáng đầy vẻ nhân từ, cương trực ấy hơi tối lại. Ông gõ ngón tay xuống cạnh bàn cờ:

- Hôm nay con về muộn lắm đó! Ta không bằng lòng đưa trẻ nào không biết trọng kỷ luật và thì giờ. Con lại không biết rằng mẹ con mong mỏi lắm sao. Rừng núi độ này có nhiều kẻ gian, nguy hiểm hơn cả loài mãnh thú, ta nhắc lại lần nữa rằng: con phải luôn luôn đề phòng mới được.

Chưa bao giờ, ông Quản nói nặng lời với cậu hơn. Sự giận dữ chỉ đến đấy, và cũng chỉ đến đấy là ông đã giơ tay âu yếm xoa đầu cậu rồi bảo bọn đầy tớ dọn cơm cho cậu ăn kéo quá đói.

Ăn xong Phi chạy xuống gian nhà ngang thăm mẹ. Hai mẹ con vui vẻ nói chuyện một lúc rồi Phi tắt đèn đi ngủ. Đôi khi trong giấc ngủ say sau một ngày mệt nhọc, Phi lại mơ thấy rừng thấy núi, có khi đuổi chồn, đuổi cáo, có khi đuổi một tên buôn lậu mặt mũi đầy sẹo, tay cầm con dao quắc lẹm. Trong giấc mơ khủng khiếp ấy, Phi thường kêu thét lên. Bà mẹ lò lắng nghe con kêu lại ngồi dậy sờ rầm đến chỗ con nằm, ôm ghì lấy con một lúc lâu. Lúc nào bà cũng sợ sệt, lo lắng về rừng sâu, núi cả, bà luôn luôn

rừng mình mỗi khi nghĩ đến móng vuốt một con hổ xám và cái xác xương thịt tươi bởi đầm đìa máu của chồng bà ngày xưa.

Sớm hôm sau, Phi thức dậy trước mặt trời, trước cả chim muông. Cậu vào suối tắm, ăn điểm tâm bằng vài thứ hoa quả lành của rừng, rồi theo thường lệ cùng Mô lừa đàn bò lên đồi dứa dại hoặc xuống đồng gianh.

Sáng nay, cậu không vui cười như mọi sáng khi thấy ông Quản bữa nay cũng dậy sớm, ngẩng có vẻ suy nghĩ một việc gì. Cậu đoán là ông mới được bên nhà đoan báo tin việc bắt kẻ gian. hẳn ông đang tìm mưu kế.

Phi không dám tò mò hỏi ông Quản đi đâu mà ông chưa định nói. Cậu chỉ lặng lẽ tìm chỗ vắng, một mình ngẩng nghĩ ngợi vẩn vơ. Cậu lại tưởng tượng ra một cảnh dữ dội ở núi rừng, có ánh sáng đèn lấp loé, có tiếng dao, tiếng súng, tiếng những mũi tên độc bay vun vút của bọn buôn lậu bắn nổ rất tài. Cậu lại tưởng tượng thấy giữa cuộc xô sát ghê gớm ấy, ông Quản Hầu bị thương rú lên một tiếng, ngã vật trên vũng máu rồi tắt thở...

- Ủ, nếu mà thế thật!

Phi nhắm mắt lại, cắn chặt môi. Nhưng cậu lại mở mắt ra, mỉm cười. Cậu tin rằng Trời Phật bao giờ cũng che chở người lương thiện, Người chỉ trừng phạt kẻ gian phi làm ác. Huống chi, ông tuy đã năm mươi tuổi đầu, tóc đã điểm bạc nhưng còn khỏe mạnh, nhanh nhẹn lắm, lại thêm mưu trí tài tình, đã khiến quân gian sợ ông hơn cả lính nhà đoan. Xưa kia ông đã sang Pháp, dự cuộc chiến tranh Pháp - Đức. Bây giờ mãn hạn nhà binh, ông được cử ra giữ chức kiểm lâm. Và từ khi giữ chức này, ông đã giúp nhà đoan trừ được rất nhiều bọn buôn lậu và bọn cướp những nhiều người lương thiện.

- Không đời nào ông Quán chịu thua chúng! Nhưng ta cũng phải giúp ông một tay mới được.

Đi giữa đàn bò, Phi cúi đầu nghĩ ngợi. Đến bãi gianh, đàn bò tản ra gặm cỏ. Mô chạy lảng quăng, canh gác. Cậu giao đàn bò cho nó, vẫn cầm cúi đi. Cậu len lỏi qua đống này, núi khác, sang đến một cánh rừng kín rậm được coi là dữ nhất ở vùng sơn lâm này, bọn tiều phu không mấy kẻ dám mò đến. Rừng núi nơi đây thực là hoang vu, chỉ có tiếng chim, tiếng gió. Phi đang cầm cúi đi bỗng cậu đứng dừng lại, cúi xuống và nhận ra những vết chân người in rõ trên mặt lớp lá mục.

- Sao ở con đường hoang này lại có vết chân người, mà có rất nhiều, tỏ ra đêm qua một bọn rất đông đã qua đây và đã lẫn vào rừng. Lạ thật! Ta phải dò xét cho kỹ.

Phi hăm hở bước theo những vết chân, chúng dắt lối cho cậu vào rừng sâu. Lấy hết can đảm, cậu rón rén bước và nhảy thoăn thoắt từ tảng đá này qua vũng nước khác tựa như một con sóc.

Cậu sừng sốt dừng bước dưới chân một tòa nhà đổ. Những bức tường gạch cổ phần nhiều đã sứt xuống, nằm ngổn ngang chằng chịt lên nhau. Mái ngói chỗ đã sứt, chỗ còn nguyên, những rui mè trơ ra làm nơi cho các giống cây leo mọc kín.

Tòa nhà cổ này, nguyên xưa do một vị chúa động người Mường nào xây lên không rõ. Sau, trong cuộc chống giữ giặc phương Bắc, Trần Hưng Đạo tạm đóng quân ở đấy và đã vây hãm quân Thoát Hoan tại chính khu rừng này. Quân Tàu bị chết rất nhiều, đến nỗi tận bây giờ, có một hai kẻ tiều phu tảo bạo lẩn vào bới vôi gạch ra vẫn còn thấy vô số đầu lâu và những mẫu xương vụn nát. Và đêm đêm, dân quanh vùng còn đồn thấy

những hòn lửa bay lên cao chấp chờn nhảy múa. Người ta bảo đó quyết là bóng ma quân Tàu. Nghe vậy ông Châu và ông Quản Hầu chỉ cười, bảo đấy chẳng qua là lân tinh bốc lên, gặp gió thì chuyển động trông như chúng đang nhảy múa vậy.

Phi trào phất lên bức tường đồ, len lách khó nhọc mãi mới vào được bên trong. Nghe tiếng động, những con thằn lằn chạy trốn vội vàng, những con dơi bay lên nhón nhác. Phi rón rén bước vào một cái hầm. Cậu mỗi một ng ẩ xuống một bậc gạch. Thốt nhiên, một cơn gió thoảng qua, cậu đánh hơi thấy mùi khói thuốc phiện lẫn khói thuốc lá bào thơm phức. Cậu sửng sốt, để ý nhận kỹ, sau cùng cậu biết rằng mùi thuốc ở dưới hầm bay lên.

"Đích đây là sào huyệt chúng r ồi". Sự xúc động mạnh thành ra một cơn bối rối khiến trái tim cậu bé dù gan dạ cũng nhẩy lên thành thịch. Cậu cố trấn tĩnh và tâm niệm câu nói của ông Quản Hầu: "Lòng ngay thẳng và can đảm lúc nào cũng thắng được mọi việc bất chính và nguy hiểm ở đời". Cậu đã tự hẹn mình phải luôn luôn lấy câu đó làm sức mạnh, làm khí giới, thì chính lúc này, nó là một sức mạnh, một khí giới rất cần cho cuộc mạo hiểm của cậu.

NHỮNG BÀN TAY SẮT

Trên cửa hầm có một bụi cây um tùm. Ở bức tường có một lỗ nhỏ mà Phi ẩn trong bụi cây ấy có thể nhìn rõ từng khuôn mặt và nghe rõ tiếng động dưới hầm mà không sợ ai biết.

Bốn tên buôn lậu trẻ ngỗ tử tựa vào những tảng vôi gạch hút thuốc lá và hai tên nữa già nhất bọn, vừa trải lá xuống chỗ đất phẳng rồi cùng nhau bày bàn đèn hút thuốc phiện. Thoạt nhìn chúng nằm ngỗ nhàn nhã, khói thuốc tỏa âm u, người ta dễ tưởng đó là những người lương thiện họp nhau nói chuyện, nghỉ ngơi sau một ngày làm mệt nhọc, vì bộ dạng chúng có vẻ là những người tiều phu hay những kẻ chuyên nghề đi đốn đá vùng núi.

Tên có bộ mặt đầy vết dao chém và có cái cổ béo trùng trục bị mất một miếng thịt, thở khói rồi lên tiếng trước.

- Anh em, mọi việc đã xếp đặt cẩn thận rồi đấy chứ? Liệu có kẻ lạ lẫm vờn quanh đây không?

- Bác Sìn khỏi lo, ở đây trừ ma ra còn ai đến nữa.

Sìn cười khà một tiếng. Đó là tên người Thổ đã chạm trán Phi trong rừng chiêu nọ. Nó nói:

- Thế mà có một thằng nhãi ranh mãnh khiến ta đáng đề phòng hơn ma quỷ, hơn cả thằng già Quản Hầu và bọn lính đoan. Nhất là con chó lúc nào cũng theo riết bên chân nó. Sinh ra ở giữa rừng, ta đây chưa từng sợ hổ báo, rắn rết, vậy mà ta phải kiêng nể thằng nhãi và con chó khốn nạn kia, tức lắm!

Nói đến đây, cổ nó bạnh to ra, nước bọt phun đầy mép, nom sợ như một con trăn tiết ra thứ nước nhờn độc để nuốt m ồi cho gọn. Phi rợn mình, cậu bất giác đặt một bàn tay lên ngực.

Tên nằm hút thuốc phiện nổi lời:

- Bác Sìn nói lạ! Những bàn tay sắt của bọn ta bóp hõ báo còn chết huống chi dúm xương gà của thằng oắt ấy. Bác cứ để nó cho tôi trị. Nghe như độ này nó rình mò mình gớm lắm để về báo cho lão Quản.

Tên Sìn trợn mắt nhìn tên hút thuốc phiện, rồi nhìn cả bọn:

- Ta có nói sợ cái sức khỏe của nó đâu. Ta chỉ sợ cái tài rình mò ranh mãnh của nó sẽ đưa đường cho lão quản tóm mình như tóm một đàn gà. Các anh tưởng cứ nắm chắc một con dao, một chiếc nỏ và một mớ tên độc đã ăn thua à? Sức khỏe, to xác mà không có trí khôn, tất sẽ thua một đứa trẻ thông minh khôn khéo, cũng như đã bao lần bọn ta thua một lão già lưng còng, đầu bạc.

Một tên từ nãy ng ồi lì lì một xó, tức thét lên:

- Các anh nhát như cáy, đi sợ một con chó, sợ một đứa bé con. Để tôi giết nó.

Tên Sìn lườm gã kia, cười nhạt:

- Lúc này thì anh nói như th ần. Hễ nguy cấp, cần đến sức khỏe và can đảm thì chính anh vút dao, vút nỏ, bỏ bọn này chạy tháo thân nhanh hơn thỏ. Đồ hèn nhát, câm miệng là hơn.

Tên kia g ần một tiếng rút dao ra, nhảy xô đến Sìn. Sìn vẫn đi ềm nhiên thở khói thuốc lá, cười nhạo báng.

Phi rùng mình, tưởng trong hai thằng ắt sẽ có một đứa gục xuống, máu tóe ra. Vậy mà vẻ đi ềm đăm và tiếng cười khô lạnh của Sìn khiến cậu kinh ngạc quá. Lưỡi dao sáng lóe như tia chớp của tên kia chưa kịp hạ xuống ngực Sìn thì hai tên bạn đã nhảy tới giữ lấy cánh tay của nó, chúng không để xảy ra việc xô xát giữa anh em cùng bọn.

Sìn thở khói, thân mật vỗ vai kẻ định giết mình:

- Khá lắm! Khá lắm! Ta thử chú mình đấy thôi. Bây giờ ta đã biết chắc rằng chú mình thực can trường. Khá lắm! Người nào cũng được như chú thì chuyến đi này tất phải chót lọt, mọi sự đều tốt đẹp, nghĩa là lão Quản H ầu sẽ bị thua ta. Thôi ng ồi xuống, cất dao đi!

Tên kia l ầu nh ầu mấy câu nữa r ồi ng ồi xuống, lấy thuốc lá ra hút, và ng ồi lì một xó như ban nãy. Phi càng h ồi hộp. Sự sống chết, cậu thấy bọn kia coi như một trò đùa. Nghĩ đến những cảnh hỗn loạn của rừng núi, nghĩ đến mái tóc lưa thưa bạc trắng của ông Quản, ân nhân cậu, mà lo...

Một tên già nhất bọn nói:

- Lạ quá! Mặt trời đã lên cao r ồi, sao chưa thấy nó đến báo tin.

Sìn hỏi gay gắt:

- Thế bác dặn nó thế nào?

- Tôi dặn nó rằng: Cứ nói cho lão Quản biết là tối hôm nay bọn ta sẽ tải hàng qua rặng núi phía bắc. Tất lão Quản tin ngay lời nói mà đến rình ở

rặng núi phía bắc suốt đêm. Thế là lão mắc mẻo ta, vì trong khi ấy ta sẽ tải hàng vượt rặng núi phía đông, ung dung như đi chơi. Còn lo gì nữa!

Tên già cười đắc chí. Sìn và cả bọn cũng đắc chí cười theo. Rồi chúng vui vẻ xúm cả vào bàn đèn thuốc phiện, thi nhau hút.

Có ba tiếng gõ ám hiệu riêng. Cả bọn ngóc cổ lên nhìn ra. Một tên gày bé chui vào. Sìn reo lên:

- Giỏi! Tin tức ra sao?

Tên mới đến khềkhà lấy thuốc lá ra hút rồi mới nói:

- Lão già tinh quái ấy quả nhiên mắc lừa. Tôi nói ắt lão phải tin, chứ còn tin ai hơn nữa.

Phi chú ý nhìn. Cậu giật mình vì kẻ vừa đến báo tin chính là tên Cai Tí vẫn giúp việc ông Quản và được ông Quản, cả ông Chánh đoan tin dùng lắm. Cậu tức giận, muốn nhảy xổ vào kẻ phản nghịch ngay lúc đó, nhưng nghĩ bụng: "Nếu theo lời Cai Tí nói thì ông Quản bị mắc mưu rồi. Thôi, dò xét thế này là đủ, ta phải về mau, để ông Quản đủ thì giờ đối phó với bọn này".

Phi bèn rón rén, nín thở, bò ra. Cậu tụt xuống các mảnh tường đổ và thoát ra xa một quãng mới đứng hẳn dậy, co chân chạy. Phi chọn những con đường tắt, chạy nhanh như gió, chạy một lúc thì đến cánh đồng gianh. Đàn bò không có đấy, cậu yên trí là Mô đã lừa chúng về trại rồi. Hết hơi, cậu ngõ xuống thở. Vừa lúc ấy có tiếng người động ở sau lưng, cậu tựa ngay vào một hòn đá, vờ nhắm mắt ngủ. Một bàn tay đập vào đầu Phi. Cậu vờ giật mình dụi mắt hoảng hốt nhìn người vừa đập đầu mình. Thì ra thằng Sìn! Sìn cười nhạo nhở:

- Cậu bé tài nhỉ, vừa chạy đến đây, ngã xuống là ngủ ngay.

Rồi nó đổi giọng quát:

- Tao thấy mày chạy như gió, mày ở đâu đến đây?

Phi nén sợ đáp:

- Tôi đi tìm vài thức quả ăn, tôi đang đói.

Sin chắc mẩm Phi không dò xét cái tổ của bọn nó, tin ngay Phi chỉ đi tìm hoa quả, nó bèn dịu giọng:

- Thế ông Quản không cho em ăn uống tử tế à? Ta nghe nói ông Quản yêu quý em lắm mà!

- Hửn chứ, ông Quản yêu tôi lắm. Nhưng ăn cơm tử tế là một việc, còn ăn hoa quả rừng lại là thú riêng của tôi.

Sin ngẩng cạnh Phi, làm ra thân thiện:

- Em này, ta hỏi một điếu, nếu em nói rõ thì ta thưởng tiền - Nói rồi, nó móc túi giơ ra mấy hào bạc trắng: - Em nói cho ta biết, đêm đêm ông Quản hay đi thám thính ở phía núi nào?

Phi trấn tĩnh, cười nhạt:

- Ông quản đi cả bốn phía đông, tây, nam, bắc. Ông ấy thường mang theo súng đạn và sẵn sàng bắn nổ óc bất cứ thằng ăn trộm hay buôn lậu nào mà ông gặp.

- Thế độ này ông đi với những ai? Nói đi rồi tiền đây, em cần lấy.

Phi hất tay Sìn ra:

- Đừng tiẽn bắn thiu ta không thềm. Đừng hỏi vô ích, không bao giờ ta phản ông Quân để nói với một thằng kẻ cướp.

Sìn cười gằn, bỏ tiẽn vào túi rồi thừa cơ đấm một quả vào gáy Phi. Cậu gục xuống. Tên buôn lậu ầm sốc cậu lên, đi về phía rừng có ngôi nhà đồ.

Sìn truyên trối Phi, ném cậu xuống một cái hăm rất kiên cố, không chút ánh sáng lọt vào. Chúng khóa trái cửa lại, rồi những tiếng động lui xa.

Một lúc sau, tòa nhà hoang đồ nát lại chìm vào cái im lặng chết chóc của rừng sâu, tưởng như tự mấy ngàn năm nay chưa hề có người lạc đến. Gió rào rào, và tiếng suối róc rách thềm thì. Thảng đôi lúc, một tiếng đập cửa của con chim sợ sệt nào bay lên núi...

TRONG HẦM TÔI

Khi mấy bàn tay sắt vừa đẩy Phi xuống cái hầm sâu này thì cậu bị lăn xuống mấy bậc gạch rêu ẩm ướt, rồi nằm im trong một vũng bùn nhầy nhụa. Cậu ngất lịm đi. Nước bùn tưới vào mặt, cậu hồi tỉnh dần, cố ngẩng lên, mình mấy chân tay tê buốt. Một chất mặn trôi vào cổ. Đó là máu ở đầu, ở mặt thấm qua môi, theo nước bọt tràn vào cuống họng.

Phi lắc đầu mấy cái, ngẩng cho tâm thần định lại. Một lát, cậu cố đứng lên đưa mắt nhìn quanh căn hầm. Bốn bức tường dày kín như bưng, cậu phải dò dẫm trong bóng tối. Bùn rêu ướt nhầy nhớp dưới chân, nước trên trần rò xuống từng giọt lạnh.

Hoảng hốt, cậu lòng lên như con chim bị giam lồng kín, rồi tuyệt vọng ngẩng bật xuống một hòn đá rêu. Hai cánh tay bị trói giật sau lưng, đau rứt cả xương mà không sao giẫy được. Nghĩ đến sự đói khát rồi chết khô ở xó này mà mẹ già không biết, ông Quản không hay, con Mô không rõ, cậu đau đón rơi nước mắt. Nhưng cậu chợt nhớ đến câu ông Quản dạy, nó như một sức mạnh, một khí giới để phòng thân: "Lòng ngay thẳng và can đảm lúc nào cũng thắng được mọi việc bất chính và nguy hiểm ở đời".

Tức thì, như được một ngọn lửa đốt cháy lòng thất vọng và cơn mệt mỏi. Phi đứng lên ngay. Lưng cậu chạm vào hòn đá nhọn. Một tia mừng khiến cậu sáng mắt ra, cậu cúi xuống cọ sợi dây thừng ở cổ tay vào hòn đá sắc. Vòng dây đầu bị đứt, vòng thứ hai sờ ra, đứt nốt; vòng thứ ba cũng vậy. Lấy lại tự do cho hai tay, Phi phấn chấn lay cánh cửa. Nhưng sức người có hạn, mà sự chắc chắn của cánh cửa lim đó thì không cùng. Cậu lo lắng, ôm đầu suy nghĩ. Kiên nhẫn, cậu lay nữa, sau cùng cậu khám phá rằng cửa bị vướng khóa. Nhanh trí khôn, cậu bới nhặt được một miếng sắt rồi

cố sức, cố sức, cố sức nữa, cái khóa bị đẩy tung. Phi hé cánh cửa, trước hết thò đầu ra, không thấy gì, sau bò ra nửa người, tin chắc bọn gian đã đi xa, cậu mới bước hẳn ra ngoài. Ánh sáng, khí trời và gió và rừng, núi. Phi nhảy qua những đồng gạch vụn, gốc cây đổ, qua bao dòng suối, cắm cổ chạy theo con đường gập ghềnh nhất để về trại. Chưa bao giờ như lúc ấy, Phi thấy mình có đôi chân nhẹ và khỏe như đôi cánh một con chim đại bàng sau khi đã bay qua bao nhiêu biên ải trời xa, nay lại trở về tổ.

CUỘC GẶP GỠ CHÊ CƠM TRONG RỪNG KHUYA

Mặt trời về chiều đang xế đầu non. Phi chạy hướng về rặng núi nhuộm đỏ màu son kia như để níu lấy mặt trời. Chỉ lo màn đêm buông xuống mà chưa về kịp báo tin cho ông Quản lo sửa soạn bắt bọn gian, nên cậu chàng chạy nhanh hơn nữa, chạy với tất cả chút sức còn lại trong mình.

Nửa cây số nữa thì đến trại. Mắt hoa lóa, tai ù ù như chứa đầy hơi gió, hai đầu gối như lỏng ra, cậu vẫn lao đao chạy.

- Ai đó? Đứng lại, không ta bắn!

Cùng tiếng quát, một con vật to lớn nhảy xổ ra. Phi lả đi, khụy xuống. Người vừa quát đó, reo mừng:

- Phi, con đi đâu mất hút, ta đang đi tìm con đây!

Mô cũng sửa lên mấy tiếng, đuôi ve vẫy, hít mãi vào má cậu. Ông Quản ngửi xuống ẳm cậu vào lòng. Cậu mở mắt rồi ngẩng dậy:

- Ông nên hà tiện đạn. Đêm nay sẽ dùng đến nó. Con vì đi dò sào huyết bọn gian mà bị bắt, bị nhốt vào hầm. May thoát được, con vội chạy về báo ông biết rằng tên Cai Tí đã phản ta, và đêm nay đúng mười hai giờ, chúng sẽ tải hàng theo con đường núi phía đông, chứ không phải phía bắc như tên Cai Tí đã nói lừa ông.

Ông Quản Hắt cau mày. Ông lẳng lẳng dặt tay cậu và gọi Mô về trại. Đến trại ông bảo bọn gia nhân dọn cơm cho cậu, rồi ông vừa tháo nòng súng ra lau mỡ vừa lẩm nhĩ ngợi.

Đội Phi ăn xong, ông mới châm thuốc lá hút, chậm rãi bảo:

- Đêm nay, ta cho con theo đi tóm cổ bọn này. Ta cho con đeo một khẩu súng. Không phải để che chở cho ta, mà chỉ để con được xem một cuộc vây bắt ta chắc là rùng rợn, vui mắt lắm...

Phi hớn hờ:

- Ông cho con một khẩu súng? Đó là việc con mong ước mãi. Nhưng để bắn chết một mạng người, thật con không nỡ, con không thể...

- Không cần phải giết người. Chính ta cũng không nỡ giết hại một con chim, con thú trong tất cả những khu rừng ta cai quản nữa là... Vậy ta cần nghe: Hẳn con đã biết rằng núi phía đông chỉ có một con đường rất hẹp, một người một ngựa mới lọt qua. Đêm nay định làm một chuyến lớn, tất chúng phải xếp hàng hóa lên ngựa thôi. Chúng ta và lính đoàn sẽ nấp theo chữ nhất, con chờ nghe tiếng ta bắn chết con ngựa đi đầu, con sẽ ngấm cho đúng mà bắn què chân con ngựa thứ hai, bọn lính sẽ bắn ngã đoàn ngựa theo sau. Ta chỉ cần giết một con ngựa đầu cho hàng ngũ của chúng rối loạn, còn những con kia bị thương tại chỗ, tất bọn chúng tháo chạy, mà hàng hóa thì bỏ lại. Như thế, ta không khó nhọc gì.

Phi nghe ông Quản bày chiến thuật lấy làm phục lắm. Cậu hí hửng mừng được ông Quản giao cho một việc quan trọng, nhưng cậu hồi hộp lo nếu bọn gian kháng cự mãnh liệt thì liệu ông Quản có thắng được chúng không? Cậu mở súng ra lau, và bắn khoản chờ lệnh để lên đường.

Khoảng mười một giờ, Phi và ông Quản đã lên đường, đến ty đoàn họp cùng các lính. Mọi người ngậm miệng đi về rừng núi phía đông. Không có ánh trăng, chỉ vài ngôi sao mọc thưa thớt trên bầu trời sương lạnh lẽo, thảng

mới có tiếng cú vọng trong rừng khuya và tiếng lá rơi xào xạc trong bóng tối. Ông Quản khẽ hô dừng lại, ông dàn chỗ nấp, khéo tính toán cho mỗi khẩu súng cách nhau mười thước, đoạn ông ẩn sau một gốc cây to. Phi được ngẫ vào tầm súng thứ hai, gần ngay ông Quản. Ông dặn lại mọi người, dặn rất kỹ chỉ cần bắn ngựa, mà bắn cho thật trúng thì bọn gian mới khiếp.

- Cần thận, Phi nhé (tiếng ông Quản thì thầm) chớ làm phí đạn, chớ hoảng hốt, phải coi như đứng chỗ không người. Ta vốn biết con thừa can đảm nên mới đặt con vào chỗ đó. Ta mong rằng nhờ phát súng này, con sẽ được ông Châu, ông Chánh Đoan lưu ý mà cất nhắc cho con. Công danh của con gửi cả vào viên đạn mà con sắp bắn. Đừng phụ lòng ta, nghe chưa?

Nghe lời ông Quản, cậu càng thấy mình quan trọng quá. Cậu cố trấn tĩnh, mắt mở to, hai tai muốn căng ra để đón chờ, nghe ngóng những bóng người, tiếng ngựa... Thời gian như chìm lắng vào cái yên tĩnh không cùng của rừng núi lúc về khuya, khiến cậu nghe rõ cả tiếng tim mình đập rộn trong lồng ngực. Mười hai giờ. Tuyệt nhiên chưa thấy gì lạ. Cậu bứt dứt, như ngẫ trên lửa cháy. Ông Quản ghé tai cậu:

- Hay là con nghe nhầm. Nếu quả nhầm thì xấu hổ với ông Châu, ông Chánh và lính tráng ty đoan lắm đấy!

Phi quả quyết:

- Con nghe rõ lắm. Quyết không sai được, chỉ chậm đó thôi.

Đợi chờ. Ông Quản và Phi cùng bứt rứt, thỉnh thoảng lại đưa mắt nhìn nhau. Cậu nằm rạp, áp tai xuống đất nghe. Bỗng thấy mặt đất rần có tiếng

động, rõ ràng là tiếng vó ngựa. Cậu vẫy ông Quản. Ông cũng làm như cậu và khẽ reo mừng.

Hai người chạy về chỗ, ra hiệu cho cả bọn. Những đầu miệng súng ngo ngậy sau gốc cây. Hơi thở của họ dường như ngừng cả lại. Tiếng vó ngựa đến gần. Những cái bóng đen rầm rộ tới. Xa xa đã nghe thấy tiếng chúng nói cười, vì chúng tin rằng ông Quản đã mắc mưu, hẳn lúc này ông đang ngẫ đợi vô ích ở rặng núi phía bắc. Đoàn người ngựa tới. Phát súng của ông Quản làm một con ngựa dẫn đầu lăn ra giấy đành đạch. Bọn gian chưa kịp rú lên, thì sau một gốc cây đã tiếp phát thứ hai, con ngựa thồ khụy chân trước xuống, rồi tiếp luôn bốn phát nữa, bốn con ngựa đầu bị quy.

Phi nghe rõ tiếng thét của Sìn:

- Bắn! bắn!

Sau tiếng thét, những mũi tên bay ra vun vút. Bọn lính đoan bắn lại loạn xạ nhưng cố ý bắn lên trời để dọa mà thôi. Nhiều tên gian bỏ hàng và ngựa, lẫn vào các thung lũng. Riêng tên Sìn cứ nhằm phía ông Quản lẫn vào mà bắn. Ông Quản bỗng kêu lên một tiếng ngã xuống cỏ. Phi, từ đầu vẫn đứng phò tá ông Quản. Thấy ông Quản ngã, mà tên Sìn thì hùng hồ sắp đến gần, cậu không nghĩ ngợi, giơ súng bắn. Viên đạn xuyên thủng vành chiếc nón sơn của hắn, hắn giật mình, quay đầu chạy nốt.

Phi vội ngẫ thụp xuống, nâng ông Quản dậy. Nhưng chưa kịp nâng, ông Quản đã nhồm lên, nắm chặt tay cậu, tươi cười nói:

- Con giỏi lắm, can đảm lắm, trung thành với ta lắm. Mũi tên của nó có trúng đâu, ta vờ thế cho nó tưởng đã gây án mạng mà bỏ trốn. Không ngờ

nó dám liêu lĩnh, mà cũng không ngờ con đã cứu ta, phát đạn ấy tất khiến nó bay h ền mà chạy.

Ông Quản lại nắm tay cậu thật chặt l ần nữa:

- Từ nay ta nhận con làm con ta. Mai ta sẽ kể tất cả công trạng của con với ông Châu, ông Chánh, và ta tin rằng con sẽ được các ngài yêu và lưu ý đến con lắm đó.

Ông Quản hô lính ra dắt đàn ngựa bị thương và tải hàng hóa lậu về cho nhà đoan. Còn Phi, theo sau đoàn ngựa, lặng lẽ ngược nhìn những vì sao lấp lánh, một nỗi vui mới nở trong lòng cậu. Không phải, cậu mừng được các quan trên sẽ ban khen, cậu chỉ vui về nỗi ông Quản cho dự vào cuộc mạo hiểm trừng phạt kẻ bất lương những nhiều, và vui về nỗi đã được ông Quản luyện cho mình một tinh thần mạnh, một tấm lòng trung nghĩa, gan dạ, không sợ kẻ gian tà, bạo nghịch.

VONG HỒN ĐỊA NGỤC VÀ MÂY BAY TRÊN TRỜI CAO

Bọn buôn lậu bị thất bại chạy về tòa nhà đồ giữa khu rừng kín rậm kia. Chúng ẩn nấp trong đó suốt ngày hôm sau, không dám thò ra nữa.

Sìu bu ãn bực uống rượu say be bết. Các bạn Sìn cũng vậy, chỉ uống rượu và hút thuốc phiện, không kẻ nào nói một lời. Chúng đành an phận nằm trong đồng vôi gạch, đầu lâu này mà làm bạn với thuốc, với rượu, với ma, để chờ đợi cơ hội khác.

Nhưng cơ hội chưa thấy đến, giữa lúc chúng đang say be bết thì nửa đêm hôm ấy, những bức tường tự nhiên bị nhào ụp xuống ãn ãn như động đất, ở trên mái thủng, những bó đuốc nhựa thông sáng rực rơi xuống đầu chúng tới tấp và đốt quần áo chúng cháy xèo xèo. Như bày chuột bị hun, bọn gian kê gào dữ dội, ôm đầu húc vào tường, vào đá. Lại tiếng Sìn thét vang trời:

- Bắn! giết! Giết!

Bọn kia như đàn ác thú trong cảnh cháy rừng, l ãng lộn vớ nỏ lấp tên bắn lên trên mái, bắn chĩa ra ngoài loạn xạ.

Ông Quản giờ mặc đồ được năm sáu mũi tên. Bọn lính nấp cả vào chân tường, họ rất sợ những mũi tên tầm độc. Một tiếng thét to: Phi từ trên mặt tường nhào xuống. Cậu không bị tên độc, nhưng bị một lưỡi dao của tên gian phóng ra cắm ngập một bên đùi.

Ông Quản khiêng cậu đặt một chỗ, rồi nỗ lực hô phá đổ tường, hò ném đuốc lửa vào thêm: Những mảng tường đổ ãn ãn do sức phá của bọn lính đang hăng hái. Lửa trên mái ngói cháy ngùn ngụt soi đỏ cả một khu rừng.

Bọn gian từng tên một, đui sức và bị lửa hun cháy xém thịt da ngã xuống hoặc vì đau, hoặc vì tường đè gãy tay chân.

Tên Sìn bị cả một mái ngón đè lên ngang bụng, cổ ngoi mãi đầu lên, hai mắt nhìn lên trời trợn ngược.

Lửa tàn dần, bọn gian bị lôi dậy, trói chặt khuỷu tay, và hộc lại một xâu dài, bị dẫn đi trong đêm tối, trông như một đoàn âm binh đi vào địa ngục.

*

Một sớm, mặt trời mọc rực rỡ trên nền mây sáng. Chim hót hiên lành, hoa nở đầy rừng, và gió như hát.

Phi nằm trên giường bệnh, nhìn ra ngoài cửa sổ, ngắm những cánh chim và những bóng mây bay trong ánh nắng. Vết thương ở đùi cậu đã đỡ, có thể nói là khỏi hẳn. Bà mẹ sờ tay vào vết thương của con, miệng méo mó không biết vì khóc hay vì cười mừng rỡ. Ông Châu và ông Chánh Đoan đến thăm bệnh cậu, vừa mới lên ngựa ra về sau khi đã nắm chặt tay cậu bé can đảm để khen ngợi và hẹn khi nào cậu lành mạnh sẽ đem cậu đến dinh ông Châu hay đến nhà Đoan làm việc ăn lương tháng. Những lời hứa hẹn ấy lúc này vẫn không khiến cậu vui sướng bằng niềm thư thái, ngắm nhìn những đám mây đẹp, những bóng chim bay lượn ngoài trời.

Phi vừa mỉm cười với ý nghĩ ấy thì ông Quản Hài vào. Ông thân mật ngồi cạnh cậu xem vết đau rồi xoa tay vui vẻ:

- Con khỏi hẳn rồi, mai con sẽ đi chơi được.

Cậu ngược nhìn ông, nước mắt trào xuống má:

- Cha ôi, con sung sướng quá!

Ông quản nắm tay Phi:

- Phải, những người lương thiện lúc nào cũng an vui, sung sướng, vì những con người ấy luôn luôn suy nghĩ đến những lẽ trừng phạt và ban thưởng của Phật Trời.

Phi nhắm chặt mắt, những giọt nước mắt thấm ướt môi. Im lặng một lúc, rồi mắt Phi sáng ngời lên, cậu nói với cha nuôi:

- Cha ôi, mai lành mạnh hẳn rồi, con sẽ từ chối không lên dinh làm việc. Con sẽ lại ngày ngày cùng với con Mô và đàn bò sữa vào rừng để ăn quả, tắm suối mát và ca hát như một con chim trời tự do.

Ông Quản gật đầu:

- Hay lắm! Con là người can đảm và yêu tự do! Hay lắm! Ta vui lòng chiều ý con.

Ngọc Giao

Truyện Bá, số 65, năm 1943

TIỂU ANH HÙNG

Vị tiểu anh hùng đó là Nguyễn Đình Đắc, cháu xa đời ông Nguyễn Xí, khai quốc công thần đời nhà Lê. Ông Đắc sinh vào khoảng niên hiệu Quang Trung nhà Tây Sơn. Quê ông ở làng Thượng Xa, thuộc phủ Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An bây giờ. Ông ra đời trong một gia đình nghèo khó, cha mất sớm. Mẹ ông thường ngày hái rau kiếm củi, tần tảo nuôi con. Tuy nghèo túng, bà mẹ cũng cố cho Đắc đi học. Cậu thiên tư thông minh, mới sáu tuổi mà học đâu biết đấy. Thường ngày đi học về, thấy mẹ già còng lưng làm lụng khó nhọc Đắc không đành lòng, cậu bèn đi hái rau, làm việc giúp mẹ. Lên mười tuổi, thân thể Đắc đã to lớn khác thường, tiếng nói như chuông, ăn khỏe, sức mạnh lạ lùng, lại can đảm không biết sợ là gì. Trong làng có một trường dạy võ, xin vào học phải mất tiền. Biết phận nhà nghèo, Đắc chỉ ngày ngày học bài xong lại đến trường dạy võ nấp một chỗ rình xem để học trộm. Trong đám học trò luyện võ có lắm anh gày gò ốm yếu mùa may không ra sao cả, cũng có anh sức lực nhưng đáng điều tỏ ra kẻ võ phu sắc lắc. Đám ngấm họ tập với nhau, ngựa mắt không nhìn được, bỗng cười vang. Ông thầy dạy võ và bọn học trò ngạc nhiên nhìn cả ra ngoài cửa. Đắc thấy mình trốn là hèn nhất, cậu bèn ung dung bước vào sân, lễ phép chấp tay chào ông thầy và khắp mọi người. Ông thầy hỏi:

- Có phải mày vừa cười đó chẳng?

Đắc khoan thai đáp:

- Vâng, chính con cười đấy ạ.

- Tại sao mày cười? Mày có biết như thế là hỗn láo, đáng căng nọc ra đánh đòn không?

Đắc ngửa mặt lên trời, cười to hơn, rồi đáp:

- Con xin chịu đòn. Nhưng trước hết, xin thầy sai anh học trò nào khỏe tay nhất đánh con mới xuể. Con xin đứng yên cho anh ta đánh, mà không đánh bằng roi, xin đánh bằng ngọn côn to nhất.

Nói rồi, Đắc nhảy xa ra ba bước, đứng thủ miếng chờ. Một anh học trò vạm vỡ, có tiếng giỏi nhất trường, thấy thằng bé con trâu trọc, bèn nhảy ra, vung côn lên đánh xuống. Đắc nghiêng mình tránh, ngọn côn vụt hụt khiến anh chàng to lớn kia chúi người đi. Đắc nhanh như con vượn, nhảy lên đá vào ngực anh kia một cái hết sức mạnh, và đưa luôn tay ra đánh mấy cái vào chỗ phạm. Anh chàng to lớn ngã lăn ra, không sao ngẩng lên được nữa.

Bọn trò khác thấy vậy vỗ tay reo ầm lên. Chúng không dám bênh anh to lớn kia, chúng còn tỏ ra mừng rỡ vì bỗng tự đâu một cậu bé con mười tuổi đã đánh ngã được cái anh chàng vốn hàng ngày cậy sức khỏe, cậy thầy yêu mà bất nạt, đè nén chúng.

Ông thầy chạy đến cầm tay Đắc khen ngợi và vui vẻ hỏi:

- Ai dạy con những miếng võ ấy?

Đắc lễ phép kể thực là cậu chỉ hàng ngày đến đây học lỏm, rồi về nhà cậu học lại một mình, tự ý biến đổi những miếng đánh đi.

Ông thầy ngắm nghía thân hình gân guốc, rắn chắc và khuôn mặt khôi ngô, đôi mắt sáng quắc của cậu bé con, lấy làm yêu mến mừng rỡ lắm. Ông thầy họ Lý, vốn giỏi nghề xem tướng, biết Nguyễn Đình Đắc sau này ắt phải làm nên nghiệp lớn phò vua giúp nước, bèn dắt tay vào nhà, bảo:

- Từ nay, con đến đây ta dạy, không phải xem trộm ngoài cổng như vậy nữa.

Đắc quỳ lạy, rồi chạy vụt về nhà. Cậu rối rít kể với mẹ già việc đánh ngã anh học trò giỏi nhất của ông thầy họ Lý, và kể rõ việc ông thầy ấy sẽ dạy cậu học bắt đầu từ ngày mai. Bà mẹ tuy trong lòng cũng vui mừng về tương lai của con nhưng bà thấy lo cái nghề võ thô bạo, tài giỏi bao nhiêu càng chết sớm bấy nhiêu. Bà suy như chằng bà, làm tướng giúp vua Lê đánh trăm trận, làm quan giữ đôn trấn ải, thế rồi cũng đến chết ở chiến trường. Nhưng dù sao, bà cũng tin ở lòng trời. Bà để tùy ý con, không ngăn cản.

Từ hôm sau, Đắc sớm học văn, chiều luyện võ. Văn tấn tới, võ cũng tinh tường. Ông thầy dạy văn yêu. Ông thầy dạy võ cũng quý. Tiếng đọc sách của Đắc sang sảng cả xóm làng, tiếng côn quyên, gươm giáo của Đắc vun vút kêu ngoài chân núi sau nhà, khiến ma kinh quý sợ.

Không bao lâu, khắp vùng ai cũng bàn tán về tài văn tài võ của Đắc. "Cha hổ, lại sinh hổ, cậu ấy rồi mai sau ắt làm lớn". Hai ông thầy thường vẫn nói với nhau như vậy.

Sức Đắc dũng mãnh quá, chẳng mấy chốc đã thuộc lòng mười tám ban võ nghệ. Cậu quen dùng đôi song kiếm, và bắn tên rất giỏi. Các bạn cùng trường không ai dám đấu với Đắc. Anh chàng to lớn, kiêu ngạo nhất bọn bị cậu đánh ngã bửa nọ, bây giờ tuy hơn cậu hai chục tuổi mà kính sợ cậu như bậc đàn anh. Đắc giỏi, nhưng không kiêu ngạo. Cậu nhũn nhặn đối với người tử tế; với kẻ bất nhân, cậu thẳng tay trừng trị. Trong làng ai cũng gờm sợ cậu, không dám khinh rẻ mẹ con cậu như trước nữa.

Càng lớn, Đắc càng ăn khỏe. Bà mẹ lo kiếm gạo cho con ăn mà không hề than thở một lời. Thấy mẹ già khổ sở, Đắc buồn rầu, một hôm nghỉ học. Bà mẹ hiên đức biết ý con, khóc mà răn:

- Mẹ biết con muốn ở nhà kiếm rau củ mà nuôi lại mẹ. Nhưng con ơi, nhà mình vốn dòng nghiên bút kiếm cung, con nên gắng công theo học để nối nghiệp cha ông. Mẹ tuy tóc bạc, lưng còng nhưng vẫn còn khỏe, có thể kiếm củ hái rau nuôi con được.

Đắc không dám trái lời mẹ, lại miệt mài theo học, nhưng đến bữa, cậu có ý ăn ít đi nhường phần mẹ, rồi vào rừng kiếm hoa quả ăn thêm cho no. Cậu làm cây nỏ và mài dao sắc vượt rừng này, núi nọ săn bắn muông thú và chặt củi gánh về đem ra chợ bán. Cứ như vậy, hai mẹ con tháng ngày đùm bọc lấy nhau.

Một bữa nọ, Đắc vào rừng, bà mẹ kêu ngõ nhà buồn cũng theo con đi kiếm củi. Giữa đường gặp bầy trâu đang ăn cỏ. Hai con trâu trắng trội nhau, một con thua chạy, một con hăng máu đuổi theo. Bà mẹ sợ hãi, tránh không kịp lăn xuống ruộng. Đắc đang bẻ củi trong bụi cây, vội chạy lại, nắm lấy hai sừng một con trâu, hét to lên rằng: "Đồ súc sinh dám làm mẹ ta sợ hãi". Rồi tiện tay bẻ gãy ngay đôi sừng, con trâu đau quá, lồng chạy vào rừng mất.

Lại một hôm vào rừng kiếm củi, trong lúc cắm cúi chặt, bỗng một con hổ nhảy chồm tới toan vồ bà mẹ. Đắc hét vang rừng, tiếng hét còn lớn hơn cả tiếng hổ gầm, đoạn cậu xách rìu xông lại đánh mãnh thú một hồi lâu. Mãnh thú đuổi sức dần nên mang vết máu dòng dòng mà chạy. Bà mẹ khiếp sợ ngất đi. Cậu phải cõng mẹ về thang thuốc. Từ đấy, bà mẹ càng ngày càng yếu. Cậu phải bỏ học chữ, ở nhà hàng ngày vào rừng kiếm củi săn bắn mà nuôi mẹ.

Thấm thoát, Đắc đã mười ba tuổi, cậu thường nói với mọi người:

- Sinh buổi loạn ly này, học nho lắm cũng không làm gì, võ là cần nhất.

Cho nên, cứ lúc rảnh là cậu lại ra công luyện tập, và xem những sách cổ, binh thư chiến lược.

Như trên đã kể: Đắc vốn dĩ là người khảng khái và can đảm. Nghe dân quanh vùng bảo ở một khu rừng nhỏ làng bên có một con trăn to, làm tổ trong một lùm cây dừa dại, thường ra làm hại những người chợ búa qua lại trong vùng. Đắc bèn mài dao thật sắc và một chiếc dùi nhọn, dắt vào lưng, giấu mẹ mà ra đi trừ hại cho dân.

Tới khu rừng, Đắc đến trước lùm dừa dại đập loạn xạ, miệng quát tháo, con trăn nghe tiếng người bèn lao ra đuổi. Đắc bỏ chạy, nhử cho con trăn đuổi theo. Đắc chạy tới một gốc cây to, chờ con vật đến. Đắc lập mẹo sẵn: cậu tựa áp lưng vào thân cây. Trăn thò đuôi ra (giống trăn vốn hay quăn bằng đuôi trước) quấy lấy cây đa và người. Thừa lúc trăn quăn chưa chặt. Đắc co người thụt xuống đất. Mình trăn trơn nhày nhựa, cậu tụt ra rất dễ. Rõ nhanh như cắt, cậu cầm chiếc dùi nhọn đóng chặt cổ trăn vào thân cây, đoạn rút dao chém đầu nó rơi xuống đất, mình nó quằn quại một hồi cũng rơi theo nốt. Thế là trừ xong cái hại lớn cho dân làng, cậu tinh nghịch nhặt thân trăn quăn vào mình, tay cầm chiếc đầu trăn đấm máu đi vào làng. Làng đang có phiên chợ. Cậu vớt mình trăn và đầu trăn lên mái chợ, rồi lẳng lặng đi.

Thấy thằng bé con mười tuổi mà chém được trăn to như thế, ai trong thấy cũng phải kinh hồn. Họ đứng nhìn xác trăn, không dám mò tới. Nhà nào không may có người bị trăn nuốt thì vác dao ra đâm vào bụng nó, vừa khóc vừa nguyền rủa.

*

Một năm trời làm mất mùa. Nắng cháy như đổ lửa. Người chết đói nằm la liệt. Chim muông, thú vật trong rừng đi mất hết.

Đắc Lân hồi nuôi mẹ, kiếm không đủ ăn. Cậu lo dành dụm ít ngô khoai cho mẹ, rồi một hôm lạy mẹ xin đi kiếm ăn ở các vùng khác.

Cậu đến một vùng xa xin làm seo thuê cho làng để kiếm ít ruộng của làng mà cấy cấy. (Tiếng Nghệ An, Hưng Nguyên gọi seo là trồng mả làng). Cậu thấy tục làng ấy dã man quá. Những người tai mặt già cả thì tham ăn tham uống, cậu chỉ muốn trừng trị chúng một trận, nhưng lại sợ làm hại mẹ già ở nhà, nên đành nhẫn nhục mà hầu hạ chúng cho xong.

Ít lâu sau, mẹ già chết. Đắc lo mãi mới mua được cái áo quan chứ chưa có tiền làm ma. Một hôm làng ấy có lễ cúng tế, làm thịt heo. Tế rồi, họ bày cỗ ra sán đình ăn uống, bắt seo hầu hạ. Một bô lão truyề:

- Bớ! Seo, tê nước xáo từ đầu các cỗ tê xuống!

Tiếng Hưng Nguyên nói thế là bảo thằng mả đem bày nước xuýt lợn từ đầu dòng các cỗ trở xuống. Tức bực vì cái thói ăn la uống, và do tình nghịch nữa, Đắc bèn múc một thùng đầy nước xuýt sôi, chạy thẳng lên dãy các bô lão ngồi, cứ nhè mấy đầu ông cụ già mà dội xuống cho một mẻ, làm các cụ giẫy nảy chạy không kịp, ướt lướt thướt, kêu ầm ỹ như lũ khỉ.

Dân làng giận quá, xúm lại vác gậy gộc đánh thằng mả. Cậu vớ lấy đôi dao phay làm thịt, múa loạn lên, hai mắt long sòng sọc, khiến cả làng khiếp hoảng tan chạy hết. Đoạn cậu chống dao, lên ngồi ngay chỗ đầu hàng, tức là chỗ ngồi của cụ tiên chỉ, sẵn cơm thịt chén một bữa no nê, hết nhẩn năm mâm cỗ.

Đắc lại khăn gói ra đi, mà cũng chưa biết đi về đâu. Cậu đành nhắm theo hướng biển đi đến làng Ba Trang, cửa biển Hội Thống. Thấy dân chài làng này bỏ nhà phiêu bạt đi đâu hết, cậu lấy làm lạ. Ngoài kia sóng biển vỗ ầm ầm. Cậu bé một mình với khăn gói đeo vai, một cánh nỏ, túi tên và đôi kiếm dắt bên sườn, ngơ ngác giữa làng nhìn những mái nhà hoang phế.

Mặt trời đang lặn. Cậu đói quá mà tuyệt nhiên không thấy một nhà nào có lửa, có người, bèn lững thững ra ngoài bãi biển, chỉ trông thấy trời nước mênh mông, từng đàn chim biển bay chập chờn trên sóng bạc tìm đến những mi ền hoang đảo nơi chân trời. Cậu ng ẫ bệt xuống một mòm đá, bọt nước vỗ vào hai chân bắn tung lên, cậu mãi nhìn quên cả đói.

Bỗng có tiếng ai ho ở đâu đây, cậu ngoảnh lại thấy một ông lão tóc bạc phơ phơ chống gậy đi trong nắng chiều trên bãi biển. Ông cụ qua chỗ cậu bé, dừng chân một chút rồi lại chống gậy bước tiếp, thỉnh thoảng giơ tay dấm lưng và ho vài tiếng. Thấy dáng điệu của ông già cô độc mi ền biển này có một vẻ khiến mình vừa kính phục vừa nghi ngờ thương hại, Đắc bèn đứng dậy chạy theo, chấp tay thưa:

- Bẩm cụ về đâu? cháu đói lắm, có thể theo cụ xin cho ăn một bữa?

Ông già ngấm nghĩa thấy cậu kháu khỉnh vạm vỡ, tuổi còn nhỏ mà lại đeo kiếm to, nỏ lớn, giọng nói oang oang thì gật đầu, vuốt râu bảo:

- Được lắm, mời cậu theo ta về xóm kia. Ta đãi cậu một bữa cơm rau muối.

Nói rồi ông lão đi, Đắc theo sau. Cậu bé để ý thấy ông cụ đi lặt đặt, luôn luôn nhìn ra mặt biển như sợ hãi, chờ đợi một đi ều gì. Bỗng nhiên, lão

dừng bước, giơ một tay lên ngang trán che ánh nắng, hấp háy đôi mắt, run giọng hỏi Đắc:

- Cậu bé ơi, cậu tinh mắt thử nhìn xem đằng xa kia có một cánh buồm đen, phải không cậu?

Đắc quắc mắt trông, rồi đáp:

- Bẩm cụ, đó là một đám mây đen ở chân trời. Sắp nổi cơn bão lớn đấy ạ.

Ông lão cúi xuống thở một hơi dài. Biết ông lão buồm, Đắc tinh ý đoán có chuyện chẳng lành, khẽ hỏi:

- Thưa cụ, độ này vùng biển đây có yên lành không ạ?

Ông cụ liếc nhìn Đắc, rồi vẫn lăm lăm li bước vội vã. Sau khi đã kéo sập cái cổng tre xuống chắc chắn rồi, ông cụ mới khe khẽ đáp câu cậu bé hỏi ban nãy:

- Dào ôi, nào có lành a cậu. Dạo này không biết trời ra tai hay sao mà quân cướp của giết người như ngóc ải kéo đến ần ần, làm khổ dân mình mãi.

Đắc kinh ngạc, tròn tròn mắt:

- Quân giặc nào vậy cụ?

Ông lão vừa xúc gạo ra bát vừa đáp, giọng thì thào như sợ ai nghe thấy:

- Giặc T'ài Ô, chứ giặc gì nữa. Chúng tung hoành trên khắp mặt biển, cướp bóc của cải, bắt gái đẹp rồi lại rút cả về T'ài. Quan quân tri'ài đình

không hề lưu ý chi đến chúng, thành ra chỉ bọn dân chài bị khổ, không dám ra ngoài khơi đánh cá nữa. Một lần, quân giặc kéo lên bờ vào làng này bắt cóc cô con gái ông Tiên, đốt mấy nóc nhà rồi đi. Nên bây giờ, dân xóm sợ hãi chạy lánh cả sang bên kia núi. Con cháu lão cũng đi cả, hôm nay lão về thăm qua nhà cửa, rồi sớm mai lại đi về bên kia núi, chứ ở đây cũng khó yên với chúng...

Ông già còn tiếp tục kể lể bằng những tiếng thở dài và những tiếng ho nhọc mệt.

Cậu bé cam đảm, dũng mãnh nghe ông già nói vậy, tức giận mà thét lên:

- Quân chó biển dám những loạn như thế, xin cụ để cháu giết trừ chúng nó.

Ông lão quay lại nhìn cậu bé con, rồi lắc đầu mỉm cười:

- Dào ôi, sức chúng như sóng bão, mình là bột nước, chống làm sao được. Đến quân triều đình có kéo tới cũng bị chúng đánh vỡ, nữa là...

Cậu bé vốn tính nóng như lửa, cam đoan với ông già:

- Xin cụ cứ gọi hết cả người làng về đây, cháu sẽ dạy họ cách giết giặc. Nếu không giết được giặc, cháu xin nộp đầu.

Ông lão ngấm tướng mạo, sức vóc cậu bé một lúc rồi khẽ gật đầu. Sớm hôm sau, tin ấy truyền đi. Buổi chiều đó, ba trăm dân chài đã lục tục kéo về. Họ tò mò muốn xem mặt thẳng bé con nói khoác hơn là tin rằng đây là một vị tiểu anh hùng dư sức chém đầu bọn giặc Tàu Ô như chém chuối.

Đặc biệt vậy, bèn ra uy. Cậu đứng lên hô hào việc diệt trừ giặc, cậu nói qua v êề kế cậu sẽ dùng khi giặc đến. Bọn họ tin ngay là cậu bé có tài, và họ đã sửa sửa giáo mác, đứng cả trên thuyền để nghe lệnh cậu dàn trận. Ngoài khơi sóng mạnh ngút trời. Vị tiểu anh hùng đầu bịt khăn xanh, vai đeo nỏ lớn, lăm lăm đôi song kiếm, đứng ngạo nghễ ra hiệu lệnh. Một đoàn mười chiếc thuyền to dương buồm đón gió, lúc tiến lúc lui, lúc tạt ngang, lúc tiếp hậu, lúc quay tròn, nhanh vun vút. Giáo mác, câu liêm, đuốc lửa (để đốt buồm quân giặc) tua tủa và rực rỡ trên mười thuyền ngang dọc, tung hoành. Tiếng ba trăm quân reo vang dậy cả một vùng trời biển bao la, tưởng như một đoàn thiên binh vậy.

Ông già họ Nguyễn chống gậy đứng trên bãi biển, một tay giơ ngang trán che bóng nắng, một tay run run vuốt chòm râu bạc, gật gù khen th ần:

- Vị th ần đ ồng kia là con cái nhà ai mà tài năng ghê gớm thế? Ngũ này mai sau không biết sẽ làm nên đến thế nào?

Mặt trời lặn ở chân mây. Mặt biển lúc này chỉ còn là một vạch nổi li ền nước với mây như một đám lửa nghi ngút cháy. Cậu bé khăn xanh vung kiếm phất cờ thu chiến thuyền. Những cánh buồm nâu hạ xuống đầu một loạt, những ngọn gươm giáo thu cả lại, những bó đuốc nhựa thông tắt hết, tất cả chìm trong bóng tối, và ba trăm quân ngậm tăm lên bãi cát, phục suốt đường cửa biển, phòng quân giặc kéo qua.

Quả nhiên, đêm ấy, vào khoảng canh ba, ngoài mặt biển xa hiện ra mấy cánh buồm trong bóng sao mờ. Cậu bé được tin báo, bèn nhảy lên mũi thuyền xem hư thực. Biết có năm thuyền giặc, cậu cũng truyền cho năm thuyền của mình kéo buồm lên, xếp hàng ngang ra đón giặc.

Trong đêm tối, thuyền của bọn chài đến nhanh quá khiến giặc Tàu Ô không phòng bị mà cũng không ngờ lại có kẻ dám chống lại mình, vì vậy giữa lúc chúng đang chè chén và hút thuốc phiện say sưa thì quân của Đắc nhảy ùa sang thuyền chúng mà chém giết. Giặc kêu chí chóe, không kịp tìm khí giới chống cự, chết không còn sót tên nào. Có kẻ liêu nhay xuống biển bơi, nhưng rồi cũng làm mồi cho sóng to gió lớn.

Thắng to rồi, Đắc bèn thuyền lấy hết của cải rồi sai đập vỡ lòng thuyền giặc cho chìm hết. Hơn một trăm xác giặc Tàu thế là mất tằm nơi rốn biển.

Kéo quân về, vị tiểu nguyên súy ấy được ông già họ Nguyễn ra đón, cầm tay mà hết lời khen. Ông lão, ngay đêm ấy, sai giết bò, lợn, khao quân sĩ. Lão mời Đắc ngồi trên nhất, nhưng Đắc khiêm tốn xin ngồi dưới cụ, còn ba trăm dân chài thì xếp hàng ngồi một lượt dài, cơm rượu no say.

Cách hai ngày sau, có tin giặc Tàu Ô đến báo thù.

Trận thắng vừa rồi đã làm cho bọn chài thêm can đảm, họ rầm rộ theo Đắc ra bãi biển. Xa xa một đoàn ước chừng mười thuyền đang tiến lại. Đắc thét quân lên thuyền dương buồm sẵn. Bấy giờ tối nhá nhem. Mấy trăm bó đuốc nhựa đã sẵn sàng. Những ngọn câu liêm xếp đầy ở mũi thuyền sẽ dùng móc cổ giặc lôi xuống nước lúc hai bên xô sát.

Đắc đứng trên một chiếc thuyền lớn nhất, hai tay cầm đôi kiếm, mắt quắc lên như lửa cháy. Cái bóng bé bỏng của vị nguyên súy mười ba tuổi in lên cánh buồm nâu căng gió biển trông uy nghi lắm liệ và khiến người ta nghĩ đến Bát-tý Na-tra của chuyện Tàu thời cổ. Mười con thuyền theo gió ra khơi. Giặc như hổ đói, thấy thuyền Đắc thì gàn thét lên. Đắc dặn quân phải đánh cho khôn khéo. Giặc ồ ạt đến phục thù, chỉ có dưng chứ không có mưu trí gì.

Khi hai bên sắp gần nhau, Đắc bèn dùng chiến lược theo binh thư: cậu cho thuyền mình ngược nhanh lên chiếm lấy đầu gió, rồi nhanh như cắt vây lấy đoàn thuyền giặc. Thuyền giặc bất thành lĩnh bị dấn xuống dưới chiều gió nên hoạt động chậm, va loạn vào nhau. Đắc nhân lúc giặc hỗn loạn, bèn dương nỏ nhằm mấy tên to lớn nhất có vẻ tướng súy, bắn luôn mấy phát tên. Ba thằng lớn đầu rơi xuống sông. Đắc phát cờ ra hiệu lệnh, ba trăm quân chài từ nãy phục trong khoang, bấy giờ mới nhô lên, gươm giáo đâm ra như chớp nhoáng. Giặc liều nhảy sang đánh dữ, nhưng tên nào cũng bị câu liêm ném ra móc vào đuôi sam hoặc áo quần giật mạnh lặn xuống nước. Mỗi tên ngã xuống liều bị một mũi dao đâm theo, gãy lục đục dưới mép thuyền rồi chìm ngấm.

Bọn giặc Tàu Ô hung tợn, không thấy thế mà lui. Chúng càng gần thét, chửi rủa lẫn ừa sang. Đắc bắn trăm phát trúng cả trăm. Sau biết giặc mạnh quá, cậu truyền phóng lửa. Những bó đuốc nhựa thông được ném sang bên thuyền giặc, bắt vào cánh buồm cháy bùng bùng. Một lúc, mười cánh buồm cùng cháy, cả thuyền cũng cháy, vì mỗi thuyền bị chất ít ra là trăm bó đuốc. Thuyền giặc trong chớp mắt hóa ra một đám cháy ngút trời, tiếng kêu gào át cả tiếng sóng gió. Đắc truyền dẫn vòng vây. Ba trăm dân chài không bị chết người nào, chỉ mười gã bị trúng thương nhẹ mà thôi. Họ đứng nhìn đám thuyền giặc chìm dấn, sau cùng một lớp sóng mạnh vùi kín cả bao nhiêu mảnh ván nát cùng mấy trăm xác giặc Tàu.

Trận này đại thắng!

Và cũng từ hôm ấy, không còn bọn giặc nào dám đến báo thù. Dân chài lại trở về về làng làm ăn như cũ, họ mang ơn, kính trọng cậu bé anh hùng như một vị thần.

Đắc từ biệt mọi người. Chỉ mong làm lớn, không lúc nào cho cậu ở yên một chỗ. Ông lão họ Nguyễn giữ không được, đành đưa tặng nhiều tiền bạc. Đắc chỉ nhận một trăm nén bạc, rồi lại đeo khăn gói lên đường.

Được số tiền ấy, Đắc về làng làm ma cho mẹ. Trọn việc hiếu rồi, cậu lại dắt kiếm, đeo khăn gói ra đi, quyết chí đi rõ xa, tự hên phải làm nên cho bố công ăn học và vui thỏa vọng hờn cha mẹ dưới tuổi vàng.

Hơn một tháng dòng, cậu bé đi vu vơ, qua rừng qua núi, gặp làng nào vào làng ấy, chẳng biết làm chi, cũng chẳng có nơi nào nương tựa. Một hôm, Đắc ngồi nghỉ chân ở một cánh đồng, thấy một ông thầy địa lý đang đi xem đất, Đắc đường đột chạy lại cười mà hỏi rằng:

- Tôi muốn làm vua. Thầy có giỏi làm cho tôi một ngôi đất, được làm vua thì tôi còn mấy nén bạc đây xin biếu thầy.

Ông thầy địa lý ngẩng lên nhìn, thấy một cậu bé kháu khỉnh và có vẻ bướng bỉnh, lưng dắt kiếm, vai đeo khăn gói, ông ngắm nghía hồi lâu.

Đắc lại hỏi:

- Thầy có thể để được ngôi đất cho tôi làm vua, làm vua một ngày cũng được, thì thầy nhận lấy bạc đây. Nếu tôi làm vua được lâu, lại hậu tạ thầy nữa, sẽ phong thầy chức Quốc Sư. Bằng thầy nói dối, tôi sẽ lấy đầu thầy đó!

Thầy địa lý cười mà đáp:

- Tướng cậu chỉ làm nên đại tướng, chứ không làm vua được. Nhưng nếu cậu muốn làm vua một ngày cũng xong.

- Nếu thế, xin thầy nhận lấy bạc mà để đất cho tôi.

- Tôi không lấy bạc của cậu. Muốn để đất thì theo tôi.

Đắc theo ông thầy đến một cái cồn cao. Ông thầy ngắm một lúc, chỉ chỗ cho cậu, bảo đào một cái huyệt cho thật sâu, rồi xuống đó mà nằm một ngày, ắt hôm sau sẽ làm vua. Rồi thầy hỏi tuổi Đắc. Cậu nói mười ba tuổi. Ông thầy ngửa bàn tay, tính toán một lúc lâu mới nói:

- Tôi cất cho ngôi đất này là theo ý cậu muốn làm vua một ngày đó. Hãy đợi đến giờ Tý (12 giờ đêm) thì nằm xuống. Sang giờ Tý ngày mai, cậu sẽ làm vua một ngày. Còn mệnh cậu là mệnh hỏa, vượng ở phương nam, muốn làm đại tướng phải đi về phương nam mới thành công.

Đắc nghiêm mặt hỏi:

- Lời thầy nói có chắc chắn không?

Ông thầy cũng nghiêm mặt đáp:

- Nếu sai, cậu cứ tìm tôi mà chém đầu.

- Nếu vậy thì mai tôi lên ngôi vua, nay còn mấy nén bạc này, tôi biếu thầy.

- Không, tôi làm chơi cho cậu thôi, xin không lấy tiền tạ.

- Thầy đã cất đất cho tôi thì thầy cứ nhận tiền để tôi yên lòng.

- Xin để cậu tiêu, chẳng mà lo rồi không có.

- Mai tôi làm vua, bạc vàng châu báu thiếu gì nữa?

- Nào có lâu đâu, chỉ một ngày, làm gì mà ra tiều. Thôi giữ mà tiêu. Cậu mai sau làm đại tướng, may ra có ngày tôi gặp lại, bấy giờ tạ ơn cũng kịp.

- Lời thầy bảo, tôi xin vâng theo, hễ làm nên, quyết không dám phụ.

Ông thầy đi rồi. Đắc đợi đúng giờ nhảy xuống huyết nằm. Đang đói, cậu ngủ khi một giấc say.

Ngày hôm sau, giờ tý tỉnh dậy, nhảy lên miệng huyết, thấy bụng đói quá mà chưa được làm vua, cậu cáu giận, vùng rút kiếm định chạy theo tóm cổ lão mà chém rụng đầu cho hả giận. Cậu cứ theo đường cái quan chạy miết. Đến một chỗ, thấy có đèn nền sáng, bèn chạy ngay vào. Đó là một ngôi đền. Cậu vào hần nội cung, thấy trên ngai thờ một ông vua áo thêu rồng chầu, mũ longicorn giắt ngọc sáng lóng lánh. Dưới có mấy gã coi đền đang dờ thức dờ ngủ. Đứng ngắm một lúc, cậu lại quen thói tinh nghịch, tóm búi tóc mấy gã coi đền lôi dậy, quát vang:

- Ta là vua đây, lui ra cho ta thắng áo mũ, lên ngôi thiên tử.

Mấy gã coi đền trông thấy đôi kiếm sắc, lại thấy cậu hung dữ thì khiếp sợ ôm đầu chạy lui ra. Cậu nhảy phắt lên lột áo mũ, mặc chỉnh tề, nom quá đường đường một vị đế vương, lưng đeo bảo kiếm lăm liết, lên ngai ngồi, vui thích rằng mình được làm vua. Còn tướng tá chung quanh toàn những vị thần bằng tượng gỗ.

Ngồi một lúc trên ngai, thấy trời đã sáng, bụng đói quá, trông thấy đồ lễ vật trong đền, rượu, chuối, xôi, gà luộc, bèn tự lấy chén no say, rồi dạo chơi, chơi chán lại lên ngai ngồi ngủ. Đến khi trông rõ hoành phi câu đối mới biết đây là đền vua Thục An Dương Vương ở sườn núi Mộ Dạ (thuộc phủ Diễn Châu, tỉnh Nghệ An bây giờ, tục gọi là Đền Công). Khi đã hiểu

ra, cậu sinh lòng kính sợ. Nhưng bản tính nghịch ngợm, và ý thích làm vua vẫn chưa hết, cậu cứ mặc nguyên cả áo mào, ra ng ồi trước đ ền, chỗ đường cái quan. Ng ồi mãi, chẳng thấy ai qua lại, mãi đến chiều mới bắt gặp một đoàn người bộ hành đi buôn bán, cả đàn ông lẫn đàn bà ước độ hai mươi người. Chờ họ đến gần, Đắc lên tiếng quát tháo:

- Ta là vua đây. Chúng bay đi qua phải quỳ lạy mới được đi, bằng không mất đầu cả đó!

Bọn kia tưởng là thần thánh hiện lên, khiếp hãi buông bỏ g ồng gánh, vội quỳ rạp cả xuống vái lạy một loạt. Đắc ranh mãnh che miệng cười. Chẳng may, trong bọn ấy có bà cô ruột của Đắc, vừa thoát trông thấy cháu đã nhận ra ngay, bà quát:

- Bớ thằng Đắc! mày làm trò ma trò quỷ gì đó vậy. Có cô mày đây, dám bắt cả cô lạy mày à? Thằng cháu bất nhân!

Đắc nghe nói, đứng nhìn, thì quả là bà cô ruột. Cậu nghĩ vì cô mà lộ cơ mưu, li ền bảo:

- Vì cô mà lộ nguyên hình cháu, thôi thì xin lạy cô hai lạy, cháu không thể dung thứ được.

Nói r ồi lạy, lạy xong rút kiếm dọa chém^[1]. Bọn lái buôn kia hốt hoảng, bỏ cả quang gánh chạy bán sới. Đắc nghĩ bụng theo lời thầy địa lý thế là mình đã được làm vua một ngày r ồi. Còn muốn làm đại tướng, phải tìm tới phương Nam. Cậu li ền cởi áo mào trả cho vua An Dương Vương.

^[1] Chỗ này có nhiều việc vô lý, khó tin nhưng cũng cứ theo lời truyền lại mà chép ra. N.G.

(Nay trước đến vua Thục, hãy còn ngôi mộ bà cô ông Nguyễn Đình Đắc)

Tiểu anh hùng họ Nguyễn liên nhằm phương Nam thẳng tiến. Đắc vào tới Gia Định, nghe tin chúa Nguyễn Ánh đang càn cự với Tây Sơn. Đắc theo phò tá chúa Nguyễn. Tài chí, dũng lược hơn người, viên tướng trẻ tuổi ấy đã bao phen một mình một ngựa xông pha hàng trăm trận, chiến công rực rỡ, khiến chúa Nguyễn yêu mến vô cùng. Đắc được phong đại tướng, lại phụng mệnh vua đi chiêu dụ hào kiệt Bắc Hà. Sau đó Nguyễn Đình Đắc làm quan đến chức Chương cơ, đứng đầu võ ban Đại tướng của triều nhà Nguyễn.

Ngọc Giao

Truyền Bá, số 87, năm 1943

MA THIÊN LÃNH

NHÀ VUA GẬP BẢO

Xưa, một vị vua nhà Trần vốn tính thích đi săn. Tài cung tên của vua ít người bì kịp, ấy là kể trong hàng tướng tá có tài. Vua mê mãi theo vết hươu nai hơn là nghĩ đến việc triều chính nên nhiều khi vua ở trong rừng núi ba bốn ngày đêm liền mà không biết mỏi mệt.

Bọn quân lính được theo vua đâu lấy làm vui sướng, bởi tính ngài dễ dãi, mỗi khi hài lòng một cuộc săn vật vớ có kết quả ngài lại cho quân uống rượu, vui đùa thỏa thích. Rượu nồng do dân các bản làng đem vào rừng dâng nộp, dồn nhấm thì dê béo hươu non do nhà vua tự mình khó nhọc qua bụi này suốt khác mà hạ thủ với chiếc cung thần, vì vậy vua tôi đều hoan hỉ ăn uống no say, không kẻ nào muốn trở lại hoàng thành để phải bó mình trong khuôn phép.

Vào những đêm trăng sáng, giữa tiếng suối chảy róc rách trong khe núi âm u và tiếng gió reo sào sạc, lá cây rừng loáng bóng dưới ánh trăng xanh, bọn quân lính được vua cho phép đàn hát vang cả một khoảng lâm tuyền hoang tịch. Nếu là những đêm không có trăng sao, chúng ngả cây khô đốt lửa sưởi, nướng thịt và đàn hát thâu canh.

Cũng khi ấy thì vua đang say trong trướng với một vài viên quan văn võ thân tín. Cái tính ưa phóng đảng của vua do vậy mà bị các quan trong triều không phục và lòng dân oán giận.

Nhà vua không vì thế mà bận tâm, ngài ngẩng trên ngai vàng mà chỉ mơ nghĩ đến hươu nai, rừng núi. Lại một điều là những ngày không đi săn vua bị ốm liền, nếu không ốm thì cũng chẳng thiết gì việc triều chính, hoặc

cảnh oan khổ đối kếm của muôn dân. Nguyên chỉ vì Hồ Quý Ly ngang ngạch, lộng quyền mà ngài sinh ra lo buồn, chán nản.

Hồ Quý Ly làm quan đến chức Tư không, vốn là kẻ gian hùng độc ác. Hồ có ý nhòm ngó ngôi vương mà chưa tiện dịp mưu việc phản, cho nên muốn che mắt người ngoài, Hồ giả trung thành nịnh hót chiêu theo ý muốn của vua, tuy Hồ vẫn biết vua chẳng ưa gì mình.

Một sớm ngày mùa thu, ba hồi trống đằng cửa bắc vừa gióng hết thì một đoàn người ngựa tụt trong thành phi ra, cát bụi vẫn mù lên trong nắng hanh vàng lạnh lẽo. Đó là một cuộc đi săn của nhà vua, mà lần này có Hồ Quý Ly thân đi phò giá.

Mặt trời vừa đứng bóng thì đoàn săn đến trước một khu rừng bao la, núi và cây cao ngút tầng mây. Ngoài cửa rừng, một con sông rộng nước trong veo, hai bên bờ lau sậy um tùm, chảy hút đến tận chân trời. Muốn vào rừng phải qua con sông đó, vậy mà tuyệt nhiên không có một chiếc thuyền nào.

Hồ Quý Ly ngẩng trên yên ngựa cưỡi roi trở con sông, hỏi lính:

- Sông này là sông gì?

- Bẩm, là sông Đà Giang.

Nhà vua còn đang phân vân, Hồ đã xuống ngựa hạ lệnh cho quân lính đi đẵn cây làm mảng để qua sông vào rừng. Lệnh vừa truyền thì một lúc sau đã có mấy cái mảng lớn thả xuống sông. Vua ngồi trên thuyền trên dòng nước bạc. Mấy chiếc mảng đề ngang ngọn sóng, ngựa hí vang lừng, vọng vào lòng rừng sâu.

Mảng cách bờ chưa được bao xa thì mây đen ngùn ngụt kéo kín cả bầu trời. Gió mạnh nổi lên ùng ùng và chỉ trong chớp mắt đã thành giông tố. Gió rú bên kia rừng. Mây sa xuống trùm ngọn núi. Tiếng chim kêu xáo sác. Văng vẳng như có tiếng hô báo rống lên. Mưa trút xuống. Vua và Hồ bàn cho quay mảng trở lại bờ. Khi mấy chiếc mảng vừa cập vào bờ rồi, Hồ sai căng trướng căng màn lên trên các mảng và sai đốt lửa để vua hong áo đới ngớt cơn mưa gió. Một dãy mảng nối liền nhau trên sông nước trông như một đoàn quân hạ trại trên mặt đất chờ ra trận vậy.

Cho mãi đến chiều tối, gió mưa vẫn không ngớt chút nào. Mưa gió dằng dai sang tới hôm sau, và xem chừng còn có thể tiếp nhiều ngày nữa. Quân lính phải lặn lội vào các thôn xóm rất xa để lấy gạo, bắt lợn đem về mảng làm cơm. Mặc dầu vậy vua vẫn chưa muốn bỏ cuộc săn mà trở lại hoàng thành. Tối ngày thứ hai thấy vua buồn quá, Hồ sai quân làm tiệc rượu. Hồ với vua cùng say sưa. Mười tên lính đứng hầu hai bên. Những ngọn đuốc nhựa thông ở tay chúng bốc cháy ngùn ngụt, thấp sáng cả một khúc sông.

Bên bờ rừng, trong đêm khuya, tiếng chim khắc khoải kêu lẫn vào tiếng gió mưa và tiếng sóng vỗ trên sông Đà.

NHỮNG LOÀI TINH TRONG THÁP MA THIÊN LÃNH

Về phía bắc khu rừng bên kia sông, ngọn tháp Ma Thiên Lãnh đứng sừng sững từ hàng mấy trăm năm nay như bóng hình một con ác quỷ. Ngọn tháp đã hơi nghiêng vì dải dầm nắng gió; những hòn gạch xanh rêu sụt xuống dần, nằm ngổn ngang trên đồng cành lá mục.

Xưa kia, có một lão phù thủy già bị một lũ âm binh đuổi lạc đến rừng này, tới chân ngọn tháp thì vừa vắn tối. Lão xuống ngựa, vào ng ỗ nghỉ trong tháp. Chẳng may một mối ngủ chợp đi, rời tay bắt quyết, lão bị bọn âm binh vật chết tươi li ền. H ần lão phù thủy linh thiêng thường hiện lên tác quái. Bộ xương con ngựa và bộ xương lão dù đã lâu năm nhưng vẫn còn nguyên trong tháp. Nước mưa trên mái dột xuống đọng thành vũng lớn. Rắn rết độc bò lúc nhúc. Nhưng bên trong tháp không chỉ có bộ xương lão phù thủy và con ngựa mà còn bộ xương của một bà hoàng hậu.

Tục truyền có một bà hoàng hậu đời nhà Lý phạm tội tư thông với một viên quan. Để hành hình, nhà vua sai xây cái tháp ấy chôn sống hoàng hậu. Một toán lính canh giữ ngoài tháp đủ trăm ngày, chờ khi không còn nghe thấy tiếng hoàng hậu than khóc nữa chúng mới về tâu với vua rằng hoàng hậu đã tắt thở. Toán quân nhà vua vừa ra khỏi rừng sâu thì trong tháp đưa ra tiếng khóc vô cùng ai oán. Nhưng đó chỉ là tiếng khóc của một oan h ần. Tháp Ma Thiên Lãnh, những đêm trăng, có bóng một người đàn bà xõa tóc mặc xiêm y trắng ng ỗ quay về phía cung thành nhà vua, vái hai vái r ỗ ri rỉ khóc. Cái bóng ấy tan đi kể từ buổi tối lão phù thủy bị âm binh đánh chết. H ần lão chỉ tác quái được ít lâu, cho tới một đêm giông tố, một tiếng sét đánh bật nóc ngôi tháp cổ. Oan h ần của người không còn nữa, tháp Ma Thiên Lãnh lại trở thành nơi tụ họp của những loài vật hóa thành tinh.

Giữa đêm vua và Hồ Quý Ly uống rượu trên sông Đà thì ở tháp Ma Thiên Lãnh, những loài tinh kia tụ tập nhau để bàn về sống chết. Trong bọn, có con cáo và con vượn là hai con tinh già ghê gớm, phép thuật cao cường có thể biến hoá ra người hoặc vật gì cũng được. Cáo và Vượn cho gọi các bạn tinh khác ở rải rác khắp núi rừng quanh đó. Một lát, bọn tinh đầy đủ mặt.

Trên một tầng cao ngọn tháp Ma, các cú tinh vừa đập đá lấy lửa đốt cháy những cành nhựa thông sáng rực, khiến bóng những con gấu tinh lông cổ trắng như bông, con trăn tinh cuộn tròn nom rất hiền từ nhưng hai con mắt nhìn ranh mãnh và ở miệng nó lúc nào cũng tia ra một dòng lửa xanh lè in chập chờn lên bức tường rêu

Vượn tinh và Cáo tinh ngồi trên hòn đá cao, trên cả những con hồ tinh, báo tinh lông đỏ như nhuộm máu và mắt quắc lên như bó đuốc, bởi vì trong loài vật hóa tinh ở khu rừng này, kể về tuổi thọ thì chỉ có Cáo và Vượn là bậc già và khôn ngoan nhất mà thôi.

Chúng nói được tiếng người rất sôi, nguyên là do một hôm có một chàng nho sĩ qua rừng vào kinh thi, theo sau có một tên đầy tớ gánh hai hòm sách lớn. Vượn, Cáo đón đầu, bắt được chàng nho sĩ. Chúng ép chàng ở lại rừng, dạy chúng nói tiếng người, rồi dạy học cả chữ thánh hiền.

Người học trò ấy vốn bạo gan nên vui lòng ở trong rừng dạy chúng. Hơn mười năm dòng dãi, bọn học trò tinh của chàng đã thông sử sách lâu lâu. Bọn trò đối với thầy rất là kính cẩn. Ngày thì chúng vẫn là hình vật cho khỏi trái lẽ trời; đêm chúng biến ra người, đốt lửa xúm quanh thầy nghe giảng sách như một trường học vậy.

Mỗi kỳ thi, thế nào chúng cũng cất một vài con tinh hóa thành học trò vắc lều chống đi dự thí. Kỳ thi đầu tiên, Vượn tinh đỗ tú tài, Cáo tinh thì giật bảng nhõn. Xem tên xong, Vượn và Cáo chờ đêm xuống tìm đến quán trọ của viên quan giám khảo, hiện thành học trò vái tạ ơn rồi biến đi ngay lúc đó. Viên quan trưởng thấy vậy sợ hết vía. Kỳ thi nào cũng vậy, không bao giờ không có cái trò ghê gớm ấy khiến cho các viên giám khảo ai nấy đầu kinh hồn bạt vía.

Thấm thoát, chàng nho sĩ nọ đã phải ở rừng hai mươi năm có lẽ, râu mọc xồm xoàm, áo quần thì may bằng da ác thú. Ông chết vì bệnh mà cũng vì nhớ nhà. Chúng chôn cất cho thầy tử tế, và ấp mộ thầy, giữ lễ đủ một năm.

Giờ hãy kể tiếp cuộc họp hội đồng của loài tinh ở tháp Ma đêm ấy. Cáo tinh lên tiếng rằng:

- Vua tôi nhà Trần đem quân vào săn chỗ rừng này là chỉ chăm hại bọn ta, ví không có gió mưa thì chúng ta chẳng mắc đạn cũng bị tên rỗi. Chúng ta phải tìm cách ra kêu với vua để vua đừng vào đây săn nữa. Chúng ta có thể hại nhà vua, nhưng thế là trái mệnh trời. Còn Hồ Quý Ly tuy bạo nghịch nhưng chưa tới ngày tận số.

Trần tinh bàn:

- Minh ra, lỡ vua biết mình chẳng?

Cáo tinh đáp:

- Ở đây chỉ có Quý Ly là giỏi, nhưng sự học cũng chưa rộng, tất chưa thể nào biết được ta.

Vượn tinh chịu là phải, bèn hỏi ai dám đi chầu vua.

Hùm và báo tinh lên tiếng:

- Chúng tôi tuy mang tiếng là dũng mãnh, nhưng lý lẽ và khôn ngoan thì đâu bằng bác Cáo và bác Vượn. Vậy xin hai bác đi cho.

Cáo và Vượn tinh không từ chối, hóa ngay ra hai người nho sĩ khôi ngô tuấn tú. Con Vượn giả làm tú tài họ Viên, con cáo giả làm sử sĩ họ Hồ Hai người xúng xính trong bộ áo thư sinh ra khỏi tháp Ma Thiên Lãnh. Bọn tinh kia đập tắt lửa, tiễn Cáo, Vượn đến cửa rừng rồi chúng nấp vào các gốc cây chờ tin tức. Hồ sử sĩ và Viên tú tài đội mưa gió đi lướt trên sóng nước sông Đà thoát đã sang bên kia bờ, nhẹ như hai chiếc bóng.

Hai người đứng trên bờ, nghe ngóng. Bấy giờ quân lính đã ngủ yên, duy trong trướng lớn vua và Hồ Quý Ly còn đang dở tiệc. Viên tú tài nói với một tên lính trên bờ, bảo xuống mắng tâu với nhà vua có hai kẻ thư sinh muốn vào bái yết. Vua cho gọi xuống mắng. Vào tới trướng, Hồ sử sĩ tâu:

- Chúng tôi là học trò cùng với một mẹ già trú ở túp lều bên kia núi, thấy nói nhà vua đi săn, vội bỏ đèn sách, đang đêm lặn lội đến đây để tâu với vua một vài câu. Trộm nghe, nhà vua có đức tốt thì những loài muông thú được thuận hòa. Bây giờ đương lúc thái bình, sao nhà vua chẳng kén kẻ hiền tài giúp nước trị dân, mà lại chăm việc săn bắn?

Vua đã quá say, muốn đi nghỉ, để Quý Ly ngủ tiếp.

Quý Ly mời hai người sang mắng của mình, nhưng đã bí mật dặn quân lính tốt gươm phục sẵn bên ngoài trướng.

Quý Ly mời hai người ngồi, rồi nói rằng:

- Việc săn bắn cũng là phép đời xưa, rất chi thường, sao nên bỏ.

Viên tú tài đáp:

- Trình quan lớn, đời xưa vua đi săn là lúc dân làm ruộng xong rồi, trước là đuổi những con tê, con tượng khỏi làm hại dân, sau thì tập võ. Nay đương mùa dân có dịch hạch mà để dân thêm sợ sệt là không phải thì; giẫm nát lúa để bắt loài vật là không phải chốn; tát cạn đầm, đốt cháy núi là không phải lễ. Sao quan lớn chẳng can vua trở về, để người vật cùng được bình yên?

Quý Ly ngẫm nghĩ một lát, bèn rằng:

- Ta nghe nói trong rừng kia có một ngọn tháp cổ, trên nóc tháp đêm đêm có yêu khí bốc lên trời. Có kẻ đạo sĩ lại nói chắc rằng trong tháp ấy có con Cáo và con Vượn già thành tinh, cho nên muốn săn trừ nó đi, để nó khỏi quấy dân, chứ không cốt gì săn bắn.

Hồ sử sĩ và Viên tú vài nghe nói thì trông nhau mỉm mỉm cười.

Quý Ly hỏi:

- Cớ sao mà cười vậy?

Hồ sử sĩ mới đáp bóng gió:

- Trình quan lớn, con sài, con lang đứng chắn đường, sao chẳng hỏi, mà lại đi hỏi con cáo, con vượn làm gì?

Quý Ly lại hỏi:

- Nhà người nói thế là nghĩa làm sao?

Hồ sử sĩ đáp:

- Kìa! Quan lớn thử nhìn mà xem, giặc Bồng Nga như chó dại, cắn ở cõi đông nam; giặc Lý Anh bên Tàu đòi mượn đất ta để kéo quân diệt Chiêm Thành, như hổ đói kêu ở phương tây bắc, vậy mà nhà vua chẳng xét đến, cứ chăm chăm những việc săn bắn mãi ru. Dẫu được càn thú chất cao bằng núi thì chúng tôi thực cũng không dám khen!

Giọng lưỡi của hai người rất hoạt bát, và lý thì rất thuận. Quý Ly cười, thết quân bày tiệc rượu mời. Lại hứa can vua bỏ cuộc săn.

Hai người uống sau rồi từ tạ xin về

Lúc đứng dậy, Quý Ly thoáng nhận thấy những nam lông trắng ở cổ áo hai người thò ra, và ở dưới gấu áo có cái đuôi dài lê thê, ve vẩy, Quý Ly trước còn ngờ mình say rượu, sau thấy tình nghi bèn mật sai một tên lính lặn dưới nước đi thăm dò xem.

Tên lính lặn dưới nước nghe thấy tiếng chân hai người ấy bước trên đầu mình, đã lấy làm lạ. Lặn được sang bờ bên kia sông Đà, vừa ngoi đầu lên khỏi sóng, thấy hai người ấy hóa ra một con cáo, một con vượn, chạy vun vút vào rừng thì hấn kinh hồn thất đảm. Hấn tức tốc chạy về trình, Quý Ly nghe sợ lắm. Hôm sau họ Hồ tâu vua, xin đem quân về Hoàng thành ngay.

Sau cuộc đi săn đó trở về, nhà vua càng thêm buồn rầu, chán nản. Thượng hoàng Nghệ Tôn thì u mê, mỗi ngày thêm tin dùng Quý Ly. Vua tính mưu giết kẻ gian nghịch. Hồ biết bèn tâu với Thượng hoàng truất bỏ

và giết nhà vua đi, rồi lập Thuận Tôn lên. Hồ đem con gái là Thánh Bảo tiến làm hoàng hậu.

Nghệ Tôn lúc sắp chết, nghĩ đến việc giết vua con thì lấy làm hối hận và bấy giờ mới biết Hồ nguy hiểm, nhưng đã muộn, bèn khuyên Hồ nên hết lòng giúp nước.

Đợi sau khi Nghệ Tôn băng hà, Hồ bèn ép Thuận Tôn dời đô vào Thanh Hóa, bức phải truyền ngôi cho con nhỏ. Hồ tự xưng là Quốc tổ Chương Hoàng. Được hai năm, Hồ cướp ngôi vua. Ở ngôi một năm, lại truyền cho con để là Hồ Hán Thương. Sau đó, bảy năm trời trong triều thì các quan sợ sệt, bên ngoài thì muôn dân nhao nhác lăm than.

Bấy giờ bên Tàu, nhà Minh thấy tình thế nước ta nát bét rồi bời như vậy bèn cất quân sang cướp. Tướng nhà Minh là Trương Phụ, Liễu Thăng muốn cho lòng dân quy phục mới lập kế thảo một bài hịch dán khắp nơi. Lại viết lên những chiếc thẻ gỗ thả xuống các dòng sông cho trôi về tới kinh thành, trong hịch giả mượn danh nghĩa giúp nhà Trần, lấy lại ngôi báu. Bởi vậy, mọi người mới dần dần chán ghét họ Hồ, quay về hàng phục quân Minh cả.

Cha con Hồ yếu thế, chạy mãi vào đất Nghệ An. Tướng Minh theo đuổi riết. Tàn quân của Hồ chết dần mòn, sau cùng bỏ chơ vợ hai cha con Hồ, chúng kéo nhau đi trốn. Đẳng sau thì giặc đuổi, cha con Hồ cùng quá, dắt nhau chui vào một bụi lau sậy um tùm trên một lạch nước bùn lầy. Lúc đó trời tối nhá nhem, quân Tàu chia nhau đi sục sạo tìm các bụi cây mà không thấy. Trương Phụ suyt chó tìm. Chó chạy đến bờ lau sậy đánh hơi. Một toán quân xăm xăm ủa tới...

CHÓ VÀO, CÁO VƯỢN HIỆN RA...

Trên từng cao tháp Ma Thiên Lãnh, những loài tinh vẫn mỗi ngày một đông hơn. Trùm chúa vẫn là Cáo và Vượn.

Một đêm, Cáo tinh mở tiệc ăn mừng sinh nhật. Loài cáo mà mở tiệc hẳn không thiếu gì những vật phẩm ngon lành quý báu, bởi vì với đôi mắt sắc của Cáo ta thì có chỗ nào giấu được kín đáo một thứ gì hiếm có. Giúp thêm vào việc mò mẫm ấy, còn Vượn tinh quái quỷ. Vượn tinh đã tung mình khắp các cành cao, bụi rậm để đốc xuất lâu la đi tìm kỳ được những thức hiếm nhất và thích nhất cho Cáo tinh trại chúa.

Vọ tinh đem về mừng hai ả gà mái tơ, da hồng như son, thịt thơm như phấn.

Trần mốc lại kỳ khu tha được cả một cái tổ công đầy những công con măng sữa vừa mới nở đâu chưa được một ngày.

Còn Hùm tinh, Báo tinh và tất cả những loài tinh khác, không cần kẻ rành mạch cũng thừa hiểu rằng chúng đã có những lễ mừng có lẽ xưa nay chưa có một cáo già nào đủ đại phúc mà hưởng như vậy được.

Cáo ta quả là sung sướng lắm.

Cú tinh đã đốt cháy những m ỡ nhựa thông. Tháp Ma Thiên Lãnh sáng rực lên, giá dân các bản làng đêm ấy có biết, phải tưởng là một trận cháy lớn trong rừng thẳm chứ ngờ đâu chính là ma ăn cỗ. Mà ai biết đâu ma ăn cỗ. Cho nên bọn tinh trong cổ tháp cứ ung dung chén tạc, chén thù. Khi Cáo, Vượn tinh đã ngất ngưỡng say, thì cửa tháp bỗng nhiên sịch động.

Hùm tinh vội thét:

- Đứa nào mà láo vậy? Không biết rằng đại vương đây đang giờ tiệc vui sao?

Nhưng đáp lại tiếng gằn, tiếng rống dữ dội của cụ ba mươi chỉ có tiếng cánh vỗ rất mạnh của một cái bóng gì gớm ghiếc, to lớn quờ quào tựa như cái bóng ghê rợn của tử thần. Song có con vật nào lại dám trêu vào những con vật đã thành tinh. Cáo tinh ngoảnh nhìn kỹ xem thì ra là cái bóng một con chim lớn là Đại bàng tinh. Đại bàng tinh là nhào xuống, chụp cánh lại và nhả ở mỏ ra một mảnh gỗ nhỏ mà dài. Vượn tinh hỏi:

- Gì thế, hỡi chú mày! Chú mày qua bao biển rộng, núi cao, lại chỉ mang về được có mảnh gỗ mục kia ư?

Vượn tinh chẳng thèm hỏi, nhưng vẫy vẫy hai cánh, ra chiều coi thường món quà kia lắm. Đại bàng tinh nhìn lên bậc đá cao, cúi đầu xuống mà rằng:

- Trình trại chúa, tiểu tốt đi xa về chỉ có một vật lạ là mảnh gỗ bé nhỏ này thôi?

Đại bàng tinh không nói khoác. Đó là một tính tốt. Cho nên dù là cáo gì đi nữa cũng phải bình tâm lại trước một kẻ thực thà. Chú ta thực thà nói chỉ có một mảnh gỗ thay cho lễ vật dâng trại chúa. Của ít lòng nhiều thôi thì Cáo tinh cứ nhận.

Mảnh gỗ ấy là gì? Nó không phải bạch đàn, không phải trầm hương, không phải thông thảo, không phải lão mai gì hết, nó chỉ là một miếng gỗ tạp.

Vượn tinh liếc qua, ranh mãnh hỏi:

- Người nhặt nó ở xó xỉnh nào vậy?

Đại bàng thần nhiên đáp:

- Tôi bay qua một con sông gần đây, thấy nó trôi trên dòng nước lạnh. Tôi không muốn qua bể rộng, trời cao nào nữa, bèn đáp ngay xuống quắp lấy mảnh gỗ này. Lẽ mọn nhưng mà lòng tôi thành, thưa bác!

Trần tinh từ nãy cuộn tròn, bây giờ mới ngóc đầu lên, hai mắt dương thao láo.

- Người nói dễ quá, dễ y như ta mổ một con kiến vậy.

Cáo tinh xem qua mảnh gỗ, nói át cả mọi tiếng bàn tán về Đại bàng tinh:

- Đại bàng quả đã làm được một việc hay! Đây là một cái thẻ gỗ, trên có khắc kín một bài hịch của tướng nhà Minh xui dân đánh lại họ Hồ. Hồ Quý Ly có tội với nhà Trần, nhưng mà có ơn với chúng ta. Người đã trợn một chữ "tín" khi biết rằng ta là tinh mà không theo đuổi. Không có lời của ông ấy can vua bỏ cuộc săn hổ năm xưa, có lẽ chúng ta không ở yên được trong ngôi cổ tháp này. Vậy dù sao ta cũng nên đi cứu người ấy một phen, để trả lại cái ơn đã cứu ta. Chúng ta may mắn được thầy dạy lễ nghĩa của Thánh hiền, chúng ta phải ở cho xứng là kẻ hiểu biết lễ nghĩa.

Vượn tinh sốt sắng nhẩy lên, đôi mắt tròn xoe ngời sáng.

- Phải đó! Ta cần phải ở cho hợp đạo kẻ đã chịu ân, anh em ạ.

Thế là dù chúng là tinh, chúng cũng vẫn biết đạo làm quân tử. Mọi tinh ca tụng nghĩa, khí của Cáo và Vượn tinh rỗi rảnh nhau uống rượu. Những loài chim đồng thanh múa, hát. Bọn thú không biết hát thì họa nhạc. Đó là bữa tiệc sinh nhật, lại cũng là bữa tiệc của kẻ sắp lên đường làm một việc hợp theo lễ nghĩa.

Ngày hôm sau, Cáo, Vượn tinh sai các giống chim đi do thám tung tích Hồ Quý Ly.

Lần đầu, Cú tinh bay về phi báo:

- Quân nhà Hồ yếu, hiện đã tháo lui nhiều lắm.

Lần thứ hai, Vượn tinh về phi báo:

- Quân nhà Hồ đã chạy vào miền trong, không hy vọng gì thắng được.

Cáo tinh bàn với Vượn tinh rằng:

- Ta sửa soạn đi, nhưng đợi một tin nữa hãy lên đường còn kịp.

Lần thứ ba, Đại bàng tinh bay về hấp tấp:

- Quân nhà Hồ đã cùng đường, ta phải cứu ngay mới kịp.

Một làn khói đen, lẫn với sương mù tức thì tỏa ra cùng với hơi gió lạnh ghê gớm mang theo muôn tiếng quỷ khóc, ma hồn... Cáo và Vượn đã biến trong nháy mắt. Vạn dặm đường dài chỉ qua một bước. Đường vào miền trong những núi cùng rừng, nhưng có rừng núi nào ngăn trở được tấm lòng biết ơn của kẻ sốt sắng và tha thiết đền ơn. Đường vào miền trong, những núi cùng rừng, nhưng có rừng núi nào hiểm trở hơn cái đất hiểm trở đã lút máu gần hết đám tàn quân nhà Hồ?

Bấy giờ cha con Quý Ly chạy vào đất Nghệ An. Chó của Trương Phụ, Liễu Thăng cứ hướng mãi vào bụi lay sậy kia mà sủa... Quân Tàu đã ủa chạy tới gần... Cha con Hồ run sợ không còn hồn vía. Bỗng một cơn gió lốc từ phương xa xoáy đến, nhanh như chớp. Cha con Hồ cùng thốt rùng mình, bởi vừa chợt trông thấy rõ ràng hai con vật từ trong bụi cha con mình đang trốn chạy bổ ra trước con chó săn. Ấy là một con vượn và một con cáo già lông trắng nõn như bông. Cha con Hồ kinh ngạc. Nhưng đó là hai con tinh trong tháp Ma Thiên Lãnh. Con vượn và con cáo vờn dử con chó ranh mãnh của quân Tàu, rồi bằng mình chạy vút đi. Màu lông trắng của đôi tinh cùng màu lông trắng của con chó khôn ngoan mà đại dột ấy đều mất hút trong bóng mờ của buổi chiều u ám.

Tuy vậy, cũng đã tới lúc vận nhà Hồ thật hết. Như là một sự không may nhất trong cuộc đời kẻ gian hùng. Quý Ly bỗng tự nhiên ngửa trong cổ họng, bật ho một tiếng. Bọn quân Minh vừa sục tới nơi, hò nhau vây kín bụi, xĩa gươm giáo vào mà tìm cha con Hồ. Chúng lôi được hai người ra với một chút máu - một chút máu rỏ cho cái cơ nghiệp của hai cha con vừa trọn bảy năm trời tranh bá đồ vương. Cha con Hồ bị đóng gông, nằm cũi, giải sang Tàu.

ĐƯỜNG SANG ẢI BẮC, KHÔNG VỀ NỮA!

Một mảnh trăng lạnh treo giữa những làn mây bạc bay lang thang như vong hồn kẻ đi đày xa lìa xứ sở, quê hương. Ngồi thu mình như con hổ mắc bẫy kiệt sức vẫy vùng trong chiếc xe tù, Quý Ly rên rỉ cho tấm thân già yếu mang cái khổ ồm ầu dọc đường muôn vạn dặm. Từ trên ngai báu, oai trù thiên hạ, cha con Hồ đã ngã xuống làm thân tù đồ. Đó là Trời hành phạt kẻ quân thần không ở cho trọn đạo thờ vua, phò nước, an dân.

Một hôm, cánh quân Tàu áp giải hai cỗ tù xa giam hai cha con Hồ xuống một chiếc thuyền to chờ sẵn, rồi buông neo, nghỉ đêm bên sông Đà. Chính khúc sông này, mới năm nào Quý Ly theo hầu vua đi săn đã nghỉ lại vì gặp bão.

Trời sang canh ba, ánh trăng vàng vạc. Nghĩ đến thân thế mình, Quý Ly gục đầu xuống thở dài. Bên kia sông hiện lên bóng một giải rừng hoang rậm. Giữa khu rừng hiểm ãy, trên ngọn tháp Ma Thiên Lãnh có ánh lửa xanh biếc lập lòe. Một cơn gió lạnh làm Quý Ly ngẩng trông lên. Qua những thanh gỗ lim đóng làm giống cũi, ông thấy thoáng có bóng hai người ăn vận ra dáng thư sinh.

Tự nhiên Quý Ly vụt nhớ ra trước kia, lâu rồi, có lần ông đã gặp hai kẻ nho sĩ này ở đâu. Nhưng trong chớp mắt, hai kẻ nho sĩ ấy bỗng biến đi đâu mất, trước mặt Quý Ly chỉ là một con cáo và một con vượn dưới ánh trăng khuya. Quý Ly thất kinh, không dám hỏi.

Cáo rằng:

- Chúng tôi đã chịu ơn ông ngày xưa. Hẳn ông còn nhớ đã có lần ông vì nghe hai người nho sĩ trên mảng mà can vua nhà Trần bỏ việc săn ở cánh rừng này?

Quý Ly gật đầu.

Cáo rằng:

- Vì ơn ấy, mà chúng tôi phải cứu ông.

Quý Ly mừng rỡ:

- Nếu tôi thoát chết, thì không bao giờ quên ơn.

Vượn rằng:

- Tiếc thay, không sao cứu ông được nữa. Chúng tôi đã định làm lạc lối quân Tàu khi ông bị khốn trong bụi sậy, nhưng số ông bị trời đoán mất rồi, nên ông vẫn không thoát nổi.

Quý Ly thở dài.

Cáo rằng:

- Trời đã định, ta không nên oán. Thời vận ông không còn. Chúng tôi chỉ là loài tinh, không có phép gì cưỡng lại với thiên cơ. Thôi thì nhân ông qua đây, nơi chúng ta đã uống rượu cùng nhau đêm nọ, chúng tôi gọi là một chút lòng thành ra tiễn biệt ông, chắc cũng là thỏa cái nghĩa và cái ơn không còn có ngày nào gặp nhau mà trả nữa.

Quý Ly trước sự biết ơn và cái nghĩa luyến mộ của hai con vật kia, ứa nước mắt nghĩ lại sự nghiệp gian hùng của mình đã làm nghiêng ngả nhà

Trần.

Cáo và Vượn tinh nghiêng mình chào, rồi biến mất.

Từ nãy, tên lính Tàu không hề hay biết câu chuyện giữa Hồ và bọn tinh, vẫn vác gươm đi đi lại lại. Bóng hắc cùng chiếc bóng cổ tù xa in xuống mảnh ván đầu thuyền, lúc này đang chan hoà ánh trăng.

Quý Ly ngửa mặt lên trời mà than rằng:

- Trời không hại ta! Chính ta tự hại ta đó thôi!

Ngọc Giao

Truyền Bá, số 18, năm 1942

QUYỂN SÁCH BÍ MẬT VÀ CON KHỈ

Tôi sinh ra ở một mạn cửa sông rộng mờ mịt, vào những ngày xấu trời mà nhìn sang bên kia dù có căng mắt cũng chẳng thấy bên bờ. Thày tôi bảo bờ bên kia đã là đất mấy huyện của Hải Phòng rồi. Cách nhà tôi không xa có một khu rừng và một rặng núi đá. Đạo ở ta chưa có phà chạy sông, cái thị trấn Quảng Yên heo hút buồm tênh này đã có một bến đò rồi. Quanh năm, chỉ thấy lèo tèo dăm con đò buông chèo, neo bến; dù những khi không có khách qua sông hay những buổi bến đông người thì vẫn chỉ ngần ấy con đò. Khách quá giang quen gọi bến ấy là bến đò Rừng. Dọc theo con đường lát đá gập ghềnh từ bến đò dẫn lên núi, nơi có những bức tường xây bằng đá hộc màu xanh xám và mấy cái lô cốt mốc đen, khách lạ chỉ nom thấy hai bên đường lèo tèo vài mươi ngôi nhà, cả mái ngói lẫn mái gianh, dân cư thưa thớt, lạnh hiên. Nhà tôi là một ngôi nhà cổ hai tầng nằm ngay sát chân núi, trước kia vợ chồng người Tây ở, rồi qua bao nhiêu gia đình khác, nay đến gia đình tôi. Đứng trên bao lan gác, có thể trông bao quát cả một dải cát vàng lượn nhấp nhô nơi triền sông. Đứng trong cửa sổ buồng thày tôi, có thể nghe tiếng chim và tiếng ngàn thông lao xao trên sườn núi, ngắm nhìn những lớp mây sớm chiều bao phủ trên ngọn núi đá cây cỏ mọc um tùm.

Gia đình tôi thưa người, chỉ có năm mái đầu. Thày tôi làm thư ký kế toán cho một sở mỏ than đá; sáng sớm đi làm tối mịt mới về, vì sở cách xa nhà những năm cây số. Thày tôi quê phủ Thuận Thành, miền Kinh Bắc. Thày quyển luyến quê nhà lắm, cứ mỗi lần thấp nhang cúng tổ tiên trên bàn thờ xong, tôi thấy người lại vọng về hướng quê nhà mà lạ. Có lần tôi bắt gặp thày từ dưới bến đò Rừng đi lên bờ sông dốc sau khi thăm quê cha đất tổ trở về. Thày đứng lại hồi lâu nhìn sang bờ bên kia, như còn cố vọng về

nẻo cố hương Kinh Bắc xa vời vợi. Mẹ tôi là một người đàn bà xứ Huế, mới bắt đầu làm quen đất Bắc, ít cười ít nói, lúc nào cũng như thần thờ tiếc nhớ một cái gì xa xôi. Mẹ lấy việc chần tằm, hái dâu, may vá làm khuây khỏa, đó là một người đàn bà hiền đức được thầy quý mến vô cùng. Tôi thì đang học lớp ba ở một trường công. Chị tôi giúp mẹ việc hái lá dâu, bếp núc. Người đầy tớ già tên Bồng. Lão chuyên việc đẩy cỏ khu vườn sắn, chăm nom đàn gà và mấy con dê sữa. Bảo việc chăm nom đàn gà và mấy con dê sữa là việc của lão Bồng, nhưng thực ra tôi cứ hay lanh chanh giữ việc ấy để tỏ với thầy mẹ rằng tôi cũng hay làm, được việc lắm đây, chứ có "dài lưng tốn vải" như mẹ tôi vẫn mắng yêu đâu. Đàn gà dễ thương quá đi mất. Đàn gà con mới nở, tròn và trắng như những nắm bông, cung cúc xúm quanh đuôi mẹ rúc trong vườn sắn, kêu chiêm chiêm đến vui tai. Ba con dê sữa lúc nào bầu vú cũng căng, cứ thấy tôi cắp sách về là be be rồi rít đòi tôi đưa lên núi, vì cỏ trên núi mát và thơm ngon hơn cỏ vườn nhà. Mọi sớm, trời chưa sáng tỏ, dê đã quen nếp kêu ở chuồng để đánh thức lão Bồng. Lão lom khom xách cây đèn gió qua sân. Ngọn lửa đỏ quạch nơi tay lão chao đi chao lại, chập chờn trong bóng tối. Giờ ấy, quen lệ, tôi cũng đã dậy thắp cây đèn dầu hoa kỳ học bài rồi. Tôi lò dò ra sân, theo lão Bồng vào chuồng dê vắt sữa. Sữa vừa vắt ra còn nóng hổi, lão lọc cẩn thận, pha đường quấy cho tôi uống ngay lúc đó. Tôi vốn khỏe mạnh, nhưng lão cứ hay ép tôi uống tằm bổ hoài. Giữa người đầy tớ già trung nghĩa ấy với tôi có một tình yêu thương mà sau này lớn lên, lúc nào tôi cũng nghĩ đến.

Câu chuyện những ngày xưa, bấm đốt ngón tay đã ngoài hai mươi năm rồi, bây giờ cần bút kể cùng các bạn nhỏ thân mến của tôi, tôi thực thấy lòng nao nao như thương, như nhớ một đi đâu gì quý giá lắm của một thời ấu thơ.

I

Mùa đông. Mùa đông ở đây có tiếng gió núi, tiếng thông reo, cả tiếng sóng cuộn cuồn cuộn nơi cửa sông rộng lớn đổ ra biển Đông ì ầm suốt đêm ngày.

Buổi tối ấy, mẹ và chị tôi đang bận việc làm cơm. Tôi đang làm bài. Thầy tôi mới ở sở về đang ngồi bên cạnh火炉 than đỏ rực sưởi tay và sắp nướng sò huyết uống rượu thì chợt lão Bồng bước vào báo tin có một ông khách lạ đến nhà. Thầy đứng ngay dậy, cầm cây đèn dầu hoả ra cửa. Chưa bước xuống thềm, thầy đã nghe thấy một giọng khàn khàn reo lên:

- Tôi, Hai Huấn đây! Lâu lắm mới lại được gặp bác. Ôi chào, rét quá. Đờng chua, nước mặn, rét chết người.

Cây đèn dầu ở tay thầy giờ cao hơn để soi rõ mặt ông khách vừa reo đó. Thầy mừng rỡ nắm lấy tay khách.

- Chú Hai! Thực là một sự ngạc nhiên tốt đẹp! Mời chú vào - đoạn thầy sai hai chị em tôi - Cái Châu đâu rồi, con ra xách va ly vào hầu chú. Còn thằng Ngọc, đỡ ô cho chú, nghe!

Tôi nhảy tót xuống đất chạy ra chào, đỡ lấy cái ô đen. Tay tôi chạm vào hai bàn tay lạnh buốt của chú, ngay đến chiếc ô cũng lạnh ngắt. Chị Châu ì ạch lôi cái valy da cũ kỹ vào nhà. Mẹ khép nép đứng sang bên cánh cửa, cúi chào chú Hai. Chú nhìn chúng tôi vui vẻ nói:

- Thực là hạnh phúc, các cháu lớn cả rồi - Chú xoa đầu tôi - Nhất là thằng Ngọc, nó lớn như thổi. Chú đoán cháu mười hai, có đúng không nào?

Tôi chưa kịp đáp, thầy đã đỡ lời:

- Đúng tuổi cháu. Thế còn...

Nhưng thầy vội ngừng lời. Bàn tay chú ở trên đầu tôi buông thõng. Chú để rơi mình xuống ghế, mặt không vui nữa. Thầy bối rối ngượng ngịu. May, mẹ vừa kịp pha xong trà. Thầy rót mời chú.

- Chú xơi trà cho ấm bụng, rồi ta uống rượu. Hơn mười năm nay anh em mình mới lại được gặp nhau, thực không gì cho tôi vui sướng bằng. Chú phải ở chơi đây với chúng tôi ít ra là vài tháng.

Chú Hai lại tươi cười:

- Vài tháng ít quá. Phải một năm. Tôi tự do như con chim, ở đâu cũng là nhà. Tôi một thân một mình, bác cho tôi tìm cái thú đoàn viên trong gia đình bác... Vâng, giờ tôi một thân một mình, hai bác ạ. Không có gia đình, như cái cây không rễ, rất buồn.

Giọng chú trầm xuống như một tiếng chuông tắt hết hồi. Mẹ nhìn chú bằng đôi mắt ái ngại, thương xót. Thầy nắm lấy hai bàn tay chú mà an ủi.

- Thì đây là gia đình chung của anh em mình chứ sao. Chú đừng nghĩ ngợi gì nữa. Thôi, ta uống rượu.

Chị Châu bừng mặt ra. Trong bữa cơm, tôi quên cả ăn vì mãi ngắm chú, người khách đến gia đình tôi tình cờ như một cơn gió.

Chú Hai uống ít rượu cũng như thầy tôi vậy. Chú bảo chú ghét rượu, chỉ ao ước được trẻ và khỏe luôn để đi chơi đó đây. Mỗi lần nhấp một tí rượu là chú nheo nheo đôi mắt sâu, khiến những nếp da trên khuôn mặt xám đen dãi dầu thêm nhăn nheo. Bàn tay xương xẩu của chú luôn luôn đưa chiếc mùi xoa trắng lên lau bộ râu mép mọc như cái dấu mũ. Chú nói

khuy cổ sơ mi, lộ rõ cục tròn tròn ở cái cổ bé ngẩng, mỗi lần nuốt đồ ăn lại co lên hạ xuống. Chú mặc bộ tây da đen cũ, vá hai ba chỗ. Nhưng tôi biết ngay chú cẩn thận sạch sẽ, vì chú có ý giữ cho khỏi một giọt rượu rớt vào. Cổ và tay áo sơ mi rất sạch, cho đến cả đôi giầy tây đen đã mòn gầy hết gót mà một lúc sau chú đã bảo chị Châu kiểm đưa chú miếng giẻ để chú lau cho bóng. Chú gầy khẳng khiu, lại gù lưng nữa, lúc đi đi lại lại quanh nhà nom chú như một cái liềm gặt lúa.

Đang xĩa răng, chú nắm cánh tay tôi kéo lại.

- Ô! bắp thịt cháu tôi rắn chắc. Hẳn nghịch lắm.

Rồi chú ẵm tôi đặt lên đầu gối.

- Đừng sợ chú nhé. Tuy chú xấu xí, dữ tợn thế này, nhưng rất yêu trẻ con.

Thú thực rằng, từ nãy tôi chưa có chút cảm tình gì với ông khách mà mặt mũi thân hình như con cú vọ đó. Sự giữ gìn quần áo, mà chỉ là bộ tây may bằng thứ da cà tềng đã vá vúi nhiều chỗ, khiến tôi dẫu bé nhưng cũng ranh mãnh nghĩ rằng đó là một người keo kiệt, khó tính khó nết. Thì vẫn vậy! Trẻ con vốn giống lũ chó mèo và bọn đầy tớ trong nhà, chỉ quen xét người bằng cái mẽ bề ngoài. Thế mà bây giờ chú âu yếm tôi như âu yếm một con mèo, và nhấc tôi lên đùi như cõng một cái lông chim. Chú gầy khẳng khiu thế mà khỏe giỏi!

Chú vuốt đầu tôi, nói nhỏ nhỏ như nói với ai:

- Tóc đen óng như lụa... Ta rất thích vuốt tóc trẻ... Như thế để nhớ lại ngày nào... Ta có..., à, ta có biết một đứa trẻ tóc đen óng như tóc cháu - bỗng chú vỗ mạnh vai tôi - Cháu có biết nó không nhỉ? - giọng chú run run

- Không, cháu chưa thấy nó lần nào. Trước kia ta vẫn ẵm đứa trẻ ấy lên đùi như thế này... Ta kể chuyện cổ tích cho nó nghe... Ồ, thằng bé hay cười quá, chuyện gì cũng làm cho nó cười như nắc nẻ. Đến tận bây giờ, trong tai ta lúc nào cũng còn văng vẳng cái tiếng cười giòn giã, trong trẻo của nó. Úi chao, thế mà... tội nghiệp.

Chú nhìn đắm đắm vào những hòn than hồng đang vạc dần trong chiếc hỏa lò đặt dưới chân đống sủi ấm. Một phút lặng lẽ. Tiếng sóng ỉ ầm và tiếng thông reo rì rào đằng xa vẳng lại. Một giọt nước nóng hôi hổi rơi xuống bàn tay tôi. "Chú Hai khóc. Tại làm sao thế?". Tôi nghĩ vậy, và chỉ một mình tôi biết. Vừa lúc ấy thầy ở trên gác xuống, tay cầm cây đèn:

- Thôi, mời chú lên gác nghỉ. Chú đi đường xa hẳn mệt. Tôi đã bảo dọn chú một buồng.

Chú Hai ngẩng lên cười, cảm ơn sự săn sóc của thầy mẹ tôi, rồi lên gác. Tiếng giầy chú bước nặng nề trên những bậc thang cũ mọt, kêu cọt két.

II

Chú Hai ở với gia đình tôi thắm thoát đã ba tháng. Chú tỏ ý sung sướng được sống ấm áp giữa chúng tôi.

Buồng của chú trên gác, phía trước trông ra bên bờ Rừng rộng hút tầm mắt, phía sau ngoảnh ra núi. Chú thích căn buồng ấy lắm. Có một khuôn cửa sổ võ kính, một hôm mẹ sai chị Châu lên căng tấm vải che tạm. Chú ngăn lại, bảo:

- Không cần che kín, cháu ạ. Lúc nào chú cũng muốn được trông ra ngoài trời. Ngoài cửa sổ đã có một cây nhãn, cành lá um tùm đủ làm một

tắm màn đẹp.

Chú chu đáo quá, lại xin đỡ thầy mẹ tôi tiêng cơm hàng tháng. Thầy mẹ tôi từ chối thế nào chú cũng không nghe. Chú hay hoạt động, sáng dậy giúp lão Bồng buộc bờ rào, đào sắn, hoặc giúp mẹ tôi và chị Châu hái lá dâu, chần cho tắm ăn. Tối, chú đỡ thầy làm sổ sách, có khi đến khuya. Chú giỏi chữ Tây, giỏi kế toán. Vào những đêm thức khuya, mẹ và chị Châu ngồi quay tơ, ngay từ chập tối mẹ không quên nấu một nồi cháo gà, cả nhà ăn uống, chuyện trò vui vẻ.

Một điếu khiến mọi người lưu ý là sáng nào chú cũng ra một chỗ vắng vẻ nơi bãi sông đứng. Chú bảo tôi rằng chú yêu những cánh buồm và thích để cho sóng cuốn giạt vào bàn chân. Ở bãi sông về, chú lên gác, đóng chặt cửa lại. Mùi khói thuốc lá ở cái tàu đen bóng lọt qua khe cửa, bay ra ngoài. Thì ra chú ngồi trong đó để hút thuốc lá, ngả người ra lưng ghế, mắt đắm đắm nhìn ra ngoài núi hàng giờ không nhúc nhích. Thực là một người kỳ dị. Mẹ, một lần nói nhỏ với chúng tôi:

- Tôi nghiệp, chú ấy vẫn chưa nguôi được nỗi buồn. Thầy kể rằng trước kia chú giàu có, thím mất đi, chú ở với một đứa con trai. Đứa con trai đã mười ba tuổi, tên là Lê. Hai cha con quý nhau như vàng. Một hôm chú đi lên một vùng mạn ngược săn, cho cả em Lê theo. Chú bắn chẳng mấy khi trúng được lấy một con thú. Các bạn vẫn chế giễu. Hôm ấy hai cha con và mấy người bạn vào rừng. Người nào lúc ra về cũng xách một xâu chim bắn được. Duy chú Hai là về tay không. Chú bắn vụng, lại vốn tính nóng nảy, bị người ta chế thì nổi hung lên, cứ lắp đạn, giờ súng bắn liêu vang cả rừng mà vẫn không có con chim nào chết. Các bạn càng cười đùa, chú càng bắn như một người điên, lá rụng xuống tới tấp. Trong lúc ấy, em Lê lần đi một chỗ, thấy một cái cây có tổ chim, trèo lên xem. Lê đứng

trên cành, nấp trong khóm lá rậm. Một phát đạn của bố vô tình bắn lên, em Lê chỉ kịp kêu một tiếng, lăn xuống cỏ chết ngay...

Mẹ tôi ngừng lại, nín lặng một lúc.

Chị Châu và tôi nghe chuyện mà rùng mình. Mẹ tôi nói tiếp:

- Nhờ có các bạn làm chứng, tòa xử là vô ý giết người, nên bị hai năm tù án treo. Từ đấy, chú chỉ đi ngao du, lúc nào cũng có ý hối hận, ăn năn tội lỗi. Các con coi, chỉ vì cái tính nóng nảy, điên khùng mà kết quả thảm thương như thế đó.

Lòng thương yêu của chúng tôi đối với chú, khi biết chuyện rồi càng tăng lên. Tôi thấy từ nay tôi cần phải âu yếm chú, quăn quít chú để chú vui mà tưởng rằng giữa chú với tôi có một cái tình cha con, cái tình mà chú đã tự mình làm mất vì một cơn tức giận vô nghĩa lý.

Tôi hết sức làm cho chú vui, chú cười. Vốn chú vui tính, nên dễ bị lây cái vui nghịch của tôi. Chú đánh bi với tôi. Chú chơi quay với tôi. Chú cùng tôi chiều chiều ra ngoài sườn núi chăn dê và ra bãi sông thả diều. Một trẻ, một già như đôi bạn. Thấy mẹ tôi cũng phải bật cười, lấy làm mừng vì thấy chú không mấy khi lẩn lỳ và không mấy khi ra bãi sông đứng một mình nữa. Duy cái thói quen buổi trưa nào cũng lên gác đóng chặt cửa buồng ngủ cả hàng giờ trong đó thì chú không chịu bỏ.

Một sáng chủ nhật, chú rủ tôi vào khu rừng sau núi chơi. Trời đã sang xuân, gió vẫn còn mang theo hơi lạnh dịu dịu trong nắng vàng tươi và cả cái hương vị mặn mòi thoang thoảng từ ngoài biển xa nơi bến đò Rừng đưa vào. Chim hót riu rít. Suối chảy róc rách dưới các bóng cây, bóng đá hai bên bờ hẹp.

Tôi vừa len lỏi giữa gốc cây này, gốc cây kia vừa hát véo von. Chú cũng hát, chú hát lắm câu rất ngộ. Chú giảng từng câu cho tôi nghe, rồi dạy tôi học thuộc lòng. Tôi nhớ và hát được ngay. Chú khen mãi là sáng dạ. Đói bụng, tôi rủ chú về Ra khỏi khu rừng, chú cháu đang đi thì thấy hai đứa trẻ ngồi dưới gốc cây, ôm một cái lồng tre. Đến gần, tôi thấy trong lồng có hai con khỉ nhỏ còn non, lông chúng chưa mọc đủ, để hở cả màu da đỏ hồng. Mắt chúng vàng vàng, nhìn ngơ ngác, rúc đầu và nhau mà gặm chân, gặm đuôi nhau.

Tôi thích quá, sấn đến cạnh cái lồng, ngắm mãi. Chú hỏi hai thằng bé.

- Chúng mày bắt chúng nó làm gì? Chúng còn non, không nuôi tử tế thì chết mất.

Một đứa thấy đáng điệu, mặt mũi dữ tợn của chú thì có vẻ sợ hãi, gãi đầu gãi tai đáp:

- Chúng cháu bắt nó trong một cái hang trên núi.

Đứa kia tiếp:

- Ông có muốn mua, chúng cháu bán.

Câu mời của thằng bé khiến tôi hồi hộp. Tôi nấn ngay túi quần túi áo tôi, trong đó có hơn hai hào xu lẫn với con quay và mấy hòn bi đá, bi ve. Tôi nắm tay chú Hai:

- Chú cứ mua, cháu có tiền đây, cháu sẽ hết sức nuôi cho chúng nó lớn.

Chú gạt đi, bảo rằng:

- Nó còn đang bú mẹ. Cháu sẽ bỏ nó chết đói, chết rét mất thôi.

Tôi cố nài:

- Cháu cho nó ăn sữa dê, cháu nhin phần sữa của cháu, nhường cho nó.

Chú tôi nín lặng, đôi mắt tự nhiên đỏ ngầu nhìn vào hai con vật, giọng run run thì thầm bên tai tôi.

- Ngày trước... một đứa trẻ y như cháu cũng chỉ ước ao nuôi một con khỉ để nó làm trò... chú đã đi săn, đã gặp một con khỉ lớn... nó đu trên cành cây, nó như trêu trọc thách chú bắn... Chú đã đuổi theo bắn ba bốn phát liền, nhưng nó cứ chuyềnh cành này sang cành khác để khiêu khích chú mãi. Mấy người bạn cùng đi săn vỗ tay cười ran cả rừng. Chú cúi tiết chĩa súng bắn luôn phát nữa. Con vật không bị đạn. Kết quả đứa trẻ kia đang ngồi hái quả trên một cành cây bị viên đạn ấy trúng giữa tim ngã chết. Bây giờ cứ trông thấy con vật khốn nạn ấy là chú sợ, cứ nghe tiếng súng nổ ở đâu là chú giật nảy mình.

Đầu chú tôi gục xuống. Tôi đã biết đứa trẻ xấu số ấy là Lê, con chú. Chú tưởng mẹ tôi chưa kể cho tôi biết, nên vẫn giấu. Có lẽ chú không có can đảm nhắc đến cái tên yêu quý ấy chẳng! Tôi thương xót chú, nhưng lòng ham muốn có hai con vật nọ vẫn khiến tôi không rời mắt nhìn ngắm chúng. Tôi khẽ nài nỉ:

- Chú! Chú cứ mua cho cháu, cháu sẽ giấu nó vào trong buồng học của cháu, không để nó quấy rầy chú đâu.

Thấy tôi nằn nì, sau cùng, chú cũng chiều ý tôi mà mua hai con khỉ đó. Chú bỏ tiền ra trả, chứ không lấy tiền của tôi. Chú bảo:

- Chỉ sợ cháu phải nhin cả quà cũng chưa đủ nuôi nó đâu, cháu ạ.

Tôi hí hửng xách cái lồng về

III

- Trời ơi, em mang cái của nợ ấy về nhà làm gì thế hả?

Chị Châu tru tréo lên. Tôi vội tươi cười, vỗ vai chị nịnh nọt cho chị khỏi kêu to kéo mẹ tôi biết.

- Chị không sợ. Nó có phải là hổ hay sư tử đâu mà sợ nó vô. Em nuôi nó. Nếu khi nào chị có bụng tốt thương yêu loài vật thì chị cho nó một bát sữa dê, chị cứ lấy vào phần của em cũng được.

- Sữa đâu mà cho nó. Rồi lớn lên, nó sẽ cào cấu quần áo, nhảy phá đồ đồ đạc, lại hôi bẩn như khỉ ấy, ai chịu được.

- Thì nó là khỉ mà lại không như khỉ.

Tôi cười. Mẹ tôi trên gác xuống, thấy thế cũng kêu lên:

- Sao chú để cháu nó rước cái của nợ ấy về nhà thế. Nó hãm tài lắm, đem thả lên núi ngay đi!

Chú Hai đã trót mua cho tôi, không nhẽ lại không bênh vực tôi, nên chú nói khéo với mẹ tôi, và buổi tối chú lại nói với cả thảy tôi, thành thử cả nhà không ai phản đối nữa.

Ngay hôm đó, chú cháu tôi hì hục chẻ tre, vót cật làm một cái lồng to khá đẹp. Tôi đặt giữa lồng một cành cây bé cho hai con khỉ leo trèo. Tôi lại lấy lá phủ bên ngoài lồng cho mát và kín đáo. Tôi nhờ lão Bồng khiêng với tôi cái lồng đó lên gác, đặt ngay cạnh giường tôi nằm. Lão Bồng chiều chuộng tôi và cũng sẵn lòng thương yêu giống vật, cứ mỗi ngày ba lần lão

đem lên cho hai con khỉ một bát sữa dê đầy. Tôi nhìn chúng uống một cách ngon lành mà vui sướng. Uống xong, chúng lại co tròn lăn quay như quả bóng, đùa nghịch với nhau, kêu chí chóc.

Chú tôi cười bảo:

- Đừng đánh đập chúng nhé! Một khi cháu đã cướp chúng ra khỏi bầu sữa mẹ chúng, ấy là cháu phải giữ bốn phận nuôi nấng chúng. Cái bốn phận ấy không nhỏ đâu.

Lời khuyến khích của chú càng khiến tôi phải nghiêm trang, chứ không đùa như mọi lần nuôi con chim sâu, con bướm bướm, chuồn chuồn, chán thì bóp chết, ngắt cánh, ngắt đầu cũng được. Tôi bận bịu với chúng luôn. Ở nhà, tôi học vội bài ; vừa tan trường, tôi chạy vội về nhảy ngay lên gác thăm đôi khỉ. Sáng dậy mở mắt là tôi nghĩ đến việc lấy sữa dê cho chúng. Tiễn quà mẹ cho hàng ngày, tôi ra chợ mua chuối bỏ vào đầy lồng. Đôi khi được ăn nhí nhất suốt ngày.

Thấm thoát chúng đã lớn lên trông thấy, chúng đã biết cào cắn nhau, đã biết ném vỏ chuối ra ngoài kẽ lồng để trêu tôi. Con lớn đuôi dài có vẻ mạnh mẽ, nghịch và ăn nhiều hơn con nhỏ đầu đốm trắng. Con nhỏ, tôi nhận thấy, cứ mỗi ngày một gầy đi, lờ khờ, nằm vật vạ.

Chú Hai nghiêm giọng bảo tôi:

- Ta đã nói trước mà! Loài vật phải được tự do ngoài nắng, gió và ánh sáng. Giam cùm, bắt nó tù hãm, ấy là làm cho nó khổ sở. Đó là lẽ tự nhiên của trời đất, ta không nên làm trái.

Thế rồi một buổi sáng, tôi bưng bát sữa lên, mở cửa lồng thì thấy con khỉ bé nằm còng queo. Con khỉ lớn ngẩn ngơ nhìn cái xác bạn cùng loài.

Thấy tôi, nó ngẩng lên nhìn tôi bằng đôi mắt lơ lơ. Lòng tôi buồn nao nao. Lần đầu tiên trong tuổi chơ dại, tôi được biết rõ cái tình chia ly của sự chết. Tôi gọi chú Hai. Chú ở phòng bên cạnh, bước sang. Tôi sợ, không dám mó vào xác con vật, phải nhờ chú. Chú mang xác nó ra bãi cỏ ngoài bờ rào nhà tôi chôn cất tử tế.

Từ đó, con khỉ lớn sống cô độc, nhưng r ấ cũng không sao, nó lại leo trèo nhảy nhót, ăn uống như thường. Nó thò tay ra ngoài nan l ồng vấy tôi, cướp quả chuối hay hột ngô rang ở bàn tay tôi, r ấ nhe răng ra kêu khếch khếch.

Con vật đùa như một đứa trẻ. Có hại gì cho ai đâu!

- Đấy mẹ xem, có chuyện gì là hãm tài, mà mẹ cứ mắng con.

Mẹ tôi cười không đáp.

- Đấy chị Châu xem, mẹ mãi chẳng để em bé cho vui nhà nên em phải chơi đùa với nó vậy. Nó có cào cấu chị đâu, có làm đổ vỡ gì đâu!

Chị Châu cũng cười. Không ai ghét nó nữa. Mẹ tôi hôm nào đi chợ mua thức ăn cũng nhớ mua cho con khỉ một nải chuối, hay một mớ sim chín. Nó thích ăn sim lắm, có lẽ nó ăn cái thứ quả rừng xanh để nhớ đến rừng xanh chẳng.

Chị Châu đã hí hoáy mất nửa ngày để tìm vải xanh vải đỏ cắt cho con khỉ một bộ quần áo và cái mũ. Thú quá, tôi nhờ chú Hai nghĩ đặt cho nó một cái tên, chẳng nhẽ cu cậu cũng diện y phục như người mà lại không có tên thì... khỉ quá!

Chú Hai vuốt râu mép nghĩ ngợi. R ấ chú cười:

- Ta gọi cu cậu là Khả Tị tiên sinh. Đó là tên một con khỉ rất khôn theo một ông bầy già đi làm xiếc rong... Một con khỉ giang hồ trong truyện "Vô gia đình" của một nhà văn người Pháp.

Tôi vỗ tay, rất hoan nghênh cái tên sang trọng ấy, mặc dầu tôi chưa được biết Khả Tị tiên sinh trong truyện ấy thế nào.

Sáng hôm nay, một buổi sáng đẹp trời, Khả Tị mặc bộ áo quần mới nửa xanh nửa đỏ và đội mũ mao xong xuôi hình như rất lấy làm bằng lòng về lịch sự của mình, nó đứng thẳng lên, nhún nhảy và lại kêu khếch khếch.

Chị Châu bàn:

- Nom bộ công tử như thế mà lại bị nhốt vào lồng thì buồn quá. Em dắt nó đi chơi một tí cũng hay.

Tôi lại vỗ tay hoan nghênh ý kiến ấy. Tôi lấy một sợi dây buộc vào cổ tiên sinh, dắt tiên sinh xuống nhà để giới thiệu với mẹ tôi. Lần đầu được bước ra ánh sáng, tiên sinh đi chập choạng, ngơ ngác nhìn tứ phía, nhìn cái cầu thang, rồi cẩn thận bước từng bậc một. Mẹ tôi, chú Hai và lão Bồng thấy vậy đều cười ran nhà. Khả Tị càng ngơ ngác, nhảy lên vai tôi, nép đầu vào cổ tôi như sợ sệt, như cầu ở tôi sự che chở vậy.

Kể từ hôm ấy Khả Tị được tự do, từ biệt cái lồng rộng rãi dành cho nó ngày mắng sữa, nhưng rất hẹp cho nó lúc này đã lớn khôn rồi. Nó tung hoành khắp vườn, dưới nhà, trên gác. Tôi không lo nó về núi về rừng mất, vì tôi xem ý nó không ra quá ngỗ ngược bao giờ. Người và cảnh ở đây đã cùng nó thân thuộc quyến luyến rồi.

Khả Tị không ưa sữa nữa, nó thích ăn cơm và ngồi cùng tôi một mâm cơm rất lễ phép, khiến ai cũng bằng lòng. Ngoài cái thú ăn sim, nó còn

thích ăn lạc rang, hạt dẻ, mà lại biết cắn bỏ vỏ rất nhanh, người không sao theo kịp. Tối tối, nó lên gác ngủ với tôi, nằm gọn dưới chân tôi cho đến sáng. Trừ những buổi tôi đi học, còn tôi đi đâu nó cũng theo sát từng bước. Tôi để nó ng ẩ lên vai, nó khẽ cắn vai tôi một cách đùa nghịch thân ái; nhưng khách lạ đến chơi mà mó vào nó thì những cái móng rất nhọn kia sẽ làm thủng bàn tay khách tức thì.

Một buổi trưa ở trường về, không thấy Khả Tị đâu, tôi đi tìm khắp chốn. Ra vườn, thấy nó đang đu trên cành cây nhãn. Tôi vẫy gọi, nó nhe răng ra, lại chuy ền sang cành khác, rung cành cho lá rụng xuống đầu tôi, như trêu đùa, thách tôi trèo lên. Tôi trèo lên. Nhưng đuổi sao được cái giống h ầu giỏi hơn cả muôn loài về cái tài trèo leo nhanh hơn gió ấy.

Đầu truyện, tôi đã kể rằng ngoài cửa sổ phòng chú Hai, hướng quay ra sau núi đá, có một cây nhãn lớn, chính lúc này tôi và Khả Tị đang ở trên cây nhãn đó.

Tôi đứng ở một cành gần cửa sổ, nhìn được suốt vào phòng chú Hai. Tôi thấy chú ng ẩ trong một cái ghế mây rộng cũ, trước một cái bàn to thày tôi dùng làm bàn giấy. Chú đang chăm chú vào một quyển sách mà ở bên ngoài lấy hết sức nhìn, tôi có thể biết rằng trang nào cũng có in tranh vẽ màu. Bàn tay khô gầy l ần giờ từng tờ, đôi mắt sâu nheo h ắt lại gần như nhắm tịt, v ầng trán hói h ắt nổi nhi ều vết nhăn, chú Hai cúi mãi xuống gần trang sách, gần những dòng chữ đen như kiến bò, gần những cái tranh màu, chú không biết có tôi và Khả Tị đang rình chú. Chú có vẻ mơ màng, mê say một cái gì... Có lẽ bởi những bức tranh đẹp quá. Có lẽ bởi những trang sách chép biết bao truyện đầy phép màu huyền bí. Chẳng thế mà, lạ quá, rõ ràng tôi thấy chú nói lẩm bầm một mình, chốc chốc lại cười khúc khích, thỉnh thoảng lại ghé môi hôn lên mặt giấy. Tôi ngờ ngác không hiểu được

chú. Khả Tị thấy tôi không đùa nữa thì rón rén chuy ền lại, nhảy lên vai tôi ng ồi yên. Vừa lúc ấy, chú Hai gấp sách lại, bỏ vào ngăn kéo bàn, tôi nghe rõ cả tiếng khóa kêu.

Tôi nhẹ nhàng tụt xuống gốc cây, nghĩ th ần: "Thì ra trưa nào chú cũng vào phòng đóng kín cửa lại là để ng ồi cười, nói, và hôn quyển sách có tranh ảnh đó! Thế là nghĩa lý gì?"

IV

Quyển sách của chú Hai, bắt đầu từ trưa hôm ấy, luôn ám ảnh trí tò mò thơ đại của tôi.

"Phải xem cho được, không thì tức lắm". Tò mò, cái nết xấu ấy cứ xúi giục tôi phạm tội lỗi. Tại sao chú Hai lại cười, nói, hôn những trang giấy đó? Chắc là quyển sách hay lắm đây. Nhất là những bức tranh, ồ, những bức tranh tô màu, tôi thích lắm. Tôi hay vẽ nhảm. Tôi vẽ cả ngày. Không có bút chì m ầu, tôi lấy lá khoai bôi làm màu cỏ, tôi lấy hoa m ồm chó bôi làm màu da trời, tôi lấy hoa dâm bụt bôi làm môi con gái hay làm áo cẩm bào ông Trạng.

Những bức tranh màu sặc sỡ trong quyển sách chú Hai! Tôi mở tưởng nó từng giờ, từng phút. "Phải xem cho được, không thì tức lắm".

Tôi để ý chờ cơ hội chú Hai đi đâu vắng. Một buổi sáng chú rủ tôi ra chợ xem bọn thuyền chài có bán con cá nào ngon thì mua. Tôi cáo nhưc đầu, không đi. Chú đi một mình.

Cơ hội tốt đã đến. Chờ cái bóng còng còng của chú khuất ngoài ng ờ r ời, một lát sau tôi mới rón rén lên gác. Cửa phòng khép hờ, tôi kh ẽ đây, bước vào. Những đồ đạc cũ bụi bặm từ ngày có chú Hai đến ở đầu được

chú lau chùi sạch sẽ. Một cái rác, một cái mạng nhện cũng không. Chú quét lấy, lau dọn lấy, không khiến lão Bồng. Tôi đi nhẹ như con mèo, tiến đến cái bàn. Cúi nhìn chiếc khóa ngăn kéo to quá, tôi thất vọng. Nhưng lại nghĩ rằng trong ngăn kéo có quyển sách đầy những tranh màu kia, tôi hăm hở lay, giật, song cái khóa không chuyển động. Tôi nghĩ đến chiếc kim của lão Bồng. Lại xuống bếp tìm được cái kim lên, tôi ra sức nhổ hai chiếc đinh khuy để hy vọng nhấc cả khóa ra. Tôi làm rất khéo, bàn tay tôi tự nhiên sao khỏe khác thường. Một chiếc đinh khuy đã rơi xuống, một chiếc nữa cũng rơi theo. Thành công rồi, tim tôi đập mạnh. Tôi mở ngăn kéo, khe khẽ...

Chỉ có một mình tôi. Không, còn Khả Tị tiên sinh nữa chứ! Quái ác thật, con khỉ đã theo tôi vào tự lúc nào. Hình như biết tôi đang làm một việc vụng trộm nên nó len lén ngó yên một xó tường, giương tròn mắt nhìn từng cử động của tôi. Tôi giận lắm, đuổi nó ra ngoài, nhưng nó nhăn răng kêu ầm ỉ, cào vào gấu quần tôi. Tôi đành chịu, vì cho việc đó không can hệ gì. Việc can hệ là mở ngăn kéo, lấy quyển sách bí mật kia ra. Bàn tay tôi run run lục lợi mớ giấy vụn. Bìa một quyển sách in màu, vẽ một cô tiên có đôi cánh và một đàn bướm hiện ra...

Tôi bật reo lên một tiếng vui mừng.

V

Đó là quyển sách kể những truyện cổ tích thần tiên. Những bức vẽ thật ngộ nghĩnh. Đây, một cô tiên thổi sáo, múa hát bên dòng suối. Kia, một con chuột đi ô, đeo kính nhảy múa với con chuồn chuồn. Kia nữa, một cô gái đẹp mình người cánh bướm bay giữa một đàn bướm nhỏ trong rừng hoa... Nhiều nữa... Nhiều nữa.

Trang đầu có mấy hàng chữ, viết nắn nót lối chữ cậu học trò nhỏ tuổi:

Sách này chính sách của ta

Khác nào như cỡi Sơn hà của Vua.

Mép trang, một vết mực đồ loang như con rắn bò. Tôi nhận thấy chữ *Lê*, ký lờ mờ bên dưới mấy hàng chữ kia. Ở những chỗ trống có dăm hình vẽ bằng bút chì màu, phỏng theo những bức tranh in. Hình vẽ bắt chước một cách ngây ngô, mắt liền với mũi, chân tay nghêu ngao, trông cô tiên mà người ta tưởng "ông Ba bị"! Cái tranh nào cũng ký tên *Lê*. Lê là con chú Hai, đứa trẻ xấu số đã bị bỏ vô tình bắn chết vì cơn điên khùng trong một cuộc đi săn. Những chữ ký đó khiến tôi tưởng tượng ra một đứa trẻ bằng tuổi tôi, khôi ngô và ngoan ngoãn, cũng có tính tình nghịch hay vẽ nhảm như tôi. Tôi khám phá ra rằng chú Hai vẫn thường vào phòng đóng chặt cửa để giờ quyền sách kỷ niệm của con trai chú ra, ng ẩng lên thần nói chuyện và cười rủ rủ với nét vẽ ngộ nghĩnh của nó, và hôn hít những vết ngón tay dính mực, dính đất cát còn in nguyên vẹn trên trang giấy.

Tôi đang bùi ngùi nghĩ vậy thì ở dưới cầu thang có tiếng chú Hai nói với mẹ tôi, và tiếng giày chú bước thành thịch trên những bậc gỗ kêu cọt két. Tôi hoảng hốt, chỉ kịp ném vội quyển sách xuống chân cái ghế mây chú Hai vẫn ng ẩng, rồi tôi chạy vút ngay về buồng mình. Tôi lắng nghe tiếng chú lẩm bẩm:

- Hôm nay mình đã trí quá, đi nửa đường mới sực nhớ ra là quên khóa cửa. Chết nỗi, cửa khép hờ thế này, nhờ Khả Tị tiên sinh mà lần được vào thì bất trị.

Chú dừng lại móc túi áo lấy chìa khóa, khóa cẩn thận rồi lại xuống thang.

Tôi thở một hơi dài vì chợt nhớ ra trong buồng chú, Khả Tị đang bị nhốt. Chốc nữa chú về, mọi tội lỗi sẽ đổ vào đầu nó. Khả Tị phá ngăn kéo, Khả Tị lôi quyển sách bí mật ấy ra, chứ không phải tôi! Tôi đã nghĩ mưu mẹo chối lỗi của mình, đổ tội oan cho con vật một cách hèn nhất như thế đấy.

Ngồi đứng không yên chỗ, tôi vẫn lo lắng nghĩ nếu Khả Tị xé nát quyển sách kia! Sự lo lắng ấy khiến tôi bồn chồn, khổ sở. Tôi hối hận đã tò mò, đã phá ngăn kéo của người ta, như thế có khác nào quân trộm cắp!

Tôi chạy xuống dưới nhà, lao ra vườn. Tôi trèo lên cây nhãn, vừa nhòm vào buồng chú Hai đã thấy rụng rời chân tay. Khả Tị đang nhảy nhót trên giường lại vút lên nóc tủ, lên đỉnh màn, chán trò, nó quay ra vò xé một chiếc sơ mi của chú Hai. Tôi sợ hãi, dụi giọng gọi khẽ: "Khả Tị, Khả Tị!". Nghe tiếng tôi, con khỉ tinh quái nọ nhìn ra, nó càng nhảy nhót, càng vò xé, cuộn cái sơ mi rách vào mình mà lăn khắp sàn gỗ.

Tôi tức bực, giơ tay dọa nạt, Khả Tị càng làm trò để trêu tôi. Đang bối rối thì có tiếng mẹ hỏi chị Châu phía sân trước.

- Châu có thấy em Ngọc đâu không?

- Có lẽ em con nó theo ông Bùng cho dê lên núi.

Tiếng mẹ gắt gỏng:

- Thằng bé tẻ quá, chạy như thỏ cả ngày thôi.

Chú Hai ở ngoài ngõ đang đi vào trong sân, nghe vậy bèn bênh vực tôi.

- Bác mắng cháu làm gì. Tuổi nó đang nghịch ngợm. Mà cũng phải nhảy nhót thế thì mới khỏe mạnh chứ. Cháu nghịch, nhưng học giỏi, thế là đáng mừng, bác ạ.

Lời khen của chú càng khiến tôi hồ thẹn. Bỗng có tiếng kêu the thé trong buồng chú. Tôi vội ngoảnh nhìn vào: Khả Tị đã trông thấy quyển sách dưới chân ghế. Nó cồm quyển sách lên, nghiêng nghe cái đầu rỗng tần mẫn xé một trang, trang nữa, trang nữa...

Tôi muốn kêu lên, mà không dám, sợ mẹ tôi và chị Châu tôi biết tôi đang nấp ở trên cây.

Mặt tôi không còn máu. Tôi ngần ngại rửa thềm con vật khốn nạn. Tôi muốn với một chân sang cái thành cửa sổ để nhảy vào. Chân tôi không với tới. Tôi toan nhảy liêu sang, nhưng ngay dưới chân có một bụi gai khá rậm, nếu nhảy hụt thì còn gì là xương thịt.

Bỗng nhiên cánh cửa buồng xích mở. Chú Hai vào. Sợ quá, không dám nhìn cái cảnh ghê gớm sắp diễn ra, tôi nhắm nghiền mắt lại. Khi mở mắt, ôi chao, tôi thấy chú đã tóm được Khả Tị mà bóp chặt, con vật giãy giụa kêu chí chóc trong hai bàn tay gân guốc của chú.

Tôi điên cuồng tụt vội xuống đất, chạy vào nhà.

VI

- Lạy chú, xin chú đừng bóp nó. Chính cháu mở ngăn kéo chú, cháu đã vất quyển sách của chú xuống chân ghế... Cháu có tội, chú đánh cháu, chứ đừng đánh oan nó.

Nhưng chú Hai cu ờng đại, đôi mắt đỏ ng ầu trợn lên, hai quai hàm bạnh hẳn ra, răng nghiến ken kết, chú lấy hết sức bóp cổ Khả Tị.

- Con quỷ! Con quỷ. Mày là con quỷ hại tao. Mày phải chết.

Khả Tị càng giãy giụa, một chân tuột ra, móng nhọn đâm sâu vào tay chú Hai, máu chảy ròng ròng.

Chú Hai thét một tiếng, ấn Khả Tị xuống cạnh bàn, hai bàn tay nổi gân.

- Lạy chú! Cháu xin chú tha cho nó!

Nhưng máu đã làm cho chú Hai thành điên cu ờng, tức giận như lửa cháy đổ thêm dầu, chú l ầu nh ầu nguyền rủa, đập đầu Khả Tị kêu bôm bốp vào cánh cửa.

Con vật khốn nạn kêu một tiếng cuối cùng, đôi mắt lơ lơ nhìn tôi một lần cuối cùng như để cầu cứu, để vĩnh biệt r ồi không động đậy. Chú Hai ném nó xuống sàn. Tôi quỳ ôm Khả Tị vào lòng mà nức nở:

- Chú độc ác lắm! Chú độc ác lắm.

Cùng lúc ấy, chú Hai ng ồi xuống cạnh tôi. Vẻ giận dữ ghê gớm trên mặt chú đã biến đi, nước mắt chú rơi xuống đôi má hóp, chú thẫn thức như đứa trẻ.

H ồi lâu chú mới nói nên lời.

- Chú là một kẻ điên đại! Cháu tha lỗi cho chú! Chỉ vì chú đã không chịu nén cơn căm giận, tức giận mà khổ sở thế này... Con vật kia có biết gì đâu, nó vô tội, vậy mà chú đã điên cu ờng giết nó như chú đã giết Lê con chú. Tức giận là một thói xấu, cháu ơi, nếu l ần đầu ta không cố nén nó để

luyện lấy cái nết ôn hòa, hiền hậu thì nó sẽ thành tốt, sẽ thành tội ác! Nếu trước kia, chú bình tĩnh, nhân hậu thì em Lê vẫn đang ở bên chú, cũng khỏe mạnh, thông minh và đáng yêu như cháu. Có em Lê thì chú đâu đến nỗi buồn cái tuổi già trơ trọi, đâu đến nỗi đi lang thang một mình nay đây mai đó thế này. Cả cuộc đời chú giờ chỉ có quyển sách của nó để lại... Thế mà...

Máu trên hai bàn tay chú nhỏ từng giọt xuống những mảnh giấy tranh ảnh có chữ ký của Lê. Chú cúi xuống nhặt nhạnh những mảnh giấy đó, bỏ vào một chiếc hộp:

- Em Lê được nhà trường thưởng quyển sách này. Chú luôn giữ bên mình làm kỷ niệm. Mỗi lần xem lại những nét vẽ nghịch ngoạc, nhìn lại những vết tay in trên giấy kia, chú lại tưởng tượng thấy đôi mắt đen nháy của nó, nghe thấy tiếng cười trong trẻo của nó...

Lòng tôi xúc động vô cùng. Tôi ôm choàng cổ chú:

- Thôi chú đừng buồn nữa. Chú cứ ở đây, chúng cháu yêu quý chú như yêu quý thầy mẹ cháu. Cháu thay em Lê làm con chú, ở bên chú mãi mãi, cho đến ngày chú sống tròn trăm tuổi.

Chú cảm động, sung sướng ôm tôi vào cánh tay, ngẩng lên ghế, chú vuốt tóc tôi, hôn đầu, hôn má tôi.

- Cháu là đứa trẻ tốt lắm. Ta yêu cháu không có lời nào tả được.

*

Chú Hai sống giữa hạnh phúc êm ả của gia đình chúng tôi; coi chúng tôi như con đẻ, chú không buồn nữa. Tóc chú bạc dần dần cùng với tóc

thầy mẹ tôi. Chú hiền từ như ông Bụt. Chúng tôi đã lớn khôn, nhưng vẫn ngày ngày sán bên cạnh chú để bắt chú kể chuyện "Ngày xưa..."

Và đến hôm nay, thấm thoát đã hơn hai mươi năm rồi, tôi kể lại cùng các bạn nhỏ thân mến câu chuyện này, cùng lời khuyên nhủ của chú Hai. Lời khuyên ấy hiện thành những nét chữ vàng chói lọi trước mặt tôi. Lòng tôi lúc nào cũng êm vui, bình tĩnh, sẵn sàng tha thứ, thương yêu con người và con vật, thương yêu tất cả cõi đời.

Ngọc Giao

*Truyền Bá, số 34 năm 1942. Trước đó, truyện này có tên khác là **Chú Hai Huân**, đăng trên Tiểu thuyết thứ Bảy, số 296 năm 1940*

NHẠC, HUỆ, LỮ

Ở Châu Lộc, Nghệ An, có ba anh em sinh trong một nhà nghèo. Cậu thứ nhất là Nguyễn Nhạc, thứ nhì là Nguyễn Huệ, thứ ba là Nguyễn Lữ. Cha chết. Mẹ ốm đau. Lúc này Nhạc mới mười tuổi, Huệ, Lữ mới chín, tám tuổi. Ba anh em chia nhau đi ở chăn trâu cho ba nhà phú hộ. Ba anh em ở cùng làng, nhưng xa xóm. Trời phú cho ba anh em đều khỏe mạnh. Huệ dũng mãnh, mưu trí hơn cả. Nhạc khỏe vừa, nhưng thông minh, nhanh nhẹn hơn người, nhất là cái trí khôn vặt thì ít ai sánh kịp. Còn Lữ thì không có gì xuất sắc.

Thời đó nhằm khi Trịnh và Nguyễn chia sông Linh Giang làm bờ cõi. Hai họ, bên ngoài tuy làm ra không muốn gây chiến tranh nhưng bên trong vẫn kết mối thù. Bởi vậy, bên nào cũng ngày đêm lo tập luyện quân bộ, quân kỵ và quân thủy. Các làng, các xã đều lập trường dạy võ công khai. Dân gian đua nhau ra sức tập tành đợi ngày ra thi võ để làm nên nghiệp.

Ở vùng Nhạc, Huệ, Lữ, trường võ lớn hơn hết các nơi. Ba anh em sẵn lực, thấy người ta luyện võ cũng hằng ngày đến xem. Hàng ngày dắt trâu ra đồng, ba anh em lại dạy lẫn nhau, không cần thầy chỉ bảo. Chẳng bao lâu ba anh em đều võ nghệ tinh thông, mà tính nết do thế càng thêm ngang tàng, bướng bỉnh. Lúc này, ba anh em ham luyện tập đến nỗi bỏ trâu không nhìn đến. Trâu Nhạc được thả rong, đi ăn hết mấy sào mạ của người ta. Chủ ruộng đến bắt đền ông phú hộ. Nhạc bị trách mắng cực nhục, lấy làm giận lắm. Sớm hôm sau ra đồng, Nhạc báo thù trâu, đem buộc mũi con vật vào gốc cây đa, không cho ăn uống. Anh em lại cùng nhau tập tành nhảy múa.

Hôm ấy, trâu Huệ lại ăn lúa nhà khác. Chiều, anh em lừa trâu về thì trâu Nhạc bị hai hôm đói liền. Nhạc bị chủ đánh ba roi. Còn Huệ, để trâu phá hại, cũng bị chủ mắng trách. Hai anh em uất giận quá, ngày hôm sau dắt trâu ra đồng họp trên một cái gò cao, cùng nhau than thở, đầu đổ tội cho hai con trâu. Nhạc bèn trườn hai em buộc đôi trâu trước mặt. Nhạc chồm trèo ngẩng trên tảng đá cao chót vót. Hai em cặm gậy đứng hai bên. Quãng giữa, đôi trâu đứng. Nhạc lớn tiếng nói rằng:

- Sau này ta làm đại tướng cưới voi đi giữa, hai em cũng làm tướng tả hữu hai bên như thế này thì thích quá!

Huệ nói:

- Làm tướng thì đã thích gì. Làm vua mới thích. Em mong làm vua, chứ không thèm làm tướng.

Lữ nói:

- Hôm nay, anh Nhạc làm vua, hai ta hãy làm tướng, hai con trâu làm thân tù tội. Ta đem xử tội nó một phen chơi!

Nhạc, Huệ nghe nói thì sinh nghịch, ưng ý ngay. Nhạc ngẩng lấy oai trừng mắt, đập tay xuống tảng đá thét rằng:

- Bớ hai thằng trâu khốn nạn kia, bay có biết tội hay không? Trời sinh ra bay là chỉ được ăn cỏ, có sao bay dám ăn trộm lúa người ta để chúng tao bị mắng? Tao mới phạt tội bắt nhịn ăn có một ngày, mi đã làm ra buồn bã hai hông xỏ một, cho chủ biết mà rầy la tao, ấy là hai tội lớn không tha thứ được. Tướng ta đâu?

Huệ, Lữ dạ ran.

Nhạc thét:

- Chiêu lý vừa buộc đó, mau phạt hai thằng trâu không tha.

Huệ nói như sấm:

- Chiêu lý thì tội ăn vụng lúa, đánh mõm hai chục hèo. Tội làm bộ đôi, đánh hông hai chục hèo.

Lữ nói:

- Các tướng chiêu lý như vậy đó, xin bề hạ cho phép hành hình.

Nhạc vờ vuốt râu, phán:

- Chiêu lý như vậy đúng lắm. Mỗi tướng một thằng trâu, cứ hành hình cho ta. Thằng kia một tội, đánh mõm hai mươi hèo. Thằng nọ hai tội, đánh bốn mươi hèo. Đánh cho đủ, không được thiếu.

Huệ, Lữ vâng lệnh. Lữ đánh một con giữa mõm hai mươi hèo. Còn Huệ nhận đánh con kia những bốn mươi hèo. Sức Huệ đánh mạnh quá. Con trâu đực rất to lớn mà mới chịu mười hèo đã học máu mũi, gãy xương sườn, ngã gục xuống chết tươi. Ba anh em thấy trâu chết đều lo sợ, không dám chời nghịch nữa. Nhạc liền chạy tuốt về kêu chủ, bảo trâu cảm nắng chết rồi. Nhưng ông phú hộ ra xem xét, biết trâu bị đánh, bắt đền tiền. Ba anh em góp nhặt công ở trong nửa năm trời mới đủ mà trả cho phú hộ.

Mẹ già ở nhà đói khổ, chỉ trông cậy vào ba con đi ở đỡ cho thì nay lại phải đền trâu. Bà mẹ lo nghĩ nhiều, sinh đau ốm nặng. Ba anh em thương mẹ, không biết tính kế thế nào, đi vay mượn đâu người ta cũng đóng cửa đuổi ra. Túng bần và thương mẹ quá, đâm liều. Nhạc thấy lợn nhỏ của nhà

hàng xóm nuôi mái thả ngoài ruộng, bèn lập mẹo bắt một con, đem ra chợ bán. Người làng biết, ai nấy nhốt lợn lại không dám thả ra ruộng nữa.

Một hôm, mẹ bệnh quá nặng, gần chết mà không có thuốc. Nhạc ôm đầu mẹ, ứa nước mắt, không biết làm cách nào. Nhà nghèo sinh con hiếm. Nhưng hiếm mà ng ỡi khoanh tay nhìn mẹ chết không đành, huống chi Nhạc, ta đã biết, là một cậu bé thông minh, bướng bỉnh, nhiều mưu mẹo.

Đêm ấy, trời không trăng sao, mới sang tiết mùa đông lạnh lẽo. Một mình Nhạc đứng giữa cánh đồng, nhìn mấy khóm tre của các làng gần xa mờ mịt trong bóng tối, Nhạc thở dài nghĩ đến cái chết của mẹ già nếu không có thuốc thang, hớp cháo. Sau cùng, bất đắc dĩ Nhạc vào nhà một tên nhà giàu rất ác nghiệt, len vào chuồng lợn, định bắt một con. Nhưng sợ nó kêu, Nhạc sinh kế, vào bếp lấy tro đùm vào vạt áo. Lại tìm được chiếc áo tơi, mừng rỡ, vội đem tro đổ đầy vào đầu lợn. Lợn sợ tro đứng im không dám kêu. Nhạc lấy áo tơi chụp vào con lợn, xốc lên vai chạy. Đi được một đoạn đường, chẳng may chạm trán một anh đánh bạc thua về nhà lấy tiền thêm. Anh kia tưởng Nhạc đi đánh bạc ăn non trở về, bèn vỗ vai Nhạc một cái mạnh mà bảo:

- Gớm, được r ỡi là vác tiền lớn về ngủ phải không?

Nói chưa dứt lời, nghe tiếng lợn kêu éc éc, biết ngay gặp kẻ trộm, anh ta kêu r ầm làng nước. Nhạc cùng quá phải bỏ lợn mà chạy bạt sang cánh đồng làng khác.

Nghĩ về vẫn không có thuốc thang, cơm cháo cho mẹ. Nhạc vào nhà nữa ở một làng xa. Nhà phú hộ này có một cái hòm to kê kính gian giữa. Nhạc cậy nắp chui vào trong toan rờ lấy đồ vật. Chẳng may chủ nhà thức dậy đánh lửa hút thuốc Lào, trông thấy nắp hòm hở liền lăm bằm.

- Mình quên khóa hòm. Trộm nó vào thì nguy to.

Nói rồi, chủ nhà lật đật khóa hòm cẩn thận, vô tình nhốt cả Nhạc trong đó.

Nhạc nằm mãi không sao ra được. Rờ tay xem thì toàn là mũ áo tế thần. Túng quá sinh kế, bèn lấy mũ áo thần mặc tử tế, rồi đập phá, quất tháo như sấm.

Chủ nhà cuống quýt mở hòm ra. Nhạc nhảy tót lên ngẩng lên chằm trệ giữa mặt hòm, quát truỳnh rằng:

- Ta là đại vương. Ngoài đền, chiếc bình hương bị sút mẻ, động không yên. Mau đòi xã trưởng lại đây, ta dẫn ra đền chỉ cho xem để sửa chữa lại thì các người mới yên ổn được.

Dân làng nghe quát, chạy tới cả. Nghe nói thế đầu cho là kỳ, vội xụp xuống van lạy và theo "ngài" ra đền. "Ngài" miệng hò hét, chân đi như bay, phút chốc đến đền. "Ngài" bảo dân làng đứng xa xa rồi vào trong đền một mình, đoạn cởi mũ áo cuộn bé lại, rồi nhảy lên bệ cao, tháo ngói, đu mình lên, chui ra, nhanh nhẹn nhảy xuống phía sau đền. Sau đền là một khu rừng con, Nhạc đi mất. Dân làng chờ mãi, sau liều vào xem, thấy mất ngài thì yên trí là thánh đã về trời.

Nhạc về sai Lữ đến một vùng xa bán mũ áo, được tiền, bèn mời luôn một thầy lang về theo xem bệnh cho bà mẹ. Bây giờ đã nghèo khổ, lại nuôi thêm một ông lang trong nhà, anh em Nhạc càng lo lắng, nhưng may bệnh bà mẹ đã đỡ được vài phần.

Ở làng có một xã trưởng giàu nhờ buôn gian bán lận, lại thêm nghề cho vay nặng lãi. Một bọn cướp kéo nhau đến cướp của nhà xã trưởng. Lão nhà

giàu này la làng cầu cứu. Dân làng vốn ghét thói gian tham bạc ác của xã trưởng, nên làm ngơ như không biết. Anh em Nhạc, tuy cũng không ưa gì xã trưởng nhưng thấy bà mẹ giục nên đến cứu, vì cũng người làng nước với nhau. Bà mẹ bảo:

- Con ạ, người ta ở không tốt đã có trời trừng trị. Các con đừng nên bắt chước ai. Kẻ anh hùng thấy ai hoạn nạn thì giúp đỡ, chứ không cần suy tính.

Ba anh em vâng lời mẹ, bèn vác dao gậy xông ra. Ra đến đầu xóm, Nhạc đứng lại bảo em:

- Ta vâng lời mẹ mà cứu tên xã trưởng này. Các em đánh nhẹ tay thôi, chỉ cần cho chúng bị thương, chứ đừng giết chết mà tội nghiệp. Bây giờ ta ra chặn đường chúng ở giữa cánh đồng. Chỗ này rộng rãi mới đủ làm chiến trường cho ta được.

Đi đến ba cái gò cao. Huệ đứng lại, quả quyết như viên đại tướng, bàn với anh và em rằng:

- Ta lấy gò này dàn thế trận. Anh Nhạc ngẫ chặn gò đầu, đánh thẳng đi đầu. Em phục ở gò thứ hai đánh thẳng đi giữa. Còn em Lữ chiếm gò thứ ba đánh thẳng thứ ba rồi thối còi ra hiệu cho anh Nhạc và tôi đến cướp lại của cải.

Đêm ấy, trời tối đen như mực, gió lạnh buốt xương, mưa phùn hun hút. Bỗng có tiếng chân người, cả tiếng chân trâu bò nữa chạy rần rập tới. Mắt Nhạc và Huệ đã luyện quen trong tối, nhìn rõ cả. Bọn cướp đến gần, đông chừng năm mươi tên, vác gươm giáo sáng quắc. Kẻ dắt trâu, kẻ dắt bò, kẻ

gồng gánh hòm dương vừa cướp được. Bọn cướp đi tới, qua chân đẽ thứ nhất thấy một đứa bé con vác gậy ngỗ bên đường, liền giơ gươm quát:

- Thằng ranh vác gậy ngỗ làm gì đây, có muốn chết để tao cho một nhát.

Nhạc đã thủ thế, vỗ đùi nhảy vút qua đầu tên cướp, đánh một gậy xuống ngang cổ. Tên cướp không ngờ đứa bé con lại gớm thế, giật mình tránh không kịp. Một gậy thứ hai trúng ngang lưng, tên cướp bị gãy xương sống, lăn vào một bụi cây gục xuống.

Tên thứ nhất đã bị thương, đi cách tên thứ hai một quãng. Tên thứ hai này không biết, lúc gặp cậu bé con vác gậy ngỗ chặn lối thì quát:

- Thằng trẻ con nhà ai ngỗ chỗ này? Ta hóa kiếp cho mày.

Tên cướp chưa kịp giơ gươm thì đã bị Huệ lia dao chém cụt một ống chân. Chúng hò nhau ủa vào. Nhạc, Lữ, Huệ, ba anh em ra sức trở oai đánh cho cả bọn vỡ đầu, gãy cẳng, chạy tan tác, bỏ cả trâu bò, đồ đạc lại.

Nhạc nhặt được một túi tiền, bàn với hai em:

- Tất cả của cải này đều là mồ hôi nước mắt của người nghèo. Tên xã trưởng suốt đời không làm phúc đức, không bố thí cho kẻ ăn mày lấy một đồng kẽm. Nay ta trả tất cả trâu bò, hòm dương cho nó, chỉ giữ lại túi tiền, một nửa dùng nuôi ông thầy, chữa thuốc cho mẹ; một nửa thì phân phát cho kẻ đói cơm, rách áo. Ta đã cứu nó, lấy lại cho nó cả của cải, số tiền này ta làm việc thiện thay nó, tưởng cũng không tội lỗi gì.

Một lát tên xã trưởng nghe tin có người đánh giúp, lấy lại được của, mới dám chạy ra. Hắn vừa khóc vừa vái lạy ba anh em Nhạc, rồi sai người

nhà dất trâu bò, gánh đồ đạc về

Cách mấy ngày sau, tên xã trưởng gian tham, vô ơn bạc nghĩa kia thấy anh em Nhạc vốn nghèo túng, cơm không có ăn, tự nhiên lại có tiền đóng gạo, nuôi thầy lang, phân phát cho láng giềng, hàng xóm nghèo đói, thì nghi ngay là anh em Nhạc thông mưu với cướp. Hắn đi trình quan. Quân lính tới vây bắt.

Ba anh em Nhạc tức giận nổi mình ở tốt mà bị xã trưởng bội bạc, bèn nhảy qua tường, xông đến nhà xã trưởng, tóm cổ hắn đánh mười trượng rồi chạy lên núi trốn. Lữ nhảy tường không kịp, bị quan bắt đem về tra tấn nhưng nhất định không nhận tội.

Nhạc, Huệ lên vào rừng, đói quá phải hái quả ăn cầm hơi. Chờ đến đêm, thương em bị giam cầm, Nhạc, Huệ lên vào phủ toan cứu Lữ, nhưng không cứu nổi. Hai anh em vào rừng nằm. Hôm sau, Huệ một mình đổi dạng thành lam lũ, giả làm trẻ bán rau, đội thúng rau vào thành bán. Đi lẫn trong đám đông người, Huệ nghe người ta nói quan huyện này mới đổi về vốn hay thơ, tính nết lại nhân hậu. Huệ đi thẳng vào cửa huyện, nói với lính rằng mình là một học trò nghèo, xin vào dâng quan một bài thơ. Lính vào bẩm, quan huyện thấy nói là một đứa trẻ thì lấy làm lạ, truyền cho vào.

Huệ sửa soạn quần áo cho ngay ngắn, tiến vào chỗ quan ngồi. Quan ra đầu đề Huệ xin bút giấy, xin ghe ngòi chĩnh tề rồi mới đề thơ. Lính dâng lên, quan huyện kinh ngạc phục thơ hay, khen tấm tắc mãi là có chí khí. Quan bảo lấy tiền thưởng, nhưng bấy giờ Huệ mới thú thực rằng mình có thằng em bị bắt oan. Huệ kể hết sự vô ơn, bạc ác của tên xã trưởng. Quan rất công minh, thấy đứa bé thơ hay võ giỏi, hiếu với mẹ già, khẳng khái giúp người, thương xót kẻ khó, tướng mạo khôi ngô, đứng ngời chứng chắc thì yêu mến lắm. Lập tức quan truyền tha Lữ. Rồi sai bắt xã trưởng

đến đánh hai mươi roi, lại bắt hẩn biểu anh em Huệ mười nén bạc để về nuôi mẹ.

*

Từ đấy, ba anh em lúc nào cũng quanh quẩn trong làng, chăm lo bên giường mẹ ốm. Bệnh bà cụ khi đỡ nhiều rồi thì mười nén bạc kia cũng tiêu hết. Ba anh em lại bảo nhau đi xin làm mướn. Lũ có vẻ hiên lành hơn hai anh nên dễ có người dám mướn. Còn Nhạc, Huệ trông bướng bỉnh, ăn to, nói lớn, đi đứng hùng dũng, ai thấy cũng khiếp, không dám rước vào nhà. Việc ba đứa trẻ đánh tan đảng cướp năm mươi tên có đủ khí giới để lấy lại của cải cho xã trưởng, rồi việc ba đứa trẻ đánh gãy xương trâu độn đại đi khắp chốn, khắp nơi khiến ai cũng thán phục.

Một hôm, mấy người đàn bà ngoài chợ đang thì thào thì có một vị sư ông đi đến hỏi chỗ ở của ba đứa trẻ. Hỏi rồi, sư ông chống gậy đến Châu Lộc tìm nhà Nhạc, ngờ ý muốn đón ba anh em về chùa nuôi làm tiểu. Cảnh nhà đang nghèo đói, ba anh em bèn quỳ lạy mẹ, rồi theo nhà sư đi. Đường từ Châu Lộc lên chùa xa hơn mười dặm, qua rừng qua núi. Nhà sư không nói năng, cứ lẫm lẫm bước. Bốn người đi vào một khu rừng. Bấy giờ mặt trời đang lặn, chim muông xao xác động trên các vòm cây âm u. Những con vượn, khỉ trên cành kêu riu riu, tinh nghịch ném xuống đầu bốn người những vỏ trái cây chúng đang ăn. Nhà sư vừa lội suối, trèo đèo, vừa lẫm lẫm hạt tụng kinh. Vẻ mặt nghiêm trang của sư ông, khiến ba anh em kính trọng, nhưng sự yên lặng ghê gớm ấy làm ba anh em không hiểu ra sao cả.

Huệ tính nóng nảy, thấy mình cứ phải lẻo đẻo theo sau thì hằn hè khó chịu. Nhạc ý tứ hơn, đoán nhà sư tất có cái hơn người mà chưa cho mình biết, nên luôn đưa mắt ngăn Huệ không cho làm gì lỗ mãng.

Mặt trời lặn hẳn. Những giống thú chạy loạt soạt vút qua bốn người nhanh quá đến nỗi không thể nhận biết là con gì nữa. Gió ào ào rung cây, bỗng trong lòng gió nồm nặc một mùi tanh tươi. Nhà sư lúc bấy giờ mới dừng bàn tay trên chuỗi tràng hạt, ngược nhìn chung quanh, nhưng vẻ mặt vẫn bình tĩnh không thay đổi. Một tiếng rít vang rền. Con đười ươi lớn như một con trâu mộng, từ một hang đá, đang gầm thét nhảy xuống suối lội sang chỗ bốn người. Nước suối bắn tóe lên, reo như sóng biển.

Nhà sư vẫn đứng yên, không nói một tiếng. Huệ đang bực tức, bèn rút dao trong lưng, sẵn ra bờ suối thủ thế trước. Con vật càng đến gần càng to quá, Huệ chỉ bằng cái đầu của nó. Nhạc cũng rút dao chạy đến đứng cạnh em. Lữ tuy có ý khiếp đảm, nhưng cũng liêu hăng hái rút dao chạy tới. Ba cánh tay của ba cậu bé lấy hết cam đảm, lấy hết sức lực giơ cả lên một lúc.

Ba bước nữa, hai bước nữa... Nhanh như luồng gió, Huệ lách nghiêng, đứng ré chân, định đâm cả lưỡi dao vào ngực con đười ươi. Con vật gào lên, nhào bàn tay dài rộng, lông lá ra nắm được bàn tay Huệ, lắc mấy cái cườì the the. Nhạc thấy thế nguy, vội dùng hết gân, nhằm đúng cổ con vật, nghiêng răng chém mạnh xuống. Đười ươi rú lên, rùng mình một cái. Huệ rút được tay ra. Bàn tay Huệ bị móng đười ươi cắm ngập vào ứa máu. Trong khi ấy máu ở cánh tay con vật cũng vì lưỡi dao Nhạc chém mà rỏ xuống, nước sôi đỏ loang. Con thú điên cuống, nhảy hẫ lên trên bãi cỏ, quờ hai tay toan tóm cả ba đứa trẻ mà xé nát. Huệ đang hăng, nhảy qua đầu đười ươi đâm xuống. Nhạc luồn ngang bụng sọc ngược lưỡi dao lên. Lũ thấy thế đười ươi quá dữ, và biết mình yếu, chậm hơn hai anh, chỉ nhảy nhót bên ngoài, chờ đười ươi quay lưng lại là đâm chí mạng. Con vật đã bị nhiều vết thương, máu phun ra tưới cả vào mặt mũi, quần áo ba anh em. Nhạc, Huệ cũng đã bị thương, và sức đã đuối. Con vật càng hăng máu càng gào thét, hai tay vờn múa, hai hàm răng to há ra tưởng chỉ nuốt một cái là

cả thân người chui tọt ngay vào bụng. Lữ lúc này cũng liêu lĩnh vì thấy máu ở da thịt hai anh, lăn vào đầm, nhân lúc đười ươi vừa xoay lưng tới. Bất đồ, đười ươi quay ngay lại, giơ chân đè được Lữ xuống. Lữ nằm chết bẹp dưới móng vuốt sắc như dao. Nhạc, Huệ cố cứu, nhưng đười ươi đã tóm được kẻ thù càng thêm khỏe. Hai cánh tay nó mỗi lần vung ra lại làm chần cánh tay Nhạc, Huệ, có khi làm cho hai cậu lao đao ngã. Đười ươi cúi xuống, toan tóm Lữ nhấc bổng lên xé nát ra. Vút nhanh như tia chớp, vị sư già nhảy đến, lao hai chân ra phía trước đá trúng ngực đười ươi. Con vật ngã bấn lại phía sau, rơi vào giữa suối, nước bắn lên trắng xóa. Minh con vật gieo xuống tảng đá, vang lên một tiếng tựa hồ trong cơn động đất vừa có một ngọn núi sụp đổ. Con đười ươi nằm không động đậy. Máu đỏ loang ra, dòng suối chảy cuộn cuốn máu nó vào lòng rừng sâu.

Vị sư lại đứng im, mặt thản nhiên như bao giờ cũng thế. Ba anh em Nhạc bấy giờ mới biết sức khỏe ghê gớm của kẻ tu hành, chỉ cần một cái đá mà một con đười ươi lớn như trâu phải bấn xa, tắt thở. Còn ba anh em tuy có khỏe, đã làm con vật bị thương, nhưng nếu không có nhà sư thì rồi cũng chỉ là châu chấu đá xe, và sau cùng sẽ kiệt sức, nát thịt xương trong cánh tay ác thú.

Ba anh em quỳ xuống lạy sư ông. Sư ông vỗ đầu ba anh em, đáp:

- Các con khá lắm đó!

Đáp một câu lạnh lẽo thế thôi, nhà sư lại cầm cúi đi, tay lần tràng hạt, đọc kinh như trước. Bốn người đi trong rừng tối, lẳng lặng như một đoàn ma quỷ. Đến chân một trái núi cao, nhà sư trở một ánh lửa trên ngọn núi.

- Chùa ta đó. Các con sẽ ở trên ấy mà học hành thêm nữa. Tuổi còn non, phải rèn luyện tài năng, tính nết thành già dặn và cương trực thì mới

làm nên nghiệp lớn được.

Từ đấy, ba anh em Nhạc ngày học chữ, đêm học võ trên núi cao. Nhà sư rất yêu quý ba cậu học trò. Mỗi tháng hai lần, nhà sư cho tiểu gánh gạo xuống núi, về Châu Lộc cấp cho bà mẹ Nhạc.

*

Ba anh em lúc này, văn đã giỏi, võ cũng cao cường. Nhạc mười sáu tuổi, Huệ, Lữ mười lăm, mười bốn. Một hôm, ba anh em Nhạc xuống núi vào rừng kiếm củi. Cảnh sơn lâm vắng vẻ ba năm nay đã khiến anh em Nhạc buồn, chán nản. Cả ba cùng nhớ mẹ, nhớ quê và thèm khát đi các nơi xa lạ. Nhạc bàn với hai em, rồi viết thư. Huệ cầm thư lên núi, lên vào buồng sư ông. Sư ông đi vắng, Huệ để thư đấy rồi xuống núi.

Ba anh em hướng lên núi quỳ lễ vọng thầy, đoạn lên đường.

Về đến nhà, anh em ôm lấy mẹ, mừng quá, cùng ứa nước mắt. Ở Châu Lộc ít ngày, ba anh em dắt mẹ đi kiếm ăn miền khác. Lưu lạc các nơi, sau đến một vùng biển. Ba anh dựng tạm một cái lều cho mẹ nằm, rồi đan lưới, ngày ngày đánh cá bán lấy tiền đóng gạo.

Một ngày kia, ba anh em dẫn gỗ rừng làm chiếc bè lớn, lấy lá cây rừng kết lại làm buồm. Bè đã thả xuống biển rồi, anh em Nhạc công mẹ xuống, dong buồm thẳng ra khơi. Bè trôi đến một cù lao hẻo lánh, cây cỏ um tùm chưa có vết chân người. Nhạc ghé bè vào, công mẹ lên, rồi lại cùng em dẫn cây, dựng một túp lều nhỏ. Cuộc sống phiêu lưu nơi chân trời, mặt biển làm cho ba anh em vui thích. Khi ấy, việc thả lưới quảng chài hàng ngày được nhiều cá lớn, ăn không hết, vào bờ bán cho các làng xóm được rất nhiều tiền, lại càng khiến mấy mẹ con yên lòng, không lo phiền nữa.

Những lúc rảnh rỗi, anh em Nhạc lại ham mê luyện võ. Huệ đóng nhiều bè, bện người rơm đặt lên các bè giả làm lính. Lính rơm cũng cần khí giới y như lính thực. Huệ thả bè ra khơi, cần cò đứng chỉ huy. Nhạc và Lữ cũng chỉ huy hai toán bè khác. Trận dần thành hai bên, Huệ một mình dẫn sáu bè, địch với hai toán bè của Nhạc, Lữ. Cờ đỏ ở tay Huệ, cờ xanh, cờ vàng ở tay Nhạc, Lữ múa ra hiệu. Huệ một tay đánh trống trợ oai, một tay múa cờ, múa kiếm, oai phong như vị nguyên soái trong một cuộc thủy chiến lớn. Ngày nào cũng tập, và tối đến, ba anh em lại đem các chiến thuật ra bàn tán. Về sau, Nguyễn Huệ có tiếng giỏi thủy chiến là do vậy.

Ở hoang đảo thấm thoát đã nửa năm. Nhạc, một hôm, nảy ý với mẹ muốn lên bộ, đi tìm cách lập thân. Rồi đó, Nhạc và Huệ xuống bè. Còn Lữ ở lại đảo đánh cá, cày bừa hầu hạ mẹ.

Nhạc, Huệ vào Bình Định. Huệ xin đi ở cày thuê. Nhạc xin được chân lính trạm, cưỡi ngựa chạy giấy công văn. Bình Định là nơi có nhiều ngựa quý. Hai anh em săn ngựa, tập cưỡi luôn, không mấy ngày đã giỏi, ngựa không yên cương mà cưỡi chạy như bay.

Một hôm, Nhạc chạy công văn đi nhàn đường, hết lương ăn. Ngựa chạy qua một cái trại cây trái rất lớn của một nhà giàu. Nhân lúc hết tiền ăn, lại nghe tin nhà giàu kia muốn mua ngựa tốt, Nhạc bèn xuống ngựa, gõ cửa trại.

Trại chủ ra, xem ngựa thì lấy làm ưng lắm. Giá cả xong xuôi, Nhạc bỏ tiền vào túi, rồi lập mưu, giả vờ làm ra tiếc rẻ con ngựa quý. Nhạc vuốt ve, thở dài mãi, sau nhân lúc chủ trại không để ý, Nhạc lấy quả ớt trong túi ra sát vào chỗ hiểm của ngựa. Tức thì ngựa phát cuống lên, lồng hí rầm rĩ. Chủ trại kinh sợ hỏi tại sao?

Nhạc đáp:

- Phàm ngựa khôn thì như thế cả. Để tôi cưỡi vài vòng cho nó đỡ cuồnng vó là yên.

Chủ trại cho Nhạc cưỡi. Thừa cơ, Nhạc phóng chạy luôn. Chủ trại đem ngựa hay hơn đuổi theo kịp, toan bắt lại. Nhạc thấy trước mặt một cái ao bùn, lại sinh kế, quất ngựa nhảy đại xuống giữa hồ bùn sâu. Chờ chủ trại bỏ ngựa quý đấy, vén quần lội xuống bùn dắt con ngựa mới, Nhạc cười bảo:

- Đấy, tôi xin trả ngựa ông.

Nói rồi, Nhạc nhảy từ yên ngựa xuống bùn, lội rất nhanh lên bờ. Người kia vừa lồm bồm lội được đến con ngựa ở giữa ao thì Nhạc đã lên bờ và nhảy phắt lên con ngựa quý đang gặm cỏ, vừa ra roi phóng vừa nói to:

- Tôi không thêm lừa ông đâu. Chờ chạy xong công văn, hôm khác tôi sẽ đến trại trả ngựa ông.

*

Sau đó, vì lẫn ngựa, chủ trạm bắt đầu đuổi đi. Nhạc lại cùng Huệ lang thang. Ít lâu sau, hai anh em trở về hoang đảo đón mẹ và Lữ, đem nhau vào miền Nam, lập nên sự nghiệp.

Ngọc Giao

Truyện Bá, số 72 năm 1943

NHỮNG NGÀY THƠ ẤU

Kính tặng hương hồn Mẹ hiền

Tôi vẫn đợi chờ một dịp trở lại thăm cái tỉnh lỵ nhỏ bé ngày xưa tôi đã sống ngày thơ ấu. Cũng đã có nhiều lần xuống Hải Phòng, đứng ở bến Sáu kho nhìn về một góc trời xa xôi kia, lòng bỗng thấy buồn nao nao. Tôi có thể xuống ngay chiếc tàu dưới bến để rồi sau đó vài giờ sẽ được đặt chân lên cái đất ngày xưa thân yêu của mình nhưng chẳng có lần nào tôi quyết định, vì lần nào tôi cũng ngại ngùng tự hẹn thề rằng hãy để dành tới một dịp sau.

Thế mà bao nhiêu dịp sau đã tới, tôi vẫn chưa trở về cảnh cũ, xem sự đổi thay đã đến thế nào rồi.

*

Ấy là tỉnh lỵ Quảng Yên. Hồi xưa, Quảng Yên chỉ mới có ba bốn phố lung củng những căn nhà gạch một tầng xây lối cổ của người Nam. Một bức thành dài bao quanh trái núi chiếm gần hết tỉnh, trên đó dựng trại lính và bệnh viện cho người Pháp. Ngay đầu tỉnh, hàng mấy chục cây thông cổ thụ mọc rải rác đó đây, thân xù xì mang những chiếc vẩy dày cộp, lá xanh thẫm, về mùa xuân cả tán cây như lên hàng ngàn vạn chồi non màu lửa hun nom tựa những ngọn nến đang reo cháy, nhìn chúng khiến lòng ta nao nức lạ thường.

Nhà tôi ở ngay bên chân núi ngoài thành. Một lớp nhà tranh, một khu vườn dâu, dăm ba con dê trắng, đó là cả sản nghiệp của thầy mẹ tôi.

Ngày ấy đã có một “trường nhà nước”, tôi xin vào học lớp tư. Tôi nhớ tôi có một người bạn ở liền bên cạnh, và tôi nhớ mang máng tên anh là Dị. Dị cũng gầy, bé như tôi, nhưng có cái khác tôi nhiều quá: anh là con nhà giàu. Cái tòa nhà gạch rộng rãi, mái ngói còn nguyên màu đỏ chói đột khởi bên lớp nhà tranh làm cho tôi sợ sệt và làm xa cách cái tình bè bạn của tôi đối với Dị. Không bao giờ tôi dám bước vào nhà anh. Những lúc sang rủ anh đến trường, tôi chỉ đứng thập thò ngoài cửa. Bà mẹ anh nhiều khi vậy gọi tôi vào ép ăn quà sáng với anh. Nhưng tôi ngượng nghịu lùi ra xa đứng nấp sau một gốc cây, đợi cho đến lúc Dị ăn xong. Cốc sữa trắng nõn, chiếc bánh tây vàng nóng, những quả chuối trứng cuốc mà tôi vừa liếc thấy trên bàn ăn của Dị khiến tôi thèm lắm, tôi đứng sau gốc cây để nuốt nước bọt và để nghĩ rằng tại sao mẹ tôi lại không mua cho tôi những thứ quà sang trọng ấy. Tôi định bụng đi học về sẽ hỏi mẹ tôi như thế, song lúc thấy mẹ tôi ra thềm giơ tay đón chiếc cặp sách của tôi, tôi lại quên mất câu hỏi đó. Vội vàng, tôi chạy xuống dãy nhà ngang trèo lên giá tre nhòm xem những nia tầm phủ kín lá dâu. Những nắm lá dâu mẹ tôi hái ngoài vườn mới bỏ vào, những con tằm trắng mập xinh xắn bò ngổn ngang trên những chiếc lá non xanh mướt, mùi thơm như một thứ mùi cỏ quý. Tôi mãi xem tằm ăn, quên cả rằng mình chưa ăn. Mẹ tôi xuống đứng sau tôi. Tôi ngảnh lại thấy vẻ mặt mẹ tôi không vui, tôi khẽ hỏi:

- Lứa này có khá không hả mẹ?

Mẹ tôi nhặt một con tằm đã chết vớt ra sân lặng đi một lúc rồi mới đáp:

- Hồng nhiều con ạ.

Bà cúi xuống thở dài. Có tiếng động ở ngoài vườn. Bà gọi:

- Ông Bồng ơi!

Ông Bồng là một ông già, mặt đen bóng như đồng hun, tóc đã lâm râm trắng. Ông ta lom khom bưng một thúng sắn mới đào đặt dưới chân chúng tôi, kéo vạt áo lau mồ hôi trán. Ông ta kiễng chân nhìn khắp lượt các nia tằm rồi lắc đầu không nói. Mẹ tôi thấy ông Bồng đã phải thất vọng thì tin ngay rằng lúa này hỏng thật, bà rơm rớm nước mắt nhìn ông ta:

- Có cách gì chữa được không ông?

Ông Bồng nhìn mẹ tôi như ái ngại, rồi cúi bưng thúng sắn ra ngoài giếng:

- Chữa sao được ạ. Còn nhờ trời, hãy chờ vài hôm nữa xem sao.

Đó là câu an ủi mẹ tôi. Mẹ tôi lại khẩn trời mong cho lúa tằm khỏi hỏng, y như khi thày tôi hay tôi ốm, bà cũng khẩn trời như thế.

Tất cả tình thương yêu, trù mến, bà đã san sẻ hết cho chồng, cho con, cho đàn tằm, quên hẳn mình.

Ông Bồng cùng ở với chúng tôi chung khu đất. Chính ông đã giúp thày mẹ tôi sửa sang lớp nhà tranh đó sau khi mua lại được của một người nghèo; ông đã hì hục bao đêm ngày đào cái giếng ở góc sân để lấy nước ăn; ông đã gây thành một vườn dâu và đã truyền nghề nuôi tằm cho mẹ tôi. Trước kia, ông Bồng cũng nuôi tằm, nhưng từ khi vợ ông chết, ông bỏ nghề, chỉ sống bằng mảnh vườn trổng sắn và bột hòng tinh. Ông có một thằng con trai. Nó gầy loắt choắt, đen đũi và nhanh như con vượn. Sáng nào nó cũng dậy từ mờ đất, xách thúng đi buôn bánh giò rồi ra ngoài bến đón tàu ở Hải Phòng sang để bán. Nó kể mẹ tôi nghe nó làm quen với tất cả các người buôn bán trong các tàu nên không bao giờ phải lấy vé; hề chuyển nào thấy chủ thì nó chui vào các đồng hàng hóa của hành khách

hoặc lẫn xuống hằm than. Nó tinh nghịch như quỷ sống nhưng rất có hiếu với bố, vì vậy mẹ tôi yêu nó vô cùng. Tôi nhớ những buổi sáng trời còn chưa tỏ, thằng bé con ấy không bao giờ quên gõ vào vách đánh thức tôi dậy học lại bài, và nhét qua những giống song tre một cái bánh giò nóng. Tôi vui sướng nắm chặt bàn tay nó; nó vội vàng rút tay lại, đội thúng bánh lên đầu chạy vụt ra ngoài ngõ. Sáng nào tôi cũng được ăn điểm tâm từ tình sương như thế. Một lần mẹ tôi thấy lá bánh ngoài cửa sổ, hỏi tôi. Tôi nói thực, tuy nó đã dặn mãi rằng đừng nói với ai. Mẹ tôi chờ nó ở bến về, gọi lên nhà đưa tiền trả. Nó nhất định không lấy, thưa rằng:

- Con biểu cậu, con không dám nhận tiền đâu.

Tôi nhớ nhất cái trò nó làm cho tôi phải cười những lúc tôi bị mắng hay là lo đến trường không thuộc bài thi. Hễ ở bến về, nó chạy ngay lên với tôi. Nó co một chân lại, nhảy lò cò quanh các cột nhà, miệng dẫu ra huyết sáo, hai bàn tay đập vào nhau theo nhịp cái câu nó hát đi hát lại:

Con còn bay lá, lá bay la, bay ra... bay ra Phố Cát, bay về... bay về Đồng Đăng.

Cô mình... có lấy... có lấy... ta chẳng! ới cô mình ới!

(Câu hát này, ngày nay đôi khi nhớ đến, hoặc nghe đứa trẻ nào hát đến, tôi lại thấy thằng bé con đen đũi, gày loắt choắt và nhanh như con vượn ấy hiện ra. Chẳng biết bây giờ nó đã làm gì. Lần nào đi qua các bến tàu, - bất cứ ở đâu, ở Sài Gòn, ở Cao Miên, ở các con sông xa lạ tôi đã từng đặt vết giầy, - tôi vẫn có ý tìm cái khuôn mặt quen quen đó, vì không hiểu tại sao, tôi cứ muốn tin rằng trời sinh ra nó là chỉ để cho nó sống mãi trên các bến tàu mà thôi... Thực vậy, tôi tin rằng nó đã là một kẻ giang hồ và có một điếu tin chắc hơn nữa là không bao giờ nó đổi).

Mãi với thằng bé con này, tôi bỏ xa Dị quá. Vậy tôi trở lại cùng người bạn học con nhà giàu ấy. Tình bè bạn của chúng tôi, về sau này, thân thiết hơn một chút, tại từ cái buổi sáng tôi đứng chờ anh ở gốc cây, anh thường sang nhà tôi để rủ tôi đi chơi, đi học, chứ không được tôi sang nhà anh trước. Sự thay đổi ấy có lẽ do cái thông minh của Dị đã có sẵn ngay trong tuổi còn măng sữa đó chăng!

Tôi dong mấy con dê trắng lên chân thành cho ăn cỏ. Dị theo tôi và nhận phần hai con để trông đỡ hộ. Chúng tôi hay ng ồi bên cái giếng to đào dưới thành, lúc nào cũng đông người kéo nước. Có lẽ đến gần khắp tỉnh ăn nước giếng này, vì ít nhà có giếng riêng. May mà nhà tôi có ông B ồng đào cái giếng nhỏ r ồi, chứ mẹ tôi tiết kiệm không nuôi đầy tớ biết nhờ ai gánh nước cho! H ồi ấy chưa có máy nước và đèn điện. Tôi còn nhớ những buổi chiều mùa hạ, trước nhà tôi hoa xoan tây rụng trắng cả con đường lát đá, tôi đứng chờ một lão già câm. Chiều nào lão cũng móc ở cái túi áo tây vàng ra cho tôi một con cánh cam, r ồi lão mới leo cái cột đèn sắt sơn hắc ín để đánh diêm châm ngọn đèn d ầu đặt trong cái hòm kính bảm đầy cát bụi. Mỗi phố cách một quãng khá xa mới có một cột đèn, tất cả tỉnh chỉ có chừng hai chục ngọn, cho nên sở Lục lộ của tỉnh nuôi có một mình lão để làm cái việc rất quan hệ cho một dúm dân, khi mặt trời đã tắt. Những tối có trăng, các phố lại thiếu cái ánh lửa vàng đục ấy, không hiểu sở Lục lộ muốn hà tiện bậc d ầu, hay muốn cho người ta thưởng thức cái đẹp của đêm trăng. Riêng tôi, tôi mong cho mau hết tuần trăng để lại được gặp lão già câm, để đón con cánh cam xanh biếc và ngửa mặt lên chờ bàn tay lão khẽ vuốt tóc tôi, r ồi lão lại quàng chiếc thang tre vào cái vai gầy yếu, lẳng lẳng đi đến cây đèn khác. Một buổi tối trời trở rét, tôi cũng ra chờ lão. Hôm ấy, hết mùa thu cánh cam không còn nữa, lão chưa tìm được con gì cho tôi. Tôi hiểu thế, bởi lão ta chỉ tay lên cây, lên trời u ơ nói. Lão trèo lên thang. Tôi thấy cái thang run theo hai bàn chân lão. Khi ngọn đèn d ầu ở

trên đầu tôi đã sáng, lão từ từ xuống, cái thang run hơn lúc nãy nhiều. Nhìn lên mặt lão, tôi thấy đôi mắt lão đỏ ngầu lên, và nước rãi ở cái miệng móm mém ứa rớt xuống cằm.

Lão xoa đầu tôi; lần này, không hiểu sao, lão cúi thấp người nhìn vào mặt tôi một lúc rồi mới kéo lê cái thang đi...

Tối hôm sau, tôi lại ra cột đèn chờ. Nhưng một sự ngạc nhiên là tôi thấy một người trẻ tuổi vác thang sầm sầm tới. Khi người ấy xuống, tôi hỏi thăm lão già thì y cho tôi biết tối qua trong khi ốm, lão cố thấp đến cột đèn cuối cùng ở ngoài bến thì đuối sức bị ngã từ trên đầu thang xuống đất, chết ngay.

Cái chết của lão già cam khiến tôi ngờ ngẩn mất mấy ngày. Và tôi cứ rùng mình nghĩ đến đôi mắt đỏ ngầu của lão nhìn tôi lần sau chót đó.

Mẹ tôi thường cho tôi theo đến chợ. Không phải là chợ ở trong tỉnh mà cách xa một quãng đường dài. Chợ họp trong một rừng thông, một bên có núi đồi, xa xa là biển cả mênh mông, đứng ở chợ nghe rõ tiếng sóng vang dội lại.

Mẹ tôi hay mua những con “bông thùa”, giống như con đĩa, - cái giống này tôi sợ lắm, cũng như bây giờ tôi sợ đĩa, sợ giun. Lần nào đi chợ về tôi cũng được bung một rổ sim đây, tôi cùng Dị ăn đến hai ngày mới hết. Lần nào đi chợ về tôi cũng được mấy cái mai con mực, Dị và tôi hì hục dùng mấy cái mai mực làm thuyền chiến, trên có lính cất bằng giấy cứng, đủ cả đao cung. Chúng tôi đem ra ngoài bến, thả bên những hòn đá dưới gậm cầu tàu. Sông Bạch Đằng thường có gió to sóng lớn. Hai cái thuyền trắng nõn nổi lênh bênh trên mặt nước đục ngầu, luôn luôn nhô lên, chúi xuống và chạm vào nhau. Hồi ấy đã được học lịch sử, chúng tôi có cảm tưởng rằng

đấy là một trận huyết chiến của Trần Hưng Đạo với Ô Mã Nhi của nhà Nguyên, - “Xưa kia, tại con sông này, biết đâu chẳng chính ngay chỗ chúng ta đang đứng, đã vùi bao nhiêu xương máu”, - nghĩ thế, chúng tôi la hét ầm lên, trợ oai cho mấy anh lính giấy đang va đập vào nhau.

Một buổi sớm, độ h ỏi canh tư, tôi đang chập chờn đợi thằng con ông B ồng đến gõ vào vách đánh thức tôi dậy học bài thì tôi nghe thấy tiếng kêu văng vẳng ở bên t ầu, thầy mẹ tôi cũng vùng cả dậy, ai nấy ngơ ngác lắng tai nghe.

Tôi loáng thấy bóng ông B ồng chạy vút qua cửa sổ. Mẹ tôi gọi giật ông lại hỏi, giọng bà run lên:

- Cái gì đó hở ông?

Ông B ồng đáp vội vàng, giọng ông run run:

- Ngoài bên có tàu bị đắm, không biết thằng Bống nhà tôi có làm sao không.

Nói r ồi, ông chạy biến ra ngoài bờ rào dâm bụi. Tôi ng ồi trằm chằm run b ần bật, thấy hiện ra biết bao xác chết. Mẹ tôi cũng run bắn cả người, và bà lẩm bẩm khấn Trời, c ầu cho không ai chết, nhất là thằng Bống, bà c ầu cho nó đừng đáp thuyền ra bán hàng ở chiếc tàu bị nạn kia. Tôi cũng lo cho nó lắm. Cái chết của nó, nếu xảy ra, sẽ khiến tôi đau bu ồn hơn cái chết của lão già câm kia nhi ều. Cả nhà tôi im lặng, lắng nghe tiếng kêu ngoài sông lúc này càng vang rộ thêm lên. Bống có tiếng chân người chạy huỳnh huých ngoài ngõ, r ồi thằng Bống đẩy cửa chui vào. Tôi mừng quá nhảy xuống giường ôm lấy nó. Nó hớn hên thuật cho thầy mẹ tôi nghe cái tai nạn vừa xảy ra: đó là chiếc t ầu “Thông Vôi” ở Hải Phòng v ề

Tàu đang lượn dần vào cặp bến thì hành khách tranh nhau lên trước đò xô về một mạn, nhân lúc sóng gió to, tàu chòng chành, nước ủa vào, rỗ nghiêng chìm xuống. May nó đi lấy bánh, chạm ra một chút thành ra thoát chết. Mọi khi tàu sắp đến nơi mới rúc còi, nó đã đáp thuyền ra bán bánh cho những hành khách đi suốt không lên bến.

Đến giờ đi học, Di và tôi ra đường, thấy người ta vác trên vai những kẻ bị nạn đắm tàu, hoặc chưa chết, hoặc chết rỗ, tóc rũ ra, mặt nhợt như tờ giấy. Trời âm giá và mù sa trắng xóa, những người sống và những người chết ấy chạy vùn vụt trên đường để đến Nhà thương, nhà xác.

Chúng tôi sợ quá, đi lẩn sau các gốc cây. Qua Nhà thương, tôi ù té chạy. Từ hôm ấy, cái Nhà thương kia đối với tôi là một thứ ghê rợn nhất. Muốn trốn tránh nó, tôi phải tìm con đường khác xa gấp hai lần.

Một đêm, trời đen như mực, mẹ tôi thấy đau quặn bụng, bà đánh thức thầy tôi dậy đưa bà đến nhà thương đẻ. Lúc qua nhà ngang, chỗ buồng tắm, mẹ tôi còn soi đèn xem các nĩa tằm còn lá dâu không rỗ mới ra đi. Đêm khuya xe không có, thầy tôi xóc cánh tay mẹ tôi qua mấy con đường mới đến Nhà thương.

Than ôi, lần ra đi là lần mẹ tôi vĩnh biệt cuộc đời, cuộc đời chỉ có một người chồng, một đứa con và mấy nĩa tằm.

Mẹ tôi đã kiệt sức chết trên bàn đẻ, đứa con còn nằm trong bụng chưa ra. Mẹ tôi không được gặp con khi tắt thở, cũng không được thấy chồng, vì lúc ấy thầy tôi chạy lên núi, vào Nhà thương Tây gọi viên đốc tờ người Pháp. Ông ta không xuống, còn mắc ngủ và ngại rét. Tôi nhớ tôi đang trùm kín chắn bởi sợ ma - cái đất này, ông Bồng bảo có nhiều cốt lăm, đó là bãi chiến trường ngày xưa - thì thầy tôi về khẽ kéo chắn ra và run giọng bảo:

“Mẹ con đi r ồi”! Giá lúc khác thì tôi không hiểu chữ “đi” là gì, nhưng ở lúc này tôi hiểu rõ ràng ngay cái nghĩa gớm ghê của nó. Tôi chui vào chăn mà khóc. Thày tôi lại mở cửa bước ra.

Ngày hôm sau, ở Nhà xác về, tôi thấy ông B ồng đang ng ồi sơn chiếc quan tài. M ặt sơn đỏ như sắc máu! Bàn tay run rẩy của ông chậm chạp đưa chiếc bút sơn cùn trên tấm ván gỗ vàng tâm còn ướt, tiết ra một mùi hôi hám. Cổ quan tài đóng vội, cá không liền khớp, gỗ xấu nứt vỡ ra, ông B ồng phải lấy đất sét trộn vôi nhét vào. Cái quan tài của mẹ tôi! của người đàn bà suốt đời vất vả, thờ ch ồng, quý con, hy sinh đến nỗi quên cả thân mình.

(Ông B ồng! ông đã chết từ lâu r ồi, nhưng từ ngày nào, tháng nào, năm nào, tôi không biết, vì kẻ bạc bẽo này có trở lại thăm cái vườn dâu nương sắn nữa đâu! Tôi chưa được tạ ơn ông. Thú thực rằng, - vong hồn ông hãy tin cho tôi - ngày ấy, và cả ngày nay nữa, tôi th ần ước được ng ồi sơn một chiếc quan tài cũng bằng thứ sơn đỏ tươi ấy để liệm ông, để tạ ơn ông).

Hôm đưa đám mẹ tôi, sương mù tan đi, trời bớt lạnh và nắng hừng lên từ sáng sớm. Bốn người phu gày ốm do thằng Bống chạy đi mượn được, vác cỗ đòn gỗ mộc đến, đặt chiếc áo quan lên. Trống kèn không có. Theo sau chỉ có dăm ba người bạn làm việc cùng th ầy tôi. Dị đi kèm tôi một quãng r ồi trở về lúc nào tôi không biết. Thằng Bống đi trước, một tay c ầm cành tre buộc một tờ giấy h ồng đi đầu, một tay rắc những thoi vàng xuống mặt đường.

Qua khỏi tỉnh, đám tang đi vào một cánh rừng thông. Bắt đầu từ đây là đường đất núi thẳm như son; dưới những bước chân cất nặng nề, bụi đỏ vẫn lên bay tán mát. Tiếng gió reo nhẹ nhẹ trên cành thông, và tiếng sóng vỗ ngoài bờ biển xa, bu ồn hiu hắt. Chiếc quan tài đỏ chói dưới mặt trời

ngiêng nghiêng trên vai những kẻ ốm gầy nhọc mệt leo lên dốc núi. Màu đỏ bị nắng rọi vào càng nổi gắt lên trong cái màu xanh dịu của lá cây. Cái màu đỏ ghê gớm ấy thấm nhập vào đôi đờng tử tôi, vào đáy linh hồn tôi ngày thơ ấu, đến mãi bây giờ vẫn còn khiến tôi rùng rợn khi trông thấy nó ở đâu... ở cái áo trên mình người con gái, ở chiếc ca vát trên cổ một chàng trai. Cái màu đỏ không bao giờ tôi quên được, bởi vì nó là cái màu của máu, của chiếc quan tài mẹ tôi.

Bốn người phu dừng lại dưới một đờng thông. Tôi ngẩng lên, đã thấy ông Bồng đứng bên miệng huyết từ bao giờ, tay cầm cái cuốc. Thì ra, một mình, ông đã mò ra đấy từ canh ba, hì hục đào mãi đến lúc này mới xong. Mấy sợi thừng ròng xuống, mẹ tôi cũng từ từ xuống theo. Ông Bồng đứng xoạc chân sang hai bên thành huyết, cúi đờ áo quan cho được thẳng bằng, rồi ông là người trước tiên lấp đất. Hòn đất rần rori đánh thịch vào mặt ván thiên, lòng tôi đứt ra từng khúc, tôi tưởng mẹ tôi dưới đó đã bị thương, đã kêu lên, đã nhồm lên. Nhưng không, tôi không thấy gì hết, mắt tôi chỉ hoa lên vì những xẻng đất tơi tấp rori mãi xuống người mẹ tôi, - cái màu sơn đỏ chói mất dần, huyết cứ đầy dần.

Rồi thì, một nắm đất cao! Mấy nén hương tỏa vài tia khói trắng.

Ông Bồng rắc trên mộ những hạt vừng. Ông cất nghĩa rằng: làm thế, bảy ngày bảy đêm hạt vừng mọc thành cây, đưa bé trong bụng mẹ mới thoát ra đi đờ thai ngay cửa khác. Nếu không, thai còn vướng trong bụng cho đến vài năm thit người mẹ nát lữa ra, nó mới được thoát đi. Tuần lễ sau viếng mộ, tôi thấy hạt vừng đã lên cây. Tôi tin rằng vừa đêm qua đã có một vong hồn ở dưới ấy bay lên, và hiện lúc này đã làm người, đang nằm trong một cái nôi ấm áp.

Ông B ồng, thằng B ồng theo tiễn thầy tôi và tôi ra bến tàu một buổi chiều. Tôi bỏ học, thầy tôi thôi việc, trở về Hà Nội để xa lánh cái nơi đang chua nước mặn đã cướp đi mất của chúng tôi một người thân yêu. Dị cũng theo ra, chúng tôi đã thành thực khóc hết cả nước mắt của đôi bạn nhỏ.

Tàu rời bến, tiếng còi vang trên sóng nước. Ông B ồng chấp tay hứa với thầy tôi sẽ luôn luôn đắp điểm mộ phần mẹ tôi. Tôi với trông theo Dị và trông theo cái thuyền mai mực còn nổi bồng bênh giữa những hòn đá xám để buồn tiếc cái vui sáng của ngày thơ, mà từ lúc này có lẽ tôi không còn có nữa.

*

Thực vậy, mỗi ngày được sống, tôi càng gặp bao nhiêu thất vọng, nếm bao nhiêu cay đắng. Bây giờ gặp Dị, chắc chúng tôi phải lạ nhau. Cái cậu bé con nhà giàu ấy sướng từ thuở lọt lòng, ngày nay đã làm gì rồi đây? - Làm quan, làm ông phán, hay là... Nhưng quyết là không làm cái nghề này như tôi.

Bởi ngày xưa, những lúc chúng tôi ngồi trên núi coi dê, Dị chỉ thích nói chuyện khai mỏ, làm nhà, đóng tàu thủy chạy ganh với tàu “Thông Vôi”, “Phi hồ”, - còn tôi, tôi chỉ mê đọc “Tùy Đường”, “Tam quốc”, và học thuộc lòng thơ ngụ ngôn, - tôi thuộc nhất bài thơ cô ả đi buôn sữa. Tôi thường đọc bài ấy giễu anh. Đến bây giờ, tôi nhận ra rằng ngày nhỏ tôi đã tự giễu tôi, tôi đã tiên tri cuộc đời tôi mà tôi không biết. Tôi đã âm thầm ôm bao nhiêu mộng, nuôi bao nhiêu chí hướng, để rồi thì không làm gì khác hơn cái nghề bán h ần, bán óc này năm sáu năm nay. “*Như thế chẳng đủ lắm rồi ư!*” .

Tôi trích câu này trong bức thư của một người bạn ở Rạch Giá viết cho tôi khi được tin tôi già nghề viết để đi làm nghề buôn. Người bạn xa của tôi ơi, vậy ra như thế cũng đủ lắm rồi à? Nhưng mà ở cái đất nước mình, bạn chẳng thấy ư, biết bao nhiêu nghệ sĩ vẫn nằm co đấy...

...

Tôi say lời, lạc bút mất rồi. Đáng lẽ tôi nói đến việc bốc mộ mẹ tôi từ này.

Thầy tôi, chừng mười năm sau, lại xuống Quảng Yên xin giấy phép ông Sứ để mang xương mẹ tôi về quê hương. Đêm nằm nhà trọ, thầy tôi đã chiêm bao thấy mẹ tôi đứng đầu giường, tóc xõa ra, mình mặc cái áo mà thầy tôi đã mặc cho lúc chết. Mẹ tôi khóc nức lên mấy tiếng rồi biến đi ngay. Ấy là lần đầu, thầy tôi thấy mộng. Vốn không mê tín mà lúc kể chuyện tôi nghe, thầy tôi cũng phải nhận rằng khi đó lòng rất tỉnh, mới nằm chưa ngủ, rõ ràng thấy cái bóng đứng trên đầu, rõ ràng nghe tiếng khóc.

Chiều hôm sau, thầy tôi xách chiếc va li, tôi nhớ là một chiếc va li bằng mây đan, xuống một chiếc tàu thủy sang Hải Phòng. Hôm ấy sông sóng nhỏ, tàu chạy được nhanh. Nhưng bỗng nhiên một mạn tàu cứ dần dần nghiêng lệch, có mấy người kêu lên. Tức thì mại bản đi xem máy móc, rồi đi lục lọi khám xét các đồ hành lý.

Thầy tôi lo lắm. Nếu họ mở đến chiếc va li, lẽ tất nhiên họ vớt xuống nước liền, và họ còn làm lôi thôi nữa. Ấy là do cái dị đoan của các tàu bè trên sông họ cho rằng hễ tàu nào mang cốt người thì bị đắm. Thầy tôi lo quá, họ vẫn lục soát kỹ càng, sau không biết làm sao thầy tôi phải khấn đến vong hồn mẹ tôi. Chẳng rõ vong hồn mẹ tôi có xui khiến gì chẳng mà bọn mại bản sắp đến chỗ thầy tôi bỗng không khám nữa, vì tàu đã thôi nghiêng

và đã gần đến Cảng. Thế là được thoát. Gặp xe lửa, thầy tôi đáp về quê ngay.

Xuống một ga nhỏ, thầy tôi một mình với cái va li đựng mớ xương khô, đi giữa những cánh đồng không, giữa những bãi tha ma mù mịt tối.

Về tới đầu làng, bởi kiêng không nên đem cốt vào nhà, thầy tôi giấu chiếc va li trong một bụi tre gai, bẻ cành lá phủ lên trên.

Một ông thầy địa lý đã được mời về đợi trước và những người anh em họ tôi, được tin thầy tôi tới nhà rồi liền thấp đuốc, dong đèn, vác thuổng cuốc kéo ra nghĩa địa. Tôi cũng được người ta đánh thức dậy, thấy thầy tôi thì mừng rỡ quá, rồi tôi đi theo bọn người kia đi. Gió đêm thổi lồng lên rét lắm. Trời tối đen, giờ bàn tay không trông rõ. Mới có canh hai. Phải làm ngay, vì ông thầy địa lý bảo nếu trễ quá giờ thì hỏng hết. Ông chú họ tôi lấy lá chiếu căng trên đầu huyết che hướng gió. Mọi người im lặng vì gió rét bạt hơi, và có lẽ cũng vì bị bao bọc trong cái khí âm ghê rợn nên không ai muốn nói.

Chị họ tôi vừa gánh ra một nãi nước trầu hương. Tôi trải tấm vóc hồng vào trong lòng chiếc tiểu sành. Trong khi ông thầy ngấm lại huyết xem đào có đúng theo những đường dây ông căng không thì các anh họ tôi mở va li ra, nhặt từng mẫu xương nhúng vào chậu nước trầu cọ rửa. Trước tôi còn sợ, sau nhìn mãi thấy dạn đi. Tôi tranh phần rửa cái đầu lâu. Cái đầu lâu bây giờ ở trên tay tôi, đập nát, nên tôi nhẹ tay kéo võ! Cái đầu lâu ngày xưa kia, có mớ tóc dài óng chuốt như tơ, có đôi mày liễu, cặp mắt bồ câu, hai lúm đồng tiền, hai hàm răng hạt na đen nhánh - hàm răng đen của người đàn bà Huế. Tôi gỡ những sợi rễ thông bám vào trong đôi hồ mắt, trên cái xương hàm, rồi hai tay bưng đặt vào trong tiểu sành. Đã đến giờ, ông thầy bảo mọi người hạ tiểu.

Rồi thì lại một năm đất cao! Lại mấy nén hương tỏa lên vài tia khói trắng.

Sự xê dịch của mẹ tôi trong cõi chết thế là xong. Cả kiếp tài hoa của người thiếu nữ sông Hương chỉ còn gửi lại một nắm xương khô ở quê chôn nơi xứ Bắc.

(Đăng Tiểu thuyết thứ Bảy, số 300-301/1940)

THẮNG BỜM

I

"Ồ, Bờm ơi, có thương u thì con phải cố mà làm với người ta, chứ mẹ nghèo túng thế này, cơm ngô cơm khoai cũng không đủ no đâu con ạ.

Tôi vẫn ngồi trên đồng rơm ở góc sân, nhai ngấu nghiến củ khoai lang sống vừa mót được ngoài đồng. Hết u tôi ngẩng lên trông, tôi ngậm ngay miệng lại và giấu củ khoai vào bọc. U tưởng tôi chưa có gì vào bụng, càng thương, càng dỗ, bà biết đâu rằng dạ dày tôi đã căng khoai sống nước sông, rằng một đứa trẻ thiên tính địa quý như tôi bao giờ chịu đói.

- Ồ Bờm ơi, bỏ nhà người ta mà lên về với mẹ, nhớ người ta vụ cho ăn cấp ăn trộm cái gì thì khổ cả mẹ lẫn con. Con đi đi, kéo u lo sợ lắm. Đừng trêu vào cửa nhà giàu con ạ. Mình nghèo phải biết phận mình mới là người chứ.

Tôi vẫn không chuyển lòng. Tôi nhai vụng khoai một cách ngon lành. Ngọn đồng rơm cao sát với cành cây bưởi. Tôi sẽ rún mình đu lên, ngồi vắt vẻo trong đám lá rậm.

- Ồ Bờm...

U tôi ngẩng lên thấy mất tôi, tưởng là tôi đã lén ra ngoài xóm, ngoài đình đánh khăng đánh đáo thì buồn rầu, đặt mẹt gạo đang sàng xuống, gục đầu vào vách khóc. U tôi khóc như thế đã nhiều, có gì lạ đâu. Cái tính hư hỏng, ngỗ nghịch của tôi càng khiến tôi tức bực. Tôi nghĩ đến những thằng bạn ở ngoài đồng, ngoài đình chùa đang cười đùa vui thích và hẳn là chúng đang nhắc đến tôi. Đại danh của tôi vang như sấm trong đám trẻ làng này,

làng bên nữa. Chứ không ư! Thi bơi, tôi nhất. Thi vật, tôi nhất. Chúng bầu tôi làm đô vật. Thi đặt câu hát về đề chế cô gái mắt toét của ông Lý Cựu, đề chế ông Nhiều Khờ tham ăn, tham uống, đi ăn cỗ ở đám nào về cũng say khướt và cũng ốm đến ba ngày vì bội thực. Tôi có cái khiếu làm về nhanh, người lớn cũng phải phục, duy có cô gái mắt toét của ông Lý Cựu và con gái ông Nhiều Khờ là ghét tôi lắm. Không cần ! Họ đã ghét tôi, thì tôi nghĩ ngay một bài hát để tôi tự giễu tôi cho thiên hạ buồn cười nhân thế. Quả nhiên khắp làng đều buồn cười.

Cái bài ấy được người lớn nhắc nhởm và trẻ con đi đâu cũng hát văng lên, thế này:

Thằng Bờm có cái quạt mo,

Phú ông xin đổi ba bò chín trâu

Bờm rằng: Bờm chẳng lấy trâu

Phú ông xin đổi một xâu cá mè

Bờm rằng: Bờm chẳng lấy mè

Phú ông xin đổi ba bè gỗ lim

Bờm rằng: Bờm chẳng lấy lim

Phú ông xin đổi đôi chim đôi mồi

Bờm rằng: Bờm chẳng lấy mồi

Phú ông xin đổi hòn xôi, - Bờm cười.

Bài hát hay thế, văn chương thế, ai mà không phục, hả! Tôi lấy làm tự đắc ra phết. Người ta bảo tôi giá là người ngày xưa, đi học, đi thi, ắt là đỗ Trạng. Đã không được đỗ Trạng, thì sau này, tôi cũng đã có một thời đi... bán nhật trình giữa cái tỉnh Hà Nội to lớn gớm ghê. Hôm nào tôi cũng được ngồi ở đầu phố dưới mái hiên, hay dưới cột đèn mà đọc văn thơ của các ông nhà báo. Đọc xong rồi thì tôi cũng thường làm ngay một bài về (hay bài thơ cũng thế) để đọc cho các bạn đồng nghiệp tẻ hon của tôi nghe. Chúng đều phục lắm. Và cũng như những ông người lớn ở làng, chúng giục tôi sao không gửi bài thơ ấy đăng báo, cho nó oai. Chuyện oanh liệt ấy, các bạn kiên nhẫn đọc tôi sau này sẽ rõ. Bây giờ hãy xin trở lại với cái thằng tôi, thằng Bờm lêu lổng, lười nhác, khổn nạn ngày ngày làm cho u nó đau khổ khóc một mình.

Vâng vâng, mẹ tôi còn khóc bên bức cửa, bên đồng rơm, trong xó bếp, dưới cầu ao. Than ôi, người mẹ góa bụa nghèo khổ còn khóc nhiều vì thằng con côi bất hiếu bất nghĩa này, rồi đến ốm mà chết mất.

Chiều hôm đó, chơi nghịch chán, mớ khoai sống đã tiêu hết rồi, thấy đói quá, tôi mới mò về U tôi đang nằm rên ở trong buồng. Tự nhiên tôi thấy thương u tôi lắm. Nhưng đang đói, tôi cần tìm cái gì ăn đã. Trong chạn còn một bát cơm trộn ngô, và đĩa tép rang mặn. Tôi ngẫu nhiên. Ăn rồi, tôi ra vại nước mưa uống một gáo đầy. Tôi vươn bụng, đứng tần ngần một lát. Không biết nghĩ ngợi thế nào, tôi lại quay ra ngõ. Bỗng có tiếng u tôi gọi giật ở trong buồng. Chờ u tôi gọi hai câu nữa, tôi mới vào. U đưa tay sờ soạng đầu tôi, vì buồng tối lắm. Bàn tay rất nóng, quờ quạng lên má, lên cổ tôi. Tôi ngập ngừng, khẽ hỏi:

- U sốt?

Tiếng u tôi khẽ ừ, chìm vào tiếng khóc nức lên.

Lòng tôi xao động. Tôi không biết nói gì, chỉ biết đưa một ngón tay lên mút. Gió rít ngoài vườn chuối sau nhà. Gió thổi phàn phật vào những bức cầu đôi vải trắng treo ngoài bàn thờ thày tôi. Hình ảnh cái áo quan hạ từ từ xuống vũng nước bùn, làm cho tôi nhớ đến sự tan nát của gia đình tôi, làm cho tôi bắt đầu thương người mẹ ốm gầy đầu bịt khăn ngang trắng suốt ngày đi gồng thuê gánh mướn để nuôi con, mà thằng con ấy thì suốt ngày chơi bời lêu lổng, ăn vụng ăn trộm của dân làng để người ta đến tận cổng mà chửi réo.

Bàn tay nóng hổi kéo áo tôi, bảo ngồi xuống cạnh giường. U tôi thôn thức:

- Bờm ơi...

Tôi không biết nói sao, im lặng. Nước mắt trào ra lúc nào không rõ, tôi gục vào ngực u tôi mà nức nở:

- U ơi, u ơi!

Hai mẹ con khóc trong bóng tối. Khóc một lúc rồi tôi vùng chạy ra khỏi buồng, vùng chạy ra ngoài xóm. Sắp đến nhà cụ Chánh tổng, tôi dừng lại, nấp vào bụi cây. Trống ngực tôi đập mạnh. Tôi nhớ lại lời u tôi nói sáng nay: “Con bỏ nhà người ta lòn về với mẹ, nhớ người ta vu cho ăn cắp cái gì thì khổ cả mẹ lẫn con...”

Cái mặt hung ác của cụ Chánh tổng hiện ra dọa nạt tôi, đáng sợ như ông Ba-Bị, nếu thực có ông Ba-Bị. Tôi muốn trở về với u tôi. Nhưng u tôi đang ốm, ốm vì không dạy được tôi, không khuyên được tôi trở về nhà, chần chừ cắt cổ cho cụ Chánh.

Vì làm ma thầy tôi, u tôi mắc nợ cụ Chánh một món tiền. Không trả được, chỉ còn cách bắt tôi sang bên cụ làm nô lệ. Tôi đã ở được năm sáu tháng. Năm sáu tháng nếm đủ nỗi nhọc nhằn: cơm thừa và roi vọt. Trong khi ấy, mẹ tôi đi gồng đi gánh cho người ta. Hai mẹ con mỗi ngày gặp nhau một lần. Ấy là vào buổi chiều, ở chợ về thế nào u tôi cũng mua cho tôi nắm bông mật, thứ quà tôi thích nhất. Gặp nhau có nói được gì đâu. Tôi đứng bên trong cổng gạch nhà cụ Chánh, u tôi đi qua rón gót cho chó nhà cụ Chánh khỏi sủa, rồi vội vàng ném gói quà vào. Tôi đỡ lấy. Bao giờ cái bóng gầy còm của u tôi đi khuất, tôi mới len lén vào phía sau ao, nấp vào một bụi cây mà ăn.

Sự nhẫn nhục chỉ có chừng, khổ quá, tôi đâm ra mất liều. Tôi trả thù cụ Chánh bằng cách bắt trâu cụ nhìn đói. Dắt ra đồng, tôi buộc ghịt mũi vào gốc đa, không cho gặm cỏ. Có khi tôi đánh xuống sông, buộc vào chân cầu, trâu ngâm mình cả ngày, rồi chờ tối nhọc mắt người tôi mới dắt về, không ai biết. Đã có một con bị ốm đói, cụ Chánh cứ bắt cày, trâu lăn ra chết ngay trong ruộng. Tội ác ấy khiến tôi hối hận mất mấy ngày. Đôi mắt lờ lờ đỏ như tiết của con vật dọa nạt tôi bao nhiêu đêm. Tối, tôi không dám thò ra xóm nữa, mỗi lần nghe thấy cái tiếng “phì phì” ở đâu là tôi giật bản mình, ngỡ là ma trâu hiện lên báo oán.

Tôi vẫn cứ bị đòn. Việc đánh chửi tôi đổ trù vào món nợ nhỏ, người ta cho là một việc cần phải nhắc đi nhắc lại ngày ngày cho nó vui tay người ta chẳng! Bởi vậy, như trên các bạn đọc đã biết: tôi trốn về với u tôi.

Về nhà ở được hai hôm, tôi làm u tôi khổ sở, và bây giờ thì tôi đã hối, tôi đành liều trở lại nhà cụ Chánh, làm cho xong món nợ. Dù đau đớn xương thịt hàng ngày, ít ra tôi cũng giữ toàn chữ hiếu. Tôi khổ vì mẹ, vì cha, Trời sẽ thương tôi.

II

Trời thương tôi! Trời thương tôi!

Tôi cầu nguyện, mỗi khi muốn khóc. Tôi thương mẹ tôi đến xót xa lòng. Những gánh hàng nặng gánh thuê cho người ta, làm trĩu cái vai ốm gầy, suốt ngày này sang tháng khác, tôi muốn kêu lên, tuy cái thân tôi cũng vất vả chẳng kém gì. Tôi mơ ước đào được một miếng vàng, hay bắt được một gói giấy bạc bằng bắp đùi tôi, thì mẹ tôi tha hồ sung sướng như cụ Chánh.

Một lần, tôi đã ngây thơ thú cái mộng ấy với u tôi. U tôi gạt mồm cười “sà” một tiếng, cười bảo:

- Của bắt được có ra gì. U con ta cứ ở hiên tắt gặp lành. Trời thương, sao chả có ngày no ấm.

Than ôi, mẹ tôi chỉ dám cầu trời thương cho đủ no đủ ấm thôi, chứ không bao giờ mong có ruộng cả ao liền, nhà ngói, sân gạch như cụ Chánh. Sự ước mong của mẹ tôi thật là tầm thường, bé nhỏ, biết rằng sau này tôi có thể cho mẹ tôi vui mừng với cái cảnh đủ no, đủ ấm đó không? Tôi cứ tần mẩn tính rằng u tôi cố lắm cũng chỉ nuốt được hai bát cơm gạo粃. Mặc thì vài ba mảnh áo vải nhuộm bùn dày như khố tải mo nang. Cuộc đời của u tôi, của hầu hết những người nhà quê chỉ cầu có thể thôi, vậy mà họ vẫn gày mòn vì đói rét!

Thấm thoát qua hai năm ở nhà cụ Chánh.

Tôi đã được cụ tha cho về, vì đã trừ hết nợ, một lẽ nữa là cụ kêu nuôi tôi tốn gạo, tuy rằng tôi có tham cũng không nuốt hết những cơm thừa cơm vãi mà cụ chỉ dùng cho chó, cho gà.

Cái ngày được bước qua cái cổng gạch nhà cụ, tôi sung sướng như con chó tự nhiên tuột xích.

Mẹ con tôi lại đùm bọc lấy nhau. Bữa khoai, bữa cháo. Tôi không đi lêu lổng nữa. Tôi tập gánh đỡ u tôi. Tôi thổi cơm, trồng rau, nhổ cỏ. U tôi từ độ có tôi giúp, cũng đã được đôi lúc nghỉ mà hưởng sự an nhàn.

Đời tôi, một buổi sớm nọ đã sáng ra một chút. Một người đàn ông mặc áo sơ mi xanh cộc tay, quần tây vàng, đi giầy tây trắng, đã đến nhà tôi, khiến tôi hết hoảng. Mẹ tôi lúc ấy đang ngồi ngoài thềm vá áo, ngược lên dụi mắt, rồi lên tiếng:

- Anh Bếp đấy à? Anh ở Hà Nội về bao giờ thế?

Người đàn ông gọi u tôi là cô, và vẫy tôi lại, xoa đầu tôi, gọi tôi là em, rất thân mật. Tôi hết sợ, xán lại gần người lạ mặt ăn mặc sang trọng mà tôi được hân hạnh gọi là anh, anh Bếp.

Anh Bếp rất vui tính, luôn luôn cười. Có lẽ anh thích cười để mọi người trông rõ hai chiếc răng vàng của anh chẳng. Tôi kiêu hãnh, theo anh đi khắp làng. Hôm sắp lên tỉnh, anh đến chào u tôi. Anh bảo:

- Thằng bé em này giá cô cho lên Hà Nội, theo cháu tập làm ăn thì chóng khá lắm. Xem chừng tỉnh quái lắm đây. Ở đất Hà Nội mà tỉnh quái là không lo đói.

U tôi vẫn cho là câu chuyện đùa, thở dài đáp:

- Đấy, tùy anh. Anh thương cô thì cứ đem em đi, gây dựng cho em nên người.

Không ngờ, cuộc đời tôi xoay chuyển vì anh Bếp răng vàng. Anh cam đoan đem tôi lên tỉnh thật. Anh cam đoan gây dựng cho tôi nên người thật. Tương lai ời, tôi sẽ nên người gì đây? Tôi sẽ làm cái thứ hạng gì đây trong trời đất?

Thế là một buổi rạng đông, u tôi đã dậy nắm cơm nắm, vá víu rồi gấp mấy manh quần áo rách của tôi, u con tôi già biệt nhau. Tôi lên đường, Tôi xa cây đa đình làng, xa con sông nước đục và rất nhiều địa, xa những cái đầu để chỏm và những cái bụng ỏng của lũ bạn tí hon, nhất là xa cái cổng gạch, đàn chó dữ của cụ Chánh tổng, tôi lên đường. Tôi xin biệt mẹ già, làng xã, lên đường đi với anh Bếp răng vàng để tìm cách nên người, để cho u tôi được mãn nguyện với cái mộng rất tầm thường là chỉ dám cầu trời thương cho đủ no ấm mà thôi.

U tôi theo tôi đến bờ đê. U tôi khóc. Tôi chưa kịp khóc thì anh Bếp đã kéo tay tôi lôi đi tuồn tuột. Anh mắng tôi hèn nhát. Anh huýt sáo, hát cái thứ tiếng sì sồ, ngồ ngộ. Mắt tôi khô dần. Cổng làng đã khuất. Bóng mẹ tôi không còn thấy nữa. Anh Bếp huýt sáo và hát vang lên. (Sau này, đã lăn lộn ở mấy nước, ở hè phố Hà Nội rồi, tôi mới được biết là anh Bếp hát tiếng Tây). Tôi vui tai, vui chân, khuây ngay buồn. Con đường xe lửa đã hiện trên đường cao. Dây nhà ga rõ dần màu vôi vàng trong nắng thu tươi sáng.

III

Hà Nội! A ha, Hà Nội! Hà Nội như thế này à? Cái thằng nhãi ranh chăn trâu cắt cỏ ở ngôi làng bé nhỏ toàn đình chùa, toàn tre pheo, đồng ruộng kia, hôm nay mới được đặt đôi bàn chân bẩn thỉu lên Hà Nội, ngây ngô nhìn ánh lửa Hà Nội, hít thở với vẻ sợ sệt không khí Hà Nội. Hà Nội đẹp quá. Người đẹp. Nhà đẹp. Xe pháo đẹp. Cây cối đẹp.

Anh Bếp nói mãi với ông bà chủ mới xin được cho tôi chân thẳng bé phụ bếp, hay nói là chân thẳng nhỏ thì cũng vậy. Nhưng thẳng nhỏ ở đây cũng sướng. Tôi ở nhà tây ba từng. Tôi được ăn bít tết bò, bít tết thỏ, salad trộn trứng và dầu giấm. Tôi được giữ việc lau chùi ô tô. Những lúc không có ai, nhất là không có bác tài, tôi leo ngay lên nệm, ng ồi rất bảnh. Sướng! sướng quá!

Thế mà...

Không bao giờ tôi có can đảm nghĩ hết cái câu nó bắt tôi muốn khóc lớn lên.

- U ời, thế mà... u ở nhà, tường xiêu, mái dột. Ăn thì ngô khoai...

Mỗi khi nghĩ vậy, dầu đang ng ồi ô tô, tôi cũng trèo ngay xuống. Dù đang yến tiệc cùng anh Bếp răng vàng, tôi cũng thừ người, để rơi cùi dĩa phóng-xét xuống bàn.

Hạnh phúc không bền vững. Ông chủ tôi đổi vào mãi tận Sài Gòn. Anh Bếp đi theo. Tôi sợ cái xứ Sài Gòn xa quá, xin ở lại tìm chỗ khác làm. Dầu sao thì tôi cũng đã béo ra một chút r ồi, quần áo cũng lành lặn r ồi. Và việc đáng kiêu hãnh nhất là tôi đã hai lần gửi lương về cho u tôi. Có thằng con đi làm việc trên tỉnh mà gửi lương về, chắc u tôi lấy làm mát lòng mát ruột.

Tôi lang thang trong thành phố. Bộ quần áo trắng là hộp, sạch được hai ngày. Ngày thứ ba thì nó ngả nước cháo lòng, nh ầu nát.

Một hôm tôi qua bãi chợ hàng Da, một phường xiếc của người Nam mới đến, đang căng l ều, xếp ghế. Tôi xán đến xem voi, hổ. Các bạn h ản còn nhớ anh Bếp răng vàng khen tôi tinh quái? Tôi rất sung sướng nhận cái đức quý hóa ấy. A, nếu không, sao tôi lại đoán ngay ra cái ông mặt đen

choắt, người gầy lẳng khảnh, mắt như mắt vượn đang vuốt con bú dừ kia là ông chủ gánh xiếc này! Lập tức, tôi chạy đến lễ phép xin việc làm. Ông chủ xiếc nhìn tôi từ chân đến đầu rồi bằng lòng cho tôi nhập vào ban xiếc. Nói thế cho sang, chứ công việc tôi là quét, quét, hầu hạ các ông voi, hổ, bú dừ. Thế cũng danh giá chán rồi. Tôi biết có những anh xe, anh nhỏ đứng ngoài bờ rào kia đang thèm địa vị của tôi lắm. Chứ gì, được chơi thân với voi, gấu, hổ, báo mà dễ lắm à?

Tôi vào làm đã được hai ngày. Một người rất to lớn, tóc xoắn tít như đầu ông bụt ốc, phát cho tôi bộ quần áo vải vàng viền đỏ. Mặc vào, tự ngắm mình, tôi thấy cũng hay hay. mấy thằng bạn đồng nghiệp, nghĩa là những thằng nhãi cũng chỉ chuyên việc hầu hạ các ông súc vật, đều khen tôi mặc đẹp và chúng còn khen tôi giỏi trai là khác nữa. Giờ hết việc, tôi tung tăng ra hàng nước, đi bách bộ quanh bờ rào, làm ra vẻ ta đây đi tuần xem có kẻ nào dòm nom nghịch ngợm gì không.

Cái gã to lớn tóc xoắn tuy có vẻ ác, lúc nào cũng cần lăm lăm chiếc gươm, nhưng chưa hề vụt tôi phát nào. Có lẽ tướng gã thì dữ dội, nhưng lòng thiện chăng! Những người khác cũng tử tế, chưa ai đánh mắng tôi. Tôi vẫn lấy làm lo ngại, và luôn luôn để mắt tới những bàn tay to lớn của bọn lực sĩ làm trò.

Phường xiếc mới đến, nên đang sửa soạn. Hai hôm nữa mới bắt đầu diễn. Chừng dăm hôm, tôi đã tò mò xem hết con vật này, con vật khác và đã đánh bạo lân la trò chuyện với mọi người. Những cô bé xinh xinh, khỏe mạnh và nhanh nhẩu, không cha, không mẹ, chúng đi giang hồ từ mắng sữa, cho đến bây giờ mới chỉ chừng mười tuổi mà đứa nào ăn nói cũng như bà cụ. Những cậu bé, cũng vào tuổi ấy, hoặc hơn một chút, đen trũi và thịt xương rắn chắc, ăn nói cũng không kém gì các bà cụ tí hon kia.

May nhờ mặt mũi tôi cũng dễ thương, bộ điệu tôi lúc nào cũng lễ phép lối đàn em, nên chúng thân với tôi ngay. Nhưng càng thân, tôi càng bị chúng sai đi mua quà suốt ngày.

Người đã vậy, xong rồi. Tôi chỉ còn tìm cách thân với các ông vật nữa. Xin cho tôi gọi thế, vì tôi thấy chúng được ông chủ chăm nom vỗ về, chiêu chuộng hơn cả với con người.

Me-sù Toby, ấy là con voi cụt một ngà, rất ác đối với mọi người, nhưng rất ngoan với chủ của nó. Khi thấy ông chủ đến, Me-sù Toby quỳ ngay xuống, cong vòi lên đón lấy mấy miếng đường hay quả chuối. Chú vượn già thì lúc nào cũng như chán nản ngẩn ngẩn ngắm mấy con hổ ủ rũ đứng nhìn thiên hạ đi lại nhặng sị ở bên ngoài. Ba cậu khỉ con trong khi ấy thì rất du côn, cứ thò tay ra ngoài chuồng để rình chớp đuôi mấy con chim trắng ngây thơ đậu ở chiếc vòng tròn trong cái chuồng sơn xanh đẹp như lầu công chúa. Cả một xã hội rừng xanh bị xô đẩy đến cái xã hội loài người, mà con người lúc này được làm chúa, được cầm roi vọt đánh quật, dạy bảo chúng như ông đồ dạy đánh lữ học trò ngu dốt vậy. Đến như Bòm tôi đây, thẳng nhai oắt ở cái làng Rừng tỉnh Bắc Ninh bé nhỏ kia, tự nhiên được nhập vào phường xiếc, được mặc bộ quần áo vàng nẹp đỏ, thế rồi thì lừa lúc không có ai, cũng cầm roi chọc sừ hổ một cái, đá nhẹ sừ voi một cái, véo tai sừ vượn một cái, chửi đồng mấy câu, làm ra ta đây gớm lắm. Buồn cười nhất là thằng Bòm này, từ thừa được mọc lên mặt đất, ngoài con trâu, con bò, con gà, con chó, bây giờ mới trông thấy những con thú rừng kỳ lạ ấy, vậy mà tôi đã nhón ngay với chúng! Cho hay, than ôi, than ôi... - tôi rất muốn than một câu để mà tôi khinh bỉ tôi một tí, nhưng cái thứ văn chương để diễn tả tư tưởng thực là khó quá, tôi không biết than ra sao cả, thôi thì Bòm bất tài xin chịu.

Tối nay đại diễn!

Voi đá bóng, đu dây (nặng như con tượng mà đu dây, khiếp!)

Sư tử hí cầu, nhảy lửa

Khỉ kéo xe, lái ô tô, xe đạp

Vượn bắn súng, đu bay

Chim già gạo, gánh nước

Ngựa vằn, voi tướng quân bày trận

Vân vân, vân vân...

Ồi chao, thì ra đấy toàn là những trò vè ghê gớm để thu tiền thiên hạ. Từ ngày được vào quét phân hầu hạ các ông rường, cái đầu óc hẹp hòi ngây ngô của thằng Bờm quê mùa này đâu có nghĩ ra rằng ở trên đời lại lắm trò thú vị, lạ lùng đến thế!

Tôi sờ dĩ đọc được tấm biển nó đang cõng trên lưng tôi, ấy cũng nhờ ơn anh Bếp rằng vàng dạy tôi học quốc ngữ trong ba tháng tôi chỉ quanh quẩn với việc lau chùi soong chảo. Cái gã lực lưỡng tóc bụt ốc, mặt sáng, đã đeo lên lưng tôi tấm biển nặng nề ấy, đội lên đầu tôi chiếc mũ đỏ nhọn hoắt vẽ những ngôi sao trắng, cầm chiếc bút to gần bằng chổi quét lia lia phấn trắng vào mặt tôi, phẩy dưới mũi tôi một bộ râu hắc-ín, rồi đá mạnh vào đít tôi một cái mà hét lớn:

- A-lê-hấp! Chia nhau ra mà đi các phố đông, phố vắng, ngoại ô, tất cả! Tao có ô tô đi tuấn, thằng oắt nào mà chúi vào một chỗ ngủ là tao tóm cổ về cho con Toby đập vỡ sọ!

Ồi chao, me-sừ voi kia mà quấn lấy tôi, giờ cao cái vôi lên trời, giáng mạnh tôi xuống đất, như thế thì còn gì đời Bờm tôi nữa.

U tôi cho tôi đi tìm cách để nên người. Vậy mà chưa ra cái ngợm gì, chỉ mới rửa soong chảo, sau đó là bây giờ đây, ngày ngày quét phân voi phân hổ, rồi lại ngửa mặt lên cho người ta trát vôi bôi mực vào mặt mũi, người ta đeo biển vào lưng, u ơi, người mẹ nghèo đói xa xôi của con ơi, con đã lay biệt mẹ ra đi để nên người như thế đấy, để cho con voi quật vớ sọ như thế đấy!

Ý nghĩ bi đát kia làm hai mắt tôi đỏ sọng. Tôi khóc. Tôi vâng lời người ta dạy. Tôi còng lưng xuống mà đi, đi hết các ngã phố phường cát bụi. Chứ biết làm sao! Những con thú rừng kia còn phải khuất phục người ta, chứ cái thằng Bờm nhãi nhép này là cái thá gì mà bướng.

Tôi nghênh ngang với chiếc mũ nhọn, bộ mặt hề, với tấm biển; người ta xúm đọc trên lưng tôi. Tôi có cảm tưởng lưng tôi nhoi nhói buốt lên vì hàng ngàn, hàng vạn, hàng triệu con mắt soi vào, chiếu vào, như những mũi kim châm. Tụi trẻ con bu kín quanh tôi, chúng ngắm tôi như ngắm một con chó ghê mà còn được chủ làm dáng bằng cách tết cái băng lụa và đeo chuỗi chuông đồng vào cổ. Thoạt tiên tôi còn xấu hổ ở những phố đầu, sang đến mấy phố sau, tôi cũng trơ đi. Đi qua những cửa hiệu có gương ngoài cửa, tôi liếc ngắm mặt mũi thân hình tôi, ủa này lạ, tôi thấy tôi ngồ ngộ, còn đẹp là khác nữa. Chứ sao! Chán người bôi phấn vẽ râu như tôi, mà họ lấy thế làm đẹp, thì tôi, sao lại cho mình là xấu, hả!

Mỗi gậy chân, và đau rừ bả vai xương sống vì tấm biển nặng. Tôi dờ khóc, dờ mếu, nhưng nghĩ đến lời dọa của gã lực lưỡng tóc quăn, tôi cứ phải đi, đi liền liền, không dám nghỉ, không dám uống nước, dù là uống nước Hồ Gươm, chứ tôi thì làm gì ra một đồng trình nhỏ.

Thành phố bật đèn, tôi mới quay về Khu chợ Hàng Da, đèn sáng rực trời. Lá cờ Pháp, lá cờ Nambay phất phới. Kèn “bú dích” du dương, ầm ỹ. Người xô lấy vé như nê cối. Có kẻ khi chưa lấy được vé thì đầu còn bóng, áo quần là hộp; khi đã mở một đường huyết chiến để vào và để ra, ông công tử ấy đầu bù, ca vát tuốt, cả người toét ra như cái giẻ rách.

Trong khi bao nhiêu con người sang trọng rất vất vả để chiếm được một ghế ngồi xem người và vật làm trò, thế mà Bờm tôi căng căng bộ mặt bần thiêu vác tấm biển vào ngay cửa chính, không có quý vị nào dám chen lấn tôi, không có bàn tay nào dám chìa ra đón vé tôi, ô hô! Sung sướng quá, danh giá quá! Tôi đã khổ cực cả ngày, thì giờ này tôi phải hưởng sự sung sướng, tôi phải đi nghênh ngang, tôi phải báo thù... cái sự vất vả của tôi.

Bên chuồng hổ, tôi họp các thằng bạn vác biển của tôi lại rồi quây tròn quanh một mâm cơm gạo đỏ và rau muống già. Đã bụng đói thì ăn ngon tất, vừa ăn vừa chùi mặt.

Chính vào lúc này, bọn trai gái kia đang bôi son, trát phấn, kẻ mày vẽ râu để sắp sửa ra làm trò.

“ Hết lượt ta, đến lượt họ, có riêng gì ai đâu?” - Tôi nghĩ được câu ấy, lấy làm khoái lắm.

Đến giờ khai diễn. Cả một thế giới lạ kỳ của voi, hổ, vượn, của những người mà ban ngày tôi đi mua cho họ từng củ khoai, bát cháo hoa, sang lắm là bát phở. Thế mà dưới ánh đèn, trong những bài kèn “bú-dích” rất là du dương, ầm ỹ, những con người đó, những con thú đó, làm những tiết mục xiếc khiến tôi kinh ngạc, sợ hãi quá đi mất. Các quý vị ban nãy huých gạt nhau như thù hằn để tranh mua vé, bây giờ ng ẩng sát vào nhau từng hàng rất

là có trật tự, rất là thân thiện, rất là đẹp đẽ để vỗ tay, để mời nhau hạt dưa, thuốc lá, để bàn tán khen với nhau không ngớt.

Tôi trốn việc, nấp vào một xó mà xem, ngây ngất. Tôi đâm ra kính phục các me-sù thú vật ấy quá đỗi. Sù voi, sù hổ, sù vượn, sù bú dù... Tôi lấy làm hối hận đã dám hỗn láo chọc que, đá trộm những bậc thiên tướng ấy. Cả cái thằng lùn, chỉ bé gọn bằng ngón tay mà ăn rất tục, nói rất láo, ngủ ngáy như chó xồm, ban ngày tôi ghét lắm, thế mà lúc này tôi lại sinh yêu nó. Nó pha hề rất có duyên, cười chết được.

Từ tối hôm đó, tôi có cảm tình đặc biệt với phường xiếc. Tôi kính trọng, thân mến hết những con người, con thú mà số kiếp đã đưa lại gần nhau, sống với nhau những ngày giang hồ lưu lạc.

Cái thằng hề lùn, tôi càng gần gũi nó, càng thấy nó dễ thương. Nó chọc cười thiên hạ đấy, nhưng tôi nhận thấy nhiều khi nó lủi ra chỗ vắng, ngẩng cổ thì ồ ồ bụng mặt khóc.

Một hôm nó ốm, người nóng như than. Không ai nhìn đến nó. Tôi thương nó lắm, đi lấy gừng, tỏi, trứng, rượu đánh cảm cho nó. Có một xu, tôi lại đi mua lá, nấu nước cho nó xông. Mồ hôi ra được, đỡ sốt, nó ôm lấy tôi cười mấy tiếng. Tôi cúi nhìn mặt nó, thấy nước mắt chảy ròng ròng.

- Bờm ơi, ta có một người mẹ. Mẹ ta ở mãi trên một vùng mạn ngược, ta nghe tin mẹ ta đang ốm...

Nó nước nỡ. Tôi chưa kịp an ủi nó thì người ta đã giục nó dậy sớm sửa ra trò. Nó gượng ngẩng lên, mặc bộ quần áo đỏ, bôi vẽ mặt. Tôi thấy tay chân nó còn run lảo. Chuông rung, hai con ngựa chạy ra. Người con gái tết

một bông hoa to tướng trên mái tóc, phấn trát bụi như quét vôi chạy ra nhảy tót lên mình một con ngựa. Đến lượt thẳng lùn. Nó vừa nhô ra sau tấm màn, người ta đã vỗ tay chào đón. Nó quay lông lốc ở giữa một cái vòng như quả bóng cho hai con ngựa nhảy qua. Tôi ở sau sân khấu lo lắng, chỉ sợ nó đang cơn sốt quay lơ một vòng thì vó ngựa giẫm không lời ruột cũng bể đầu. Con ngựa có cô gái đánh đàn đã vào buồng. Tới lượt thẳng lùn phải cỡi con kia. Nó bắc thang treo lên yên. Con ngựa phi nhanh quanh chiếc vòng. Nó chầm cầm, rún lên rún xuống, cười sảng sặc để phụ với tiếng cười của người xem. Vút! một sợi dây thép đã móc sẵn vào lưng nó nhấc bổng nó lên cao. Con ngựa chạy một mình. Nó bị treo lơ lửng, quay tít mấy vòng, nó la làng nước. Khán giả vỗ tay ầm ầm. Sợi dây hạ xuống, nó ngã cong queo. Mọi lần thì nó đứng dậy ngay, nhào lộn ba cái rồi mới chạy vào buồng trò. Nhưng lần này nó nằm thẳng cứng. Người xem càng cười rộ, cho là nó làm trò ra thế. Nhưng tôi biết, than ôi, tôi biết nó bị ngắt đi. Lùn ôi, khổ cho cái thân mày, có phải mày bị ngắt đi thực không? Tôi cuống quýt, tôi biết làm thế nào? Chẳng lẽ tôi chạy ra khiêng nó vào. Không được, công việc của tôi chỉ là quét dọn và vác biển, đâu đã được ra “sân khấu”.

Nhưng rồi cũng có người ra khiêng nó vào. Nó ốm nặng. Song mặc dầu ốm, tối sau nó vẫn phải ra làm trò, và vẫn phải làm lại cái trò treo lơ lửng ấy cho người ta hoan hô!

Thấm thoát phường xiếc đã ở Hà Nội một tháng rồi. Một ngày kia, ông chủ truyềnlệnh nhổ cột, hạ cờ, xếp ghế, để ra đi... Đi đâu? đi đến phương trời nào đây, hỡi đoàn người và đoàn vật không bao giờ yên chỗ? Tôi buồn rầu, suy nghĩ. Tôi quyết định rằng tôi không thể nào ra đi được nữa, vì ra đi nữa là xa mẹ tôi, xa cái mái lều rơm kia dầm dề, và biết đâu mãi mãi. Hơn

nữa, tôi thấy cái công việc bơi hồ vể nhỏ này r ồi cũng chẳng đưa tôi đến một tương lai tốt đẹp gì.

Thế là phường xiếc bỏ Hà Thành, còn tôi thì ở lại, lang thang các phố như h ồi anh Bếp rằng vàng bỏ tôi. Sự từ bỏ đoàn người, đoàn vật kia cũng khiến tôi buồn r ữ mất mười ngày. Nhất là anh lùn Bìn (tên anh), tôi mất anh là mất cả một tấm tình bạn bè đau xót. Bìn ơi, dù anh ở đâu, dù anh đi bán cười cho thiên hạ nơi nào, Bờm này vẫn thương anh, - tôi thương anh cũng như tôi thương cho cái thân phận tôi vậy.

- Anh Bìn! anh Bìn của tôi, biết ngày nào tôi lại được trông thấy cái miệng rộng của anh toét cười, và đôi mắt ốc nh ồi của anh rúc vào hai bàn tay mà khóc vì xa mẹ, như tôi?

IV

Ở đây, chuyện đã khá dài r ồi, tôi xin bỏ qua ít nhi ều đoạn giang hồ của tôi sau khi thôi phường xiếc.

Tôi chỉ cần vỗ ngực mà khoe với các bạn đọc rằng tôi đã lạc lõng xuống Hải Phòng, bán nước với ở bến Sáu Kho, bán bánh tây kẹp chả trên các chuyến tàu thủy, và tôi đã... làm xiếc (tôi học lỏm được ấy mà!) làm xiếc trên tàu, trên các bến xa lạ để kiếm ti ền.

Khoe thế r ồi, tôi cũng lại cần phải thân mật (các bạn cho phép Bờm đây được gọi là các bạn, vì r ồi đây biết đâu trong cuộc nổi chìm, Bờm sẽ chẳng được kể với các bạn nhi ều chuyện nữa). Vâng, vâng, tôi xin thân mật mà khuyên các bạn rằng *lúc nào ta cũng nên phấn đấu trong cuộc sống*. Tôi đã phấn đấu, và sẽ phấn đấu đến cùng để cho mẹ già tôi được hưởng những ngày no ấm, như mẹ tôi ngày đêm mong ước.

Một năm trời lông bông trên các ngã sông, trên các bến tàu, tôi đã gửi được khá tiền về cho u tôi, và tôi đã xin u tôi đừng đi gồng thuê gánh mướn nữa. Do một sự tình cờ, tôi lại quay về Hà Nội. Chán cái đời sông bến, tôi muốn sống giản dị, êm đềm để tạm nghỉ ngơi. Tức thì tôi đi bán báo. Tôi chạy, tôi kêu vang Hà Nội. Thú lắm, mỗi ngày tôi chỉ làm việc có một hai giờ trong buổi sáng, là đủ xu tiêu.

Xong giờ làm việc, tôi lại tụ họp mấy thằng đồng nghiệp đi chén thịt chó ở phố Hàng Hòm. Giữa lúc chén thịt chó, tôi thường hay làm vè, làm thơ (tôi nhắc lại đoạn về trên kia). Lũ nhãi bạn tôi cố võ, khuyến khích, vỗ tay, và đập bàn làm như các tay hảo hớn trong truyện Tàu cổ vậy. Thú lắm, nhưng lâu dần, rồi tôi tỉnh ngộ. Đồng tiền kiếm được, vì đua bọn nhãi mà tôi tiêu hết cả. Khốn nạn, chắc u tôi mong chờ, đau khổ lắm. Có lẽ u tôi lại phải đi gồng thuê gánh mướn như trước rồi chẳng.

“Ta phải làm ăn đứng đắn, phải thương mẹ, phải cố nên người!” - Tự khuyến khích thế rồi, tôi lìa bỏ lũ bạn bè hư hỏng. Tôi chia thì giờ làm việc: buổi sáng bốn giờ ở Dạ lễ viện lên toà báo, lĩnh báo đi bán. Chín giờ hết báo, tôi làm một nghề mới nữa là đi đánh giầy. Tôi mới sắm cái hòm gỗ nhỏ, sơn xanh đàng hoàng. Cái hòm đựng hai hộp kem đen đỏ, hai chai phấn, vài chiếc bàn chải, một bó giẻ; tay xách hòm, miệng rao quang quác: “mũ trắng, giày dôn... giày dôn, mũ trắng!”. Hai nghề này giúp tôi kiếm được một đồng bạc mỗi ngày. Cứ nửa tháng tôi lại tìm người làng gửi về quê cho u tôi một gói giấy, trong đó đựng những đồng hào, đồng bạc mới, và kèm một bức thư kể sự làm ăn rất chí thú của tôi, và không lần nào tôi quên xin u tôi cứ vui vẻ mà tin cậy vào tương lai của Bờm này.

Nửa năm sau, Hà Nội không thấy tôi rao báo, rao mũ trắng, giầy dôn nữa. Tôi không đi đâu cả. Tôi vẫn ở Hà Nội như thường, nhưng tôi đã đổi

nghề tôi đã xin được chân sắp chữ ở một toà báo lớn. Lương chẳng được bao nhiêu, nhưng tôi rất vui sướng, vì đây mới là bước đẹp để đưa tôi đến tương lai đó. Ở xưởng in, dẫu mỗi làm tôi nhem nhuốc, song tôi rất yêu quý nghề này. Đã bao lâu nay, mỗi lần đến lĩnh báo, tôi đã thềm thuồng đứng ngó nhìn người ta cần cù làm việc trước những ô chữ, và những tiếng máy in chạy sầm sầm nhả ra những tờ báo rộng đầy bài, đầy tin tức, khiến lòng tôi nao nức...

Tôi lại viết thư về cho mẹ tôi mừng. Một buổi chiều ở xưởng in về đến nhà trọ, tôi bỗng bàng hoàng, mừng mừng, tủi tủi: mẹ tôi kia, mẹ tôi ở nhà quê ra. Ôi! mẹ tôi béo hơn trước rồi. Mẹ tôi mặc tấm áo vải nâu dày mới may, song tóc mẹ tôi đã bạc nhiều hơn xưa. Mái tóc bạc có lẽ vì những ngày đợi chờ thương nhớ thằng con lưu lạc. Chân tay mẹ tôi đã đầy ra, có lẽ vì đã có những bát cơm nóng sốt, không phải nhịn nhường cho con ăn như trước nữa.

Bữa cơm ấy, tôi mua thêm vài hào chả trâu, lòng lợn, đãi mẹ tôi. Bữa cơm sang lắm đấy, nhưng cả hai mẹ con tôi chỉ nhìn nhau mừng quá mà ăn chút ít cũng no rồi.

Tôi vừa buông đĩa thì ở ngoài phố kèn “bú-dích” thổi vang trên một chiếc ô tô qua cửa. Tôi vội ngó ra: đó là phường xiếc mới về. Nhìn thoáng trên ô tô, nhận thấy vẫn là bọn người thổi kèn đánh trống của cái phường tôi làm năm nọ.

Mừng quá, tôi có dịp đưa mẹ tôi đi xem nhữn cái kỳ lạ ở trên đời, và tôi có dịp gặp lại những con người, con vật, bạn xưa cũ của tôi.

Tối đến, hai mẹ con tôi dắt nhau đi xem phố. Cái gì cũng khiến mẹ tôi khen ngợi một cách ngây ngô, bỡ ngỡ. Tôi càng thương xót mẹ tôi hơn.

Hai mẹ con tôi vào rạp, ngồi ghế hạng bét. Thế cũng là tốt rồi, là nhiều lắm lắm rồi. Tôi, nhất là mẹ tôi, còn dám mong gì hơn nữa! Bỗng tôi thấy thoáng bóng anh lùn Bìn đi ra cửa, vì chưa tới giờ khai diễn. Để mẹ tôi ngồi đấy, tôi vội chạy ra ôm choàng lấy anh mà reo lớn:

- Bìn ơi! anh Bìn ơi!

- Bớ này Bờm! Úi cha chả, đằng ấy lớn như thổi, bắp thịt như lực sĩ. Lại quần áo đằng hoàng góa! - Anh nói tiếng Sài Gòn. Anh ôm lấy chân tôi, kiễng mãi lên để vỗ vai tôi ba cái mạnh.

Chúng tôi hề hã, dắt nhau ra hàng nước, nói cười ba hoa như hai kẻ thủy thủ lâu ngày mới ghé cùng một bến để gặp nhau. Hai bát nước chè tươi, khói bốc lên nghi ngút. Tôi kể qua anh nghe những nghề nghiệp của tôi. Anh kể tôi nghe những cuộc phiêu lưu của anh qua tỉnh này, xứ nọ. Thôi thì Trung, Nam, Bắc, Miên, Lào đủ cả. Bao nhiêu tháng ngày, bao nhiêu cực khổ, bao nhiêu mưa nắng, vậy mà cái thân hình ngấn ngùn ủa anh vẫn thế, duy có bộ mặt anh thì già cỗi thêm nhiều, trông như một gốc cây cổ thụ. Chúng tôi ngồi lặng im để cùng cảm động với nhau trong hai phút. Bỗng tôi nắm tay anh, trở vào trong rạp:

- Kia, mẹ tôi kia anh ạ. Mẹ tôi mới ở quê ra...

Bìn nhìn theo ngón tay tôi, mỉm cười:

- Bà còn khỏe chán, anh nên mừng đi anh ạ.

Nói rồi, anh rầu rầu mặt lại, đầu cúi xuống, cúi xuống. Và một tay anh đưa lên đỡ lấy cằm. Tôi biết anh muốn khóc. Anh động lòng nghĩ đến người mẹ già đang ở tận một miền nước độc thượng du. Tôi toan tìm lời an ủi, thì có người gọi anh vào để ra trò. Mười phút sau, anh bạn tôi đã ra trò. Anh lại

nhắc lại những câu khôi hài, những dáng điệu ngộ nghĩnh của mình để làm cho thiên hạ cười rũ rượi, vỗ tay ầm ỹ.

Truyền Bá, số 58 / 1942